

BẢN TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT VIỆN THÔNG

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BTTTT ngày tháng năm của Bộ Thông tin và Truyền Thông)

1. Văn bản lấy ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông: Văn bản số 653/BTTTT-CVT ngày 27/02/2024

2. Các cơ quan gửi xin ý kiến:

- 28 Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở Trung ương;

- 63 UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Sở Thông tin và Truyền thông;

- 16 đơn vị thuộc Bộ;

- 132 tổ chức, doanh nghiệp;

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã thực hiện việc đăng tải Hồ sơ xây dựng Nghị định trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định (Công văn số 653/BTTTT-CVT ngày 27/02/2024). Đến ngày 27/3/2024, trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông chưa ghi nhận có ý kiến góp ý cho dự thảo Nghị định.

3. Kết quả:

Bộ Thông tin và Truyền thông đã nhận được và tổ chức nghiên cứu tiếp thu và giải trình tổng số 306 ý kiến góp ý của 64 cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

4. Các nội dung góp ý cụ thể được tổng hợp tại bảng dưới đây

TT	Điều, khoản	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến của Cơ quan soạn thảo		Giải trình
				Tiếp thu	Bảo lưu	
CÁC ĐƠN VỊ NHẤT TRÍ VỚI DỰ THẢO TỜ TRÌNH VÀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH						
1.		Hòa Bình				
2.		Thái Nguyên				
3.		Cần Thơ				
4.		Đắk Lắk				
5.		Bình Phước				
6.		Quảng Bình				
7.		Bắc Giang				
8.		Vụ Kinh tế số và Xã hội số (Bộ TT&TT)				
9.		Tuyên Quang				
10.		Phú Yên				
11.		Bến Tre				
12.		Bộ Y Tế				
13.		Quảng Ngãi				
14.		Đồng Tháp				
15.		Vĩnh Long				
16.		Các bộ, cơ quan được lấy ý kiến khác mà đến ngày				Theo nội dung công điện số 280/CĐ-TTg ngày 19/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc của các bộ, cơ quan, địa phương,

		27/3/2024 Bộ TT&TT vẫn chưa nhận được văn bản trả lời (công văn gửi lấy ý kiến của Bộ TT&TT ngày 27/2/2024)				trường hợp quá thời hạn quy định mà bộ, cơ quan được lấy ý kiến không trả lời hoặc chậm trả lời thì được xác định là đồng ý với ý kiến và đề xuất của cơ quan lấy ý kiến theo đúng quy định của Quy chế làm việc của Chính phủ
GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO TỜ TRÌNH						
1.	Cơ sở pháp lý	Bộ VH, TT và DL	đề nghị sửa cụm từ “Theo đó, Thông tin và Truyền thông” thành “Theo đó, Bộ Thông tin và Truyền thông”	x		Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo
2.	Quan điểm xây dựng chính sách	Bộ VH, TT và DL	Dự thảo Nghị định gồm quy định chi tiết và biện pháp thi hành nhưng tại mục Quan điểm xây dựng chính sách tại Tờ trình có nêu “Nội dung rõ ràng, cụ thể, chi tiết và khả thi; chỉ quy định nội dung do Luật giao Chính phủ quy định chi tiết, không quy định nội dung mới...”. Đề nghị chỉnh sửa để phù hợp với dự thảo Nghị định	x		Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo
3.	Quan điểm xây dựng chính sách	Bộ VH, TT và DL	Dự thảo Tờ trình cần ghi rõ số lượng điều, nội dung quy định chi tiết Luật giao, số lượng điều, nội dung quy định biện pháp thi hành. Trường hợp biện pháp thi hành có chính sách mới thì bổ sung Báo cáo đánh giá tác động chính sách	x		Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo
4.	Quan điểm xây dựng chính sách	Bộ VH, TT và DL; Bộ Nội vụ	Đề nghị bổ sung mục về nguồn lực khi dự thảo Nghị định được ban hành bảo đảm Nghị định sau khi được ban hành không làm tăng thêm đầu mỗi tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	x		Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo

5.	Cơ sở pháp lý	Vụ HTQT (Bộ TT&TT)	<p>Về cơ sở pháp lý, mặc dù trong quá trình ban hành Luật Viễn thông 2023 (sửa đổi) đã nêu, đề nghị vẫn nên xem xét bổ sung “các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam đang là thành viên” vì thực tế trong quá trình dự thảo Nghị định, Ban soạn thảo và Tổ Biên tập vẫn tiếp tục rà soát các điều ước quốc tế liên quan, cụ thể là các cam kết quốc tế về dịch vụ viễn thông trong các FTA.</p> <p>Cụ thể đề nghị sửa đổi, bổ sung đoạn sau:</p> <p>“Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 đã được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại kỳ họp thứ 6 và được Chủ tịch nước công bố tại Lệnh số 11/2023/L-CTN ngày 01 tháng 12 năm 2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 (quy định về quản lý dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025), và các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam đang là thành viên.”</p>		x	Nội dung rà soát với các cam kết quốc tế được thể hiện trong Báo cáo rà soát các văn bản QPPL có liên quan
6.	Mục đích	Vụ HTQT	<p>Về mục đích, đề nghị sửa đổi theo hướng ngắn gọn, tập trung, cụ thể:</p> <p>“- Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung được Luật Viễn thông năm 2023 giao, đảm bảo một số quy định của Luật được thực thi một cách thống nhất, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, bảo vệ quyền và lợi ích lâu dài của người sử dụng, đảm bảo việc quản lý lĩnh vực viễn thông một cách hiệu quả, hiệu lực và phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đang là thành viên.”</p>			Tiếp thu một phần , chỉnh lý dự thảo
GÓP Ý DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH						
CÁC VẤN ĐỀ CHUNG						

1.	Chương I	Hải Phòng	Chương I có tiêu đề là “Những quy định chung”; tuy nhiên lại chỉ có một điều, đề nghị đơn vị chủ trì xem xét chỉnh lý cho hợp lý	x		Tiếp thu , chỉnh lý dự thảo
2.	Chương về Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động	Bộ VH, TT và DL	- Các quy định về quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông đề nghị rà soát các nội dung của việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố đảm bảo phù với quy định của Luật Quy hoạch và các văn bản hướng dẫn thi hành			Bộ TT&TT xin giải trình như sau: Theo Phụ lục II Luật Quy hoạch và khoản 1 Điều 63 Luật Viễn thông (2023), quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành cụ thể hóa quy hoạch tính. Theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Luật Quy hoạch, việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, trong trường hợp này là Luật Viễn thông (2023) và dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật. Do đó, việc quy định các nội dung trong dự thảo về quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là phù hợp với Luật Quy hoạch và Luật Viễn thông.
3.		Quảng Trị	Đề nghị quy định cụ thể đơn vị có trách nhiệm thẩm định dự toán quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của địa phương			Bộ TT&TT xin giải trình như sau: Nội dung này đã quy định đối với Tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch
4.	Chương VI Công trình viễn thông	MobiFone	Đề xuất bổ sung thêm điều khoản chế tài đối với tổ chức, cá nhân cản trở công tác xây dựng, phá hoại,... công trình viễn thông, xâm phạm công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.	x		Bảo lưu. Chế tài xử lý các vi phạm sẽ được quy định trong Nghị định về xử lý vi phạm hành chính
5.		MobiFone	- MobiFone đề xuất bổ sung các quy định về quản lý bán buôn đã quy định trong Luật Viễn thông nhưng chưa có trong Dự thảo Nghị định hướng dẫn. Với việc hợp tác giữa các doanh nghiệp viễn thông cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê mạng viễn thông hoặc mua lưu lượng, dịch vụ viễn thông của mình để phục vụ việc cung cấp dịch vụ viễn thông,	x		- Về quy định quản lý bán buôn: bảo lưu. Việc quy định chi tiết hoạt động bán buôn thuộc thẩm quyền của Bộ TT&TT theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Viễn thông (2023).

			<p>đề nghị hướng dẫn chi tiết về phương thức bán buôn, phân chia doanh thu cũng như phương thức báo cáo, quản lý giá, chính sách cho thuê lại đầu số.</p> <p>- MobiFone đề nghị bổ sung thêm điều khoản về việc phòng chống gian lận trên mạng viễn thông:</p> <p>+ Các doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm phối hợp thực hiện các biện pháp phòng chống gian lận trên mạng viễn thông.</p> <p>+ Trường hợp doanh nghiệp có kết nối không hợp tác thực hiện các biện pháp phòng, chống gian lận, doanh nghiệp bị vi phạm có quyền đơn phương tạm dừng một phần hoặc toàn bộ dung lượng kết nối.</p>			<p>- Về bổ sung quy định về phòng chống gian lận trên mạng viễn thông: bảo lưu. Luật Viễn thông không giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết vấn đề này.</p>
6.		FPT	<p>Liên quan đến việc thay đổi tên gọi, nội dung của các loại Giấy phép viễn thông</p> <p>Hiện tại, FPT Telecom được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng và Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông. Theo tinh thần của Luật Viễn thông 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành, hai loại giấy phép này sẽ được điều chỉnh thành Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.</p> <p>FPT Telecom đề nghị bổ sung nội dung chuyển tiếp, trong đó vẫn ghi nhận giá trị pháp lý của các loại giấy phép viễn thông được cấp theo Luật Viễn thông 2009 cho đến khi DNVT hoàn tất việc thay đổi giấy phép theo Luật Viễn thông 2023. Ngoài ra, kính mong Quý Cơ quan ban hành quy định hướng dẫn cho việc chuyển đổi giấy phép này.</p>		x	<p>Bảo lưu. Luật Viễn thông (2023) đã có quy định chuyển tiếp tại Điều 73 cho phép các giấy phép viễn thông được cấp theo quy định của Luật Viễn thông năm 2009 tiếp tục được thực hiện cho đến khi hết thời hạn giấy phép.</p>
7.		Viettel	<p>Đề xuất bổ sung quy định liên quan đến các công trình viễn thông được miễn giấy phép xây dựng như sau:</p>			<p>Tiếp thu một phần, Bộ TT&TT sẽ kiến nghị với Bộ Xây dựng để nghiên cứu xem xét sửa đổi Nghị định 15/2021/NĐ-CP sau khi Nghị định này được ban hành để bảo đảm tính đồng bộ thống nhất của hệ thống pháp luật</p>

		<p>“Sửa đổi khoản 2 Điều 49 Nghị định 15/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng như sau:</p> <p>Điều 49. Các trường hợp miễn giấy phép xây dựng đối với công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động</p> <p>Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, gồm:</p> <p>2. Công trình cột ăng ten theo quy hoạch và hướng dẫn của các địa phương được xây dựng tại khu vực đô thị phù hợp với quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.”</p> <p>Lý do:</p> <p>Điều 49 Nghị định 15/2021/NĐ-CP quy định:</p> <p>Điều 49. Các trường hợp miễn giấy phép xây dựng đối với công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động</p> <p>Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, gồm:</p> <p>2. Công trình cột ăng ten <u>không công kênh theo quy định của pháp luật về viễn thông</u> được xây dựng tại khu vực đô thị phù hợp với quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>Hiện nay, định nghĩa về “cột ăng ten không công kênh” đang được quy định tại Thông tư 14/2013/TT-BTTTT.</p>		
--	--	---	--	--

			Bởi vì Thông tư 14/2013/TT-BTTTT sẽ bị hủy bỏ hiệu lực, do đó đề xuất sửa đổi quy định về các trường hợp được miễn giấy phép xây dựng theo hướng: “ <i>Công trình cột ăng ten theo quy hoạch và hướng dẫn của các địa phương</i> ”.			
8.	Cà Mau	<p>+ Cơ quan chủ trì soạn thảo cần đánh số thứ tự của dự thảo văn bản (Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ);</p> <p>+ Đề nghị cơ quan soạn thảo sắp xếp lại thứ tự các Chương cho phù hợp (Khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ).</p>	x		Tiếp thu , chỉnh lý dự thảo	
9.	Bộ Nội vụ	<p>1. Về sự cần thiết ban hành Nghị định Thống nhất với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. Tuy nhiên, đề nghị đánh giá tác động chính sách nhằm thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 90 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), bảo đảm không phát sinh thủ tục hành chính gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức, doanh nghiệp, người dân.</p> <p>2. Về trình tự, thủ tục, kỹ thuật soạn thảo văn bản</p> <p>2.1. Đề nghị rà soát lại dự thảo Nghị định để đảm bảo đúng thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ).</p> <p>2.2. Để đảm bảo tính khả thi, phù hợp với thực tiễn sau khi được ban hành, đề nghị lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động của văn bản, chuyên gia, người làm thực tiễn</p>	x		<p>- Tiếp thu. Bổ sung các đánh giá tác động chính sách theo quy định và rà soát dự thảo Nghị định về thể thức, về nội dung bảo đảm chỉ quy định các nội dung mà Luật giao thẩm quyền cho Chính phủ. Trong quá trình xây dựng Nghị định, Bộ TT&TT đã thực hiện việc lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL.</p> <p>- Về việc đề cập đến cơ quan thuộc Bộ TT&TT trong dự thảo Nghị định, Bộ TT&TT xin giải trình như sau: do dự thảo có quy định các thủ tục hành chính nên để thuận tiện cho doanh nghiệp và bảo đảm Nghị định triển khai được ngay sau khi ban hành, Bộ TT&TT đề xuất quy định cụ thể trong dự thảo Nghị định đầu mỗi tiếp nhận, xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Vấn đề này đã được thực hiện ổn định trong thời gian qua từ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Viễn thông năm 2009 và bảo đảm không làm phát sinh thêm đầu mối, tổ chức.</p>	

			<p>theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để hoàn thiện dự thảo Nghị định.</p> <p>3. Về nội dung dự thảo Nghị định</p> <p>3.1. Đề nghị chỉ quy định tại dự thảo Nghị định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chính phủ giao nhiệm vụ cho Bộ, ngành, địa phương. Theo đó, rà soát bỏ các nội dung Chính phủ giao nhiệm vụ cụ thể cho đơn vị cấu thành Bộ Thông tin và Truyền thông (Ví dụ như tại Điều 44, Điều 7, Điều 46, Điều 47..., thẩm quyền thuộc Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông), bảo đảm phù hợp với phân công của Chính phủ về quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; đồng thời rà soát các quy định khác để thống nhất trong dự thảo.</p>			
10.		Bộ Công Thương	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo trong quá trình soạn thảo, rà soát kỹ các cam kết, lộ trình mở cửa nếu có trong cam kết dịch vụ viễn thông tại các hiệp định thương mại mà Việt Nam đã tham gia để đảm bảo tính nhất quán	x		Tiếp thu. Bộ TT&TT đã rà soát dự thảo Nghị định bảo đảm nhất quán với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia
11.		Lâm Đồng	Nghiên cứu bổ sung thêm Điều quy định cụ thể về thu hồi, khóa 1 chiều, khóa 2 chiều đối với thuê bao di động: có thông tin thuê bao không đúng quy định, thuê bao không hoạt động trong thời gian dài, thuê bao vi phạm hợp đồng.			Tiếp thu đã chỉnh lý dự thảo
12.		Đắk Nông	Đề xuất điều chỉnh: “Đối tượng áp dụng: Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến việc lập, phê duyệt, ban hành và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương.”			Bộ TT&TT xin giải trình như sau: Điều 2 dự thảo Nghị định quy định đối tượng áp dụng của Nghị định này là các tổ chức cá nhân trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động viễn thông tại Việt Nam. Luật Viễn thông có quy định “hoạt động viễn thông” bao gồm hoạt động xây dựng công trình viễn thông, trong đó có vấn đề quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động. Do đó đối tượng áp dụng của Nghị định đã bao gồm cả các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến việc

						lập, phê duyệt, ban hành và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương
13.		Đài TH Việt Nam	Ngoài ra, đề nghị đơn vị soạn thảo làm rõ một số nội dung mà Luật Viễn thông chưa có hướng dẫn như: quy định cụ thể đối với việc loại trừ các tên miền quốc gia trong danh mục tên miền được bảo vệ ra khỏi các thủ tục đấu giá, chuyển nhượng. Bổ sung các nội dung về phần mã định danh ASN (Autonomos System Number) vào Dự thảo.			Bộ TT&TT xin giải trình như sau: Nội dung này thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định về quản lý tài nguyên Internet
14.		Thanh tra Chính phủ	Đề nghị Bộ TT&TT nghiên cứu tiếp thu đầy đủ ý kiến các bộ ngành, cơ quan có liên quan để hoàn thiện dự thảo Nghị định	x		Tiếp thu.
CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ						
1.	Điều 1	Bộ Nội vụ; VNPT, MobiFone	Đề nghị rà soát lại toàn bộ các điều khoản viện dẫn trong dự thảo Nghị định và thực hiện điều chỉnh để đảm bảo chính xác, phù hợp với các nội dung giao cho Chính phủ quy định chi tiết trong Luật Viễn thông năm 2023	x		Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo
2.		Quỹ DV VTCI	Đối với Điểm d Khoản 3 Điều 13, Khoản 2 Điều 31 không có nội dung hướng dẫn trong Nghị định này. Đề nghị nhóm soạn thảo bổ sung hướng dẫn		x	Bảo lưu. Điểm d khoản 3 Điều 13, khoản 2 Điều 31 của Luật Viễn thông không có nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết.
3.	Điều 2, khoản 1	HTC	- Nên có định nghĩa rõ doanh nghiệp viễn thông là gì? - Các doanh nghiệp vừa và lớn có tổ chức theo mô hình tập đoàn, Công ty Mẹ và Con, liên kết; để tổ chức các doanh nghiệp kinh doanh theo các phạm vi, thị trường dịch vụ, đối tượng khác nhau. Ví dụ: Công ty mẹ phục vụ mạng đường trục; Các công ty con sẽ phục vụ phạm vi các vùng miền,... Nếu quy định không rõ sẽ hạn chế tổ chức theo mô hình này. Đề nghị làm rõ “ một thị trường dịch vụ viễn thông thuộc Danh mục dịch vụ viễn thông do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định ”: có thuộc Thị trường dịch vụ viễn thông Nhà		x	Bộ TT&TT xin giải trình như sau: - Thuật ngữ “Doanh nghiệp viễn thông” đã được giải thích tại khoản 29 Điều 3 Luật Viễn thông. - Thị trường dịch vụ viễn thông phải quản lý sở hữu chéo tại Điều 2 và thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý tại Điều 6 phục vụ các mục đích quản lý khác nhau nên không nhất thiết trùng nhau.

			nước quản lý (điều 6)?,...; nội dung Điều 2 chỉ nên áp dụng với các doanh nghiệp thuộc phạm vi Điều 6, 7.			
4.	Bộ Công Thương		<p>Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ căn cứ và mục tiêu quản lý để đưa ra ngưỡng 20% đối với một tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ hoặc cổ phần tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định.</p> <p>Trên thực tế, có những doanh nghiệp nắm giữ dưới 20% vốn điều lệ hoặc cổ phần trong một công ty nhưng vẫn có quyền kiểm soát chi phối (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định 35/2020/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh) và quyết định hành vi của doanh nghiệp trên thực tế.</p> <p>Theo đó, dự thảo Nghị định cần quy định cụ thể về tỷ lệ sở hữu của tổ chức, cá nhân, đồng thời kèm theo điều kiện tổ chức, cá nhân không có quyền kiểm soát chi phối theo quy định của pháp luật cạnh tranh đối với 02 doanh nghiệp viễn thông khác nhau.</p>			<p>Bộ TT&TT xin giải trình như sau:</p> <p>Quy định như dự thảo là kế thừa quy định hiện hành tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 25/2011/NĐ-CP với mục đích nhằm kiểm soát sở hữu chéo trong kinh doanh dịch vụ viễn thông, góp phần bảo đảm cạnh tranh lành mạnh. Quy định này đã được thực thi có hiệu quả thực tế thời gian qua trong quá trình tái cơ cấu Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam giai đoạn 2014-2015, là cơ sở pháp lý để tách MobiFone khỏi VNPT, tạo được thị trường dịch vụ thông tin di động cạnh tranh lành mạnh. Do đó Bộ TT&TT đề nghị được giữ như dự thảo.</p>
5.		Vụ KHCN (Bộ TT&TT); VNPT	Xem xét đồng nhất hoặc làm rõ “dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng” và “dịch vụ viễn thông cộng thêm”; “dịch vụ fax” và “dịch vụ fax giá tăng giá trị”; “dịch vụ viễn thông cơ bản” và “dịch vụ viễn thông cơ bản” trên Internet;	x		Tiếp thu một phần. Bộ TT&TT đã chỉnh lý lại quy định về phân loại dịch vụ viễn thông trong dự thảo Nghị định để làm rõ về dịch vụ viễn thông cộng thêm.
6.	Điều 2, khoản 1, khoản 2	VNPT	<p>VNPT đề nghị lược bỏ quy định “<i>hoặc cổ phần</i>” trong khoản 1, khoản 2 Điều 2 vì thuật ngữ “<i>vốn điều lệ</i>” đã bao hàm “<i>cổ phần</i>”</p> <p>Đề nghị xem xét, chỉnh sửa cơ quan ban hành Danh mục dịch vụ viễn thông tại khoản 1 Điều 2 là Chính phủ vì không thuộc thẩm quyền của Bộ Thông tin và Truyền thông. Đồng thời đề nghị rà soát các điều, khoản khác trong dự thảo Nghị định (VD: khoản 2 Điều 4 Điểm k khoản 2; điểm h khoản 3; khoản 6 Điều 5, điểm k khoản 2; điểm h khoản 3; khoản 6 Điều 5; khoản 6 Điều 8...) và thực hiện điều chỉnh với lý do tương tự.</p>		x	Bảo lưu. Bộ TT&TT giải trình như sau: Qua tham khảo Nghị định 35/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của luật cạnh tranh, Bộ TT&TT thấy vẫn cần quy định kiểm soát tỷ lệ sở hữu chéo theo cả vốn điều lệ hoặc cổ phần.

			<p>Lý do:</p> <p>Theo quy định tại khoản 34 Điều 4 Luật Doanh nghiệp: “<i>Vốn điều lệ...là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần</i>”.</p> <p>Khoản 6 Điều 20 Luật viễn thông năm 2023 quy định “6. <i>Chính phủ quy định chi tiết việc phân loại dịch vụ viễn thông, cung cấp dịch vụ viễn thông</i>”.</p> <p>- Khoản 2 Điều 11 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “2. <i>Cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không được ủy quyền tiếp</i>”.</p>			
7.	Điều 3	HTC	<p>Theo xu hướng chung của thế giới, Chính phủ cần xây dựng một khung pháp lý chung nhất điều chỉnh về Điện toán đám mây để làm nền tảng cho quan hệ pháp lý với khách hàng. Tuy nhiên, định nghĩa Điện toán đám mây tại Luật Viễn thông 2023 còn khá tổng quát, chưa cụ thể, khiến các doanh nghiệp khó xác định được loại dịch vụ viễn thông nào thuộc Điện toán đám mây.</p> <p>Trong khoa học pháp lý, có hai cách định nghĩa thuật ngữ trong các văn bản quy phạm pháp luật là định nghĩa theo tập hợp và định nghĩa thông qua liệt kê. Với những văn bản quy phạm pháp luật có phạm vi điều chỉnh rộng, có tính ổn định lâu dài như Bộ luật, Luật thì nên đưa định nghĩa theo tập hợp, còn những văn bản dưới luật như Nghị định trong một số trường hợp, nếu dùng cách định nghĩa theo tập hợp mà không sát đúng với định nghĩa hoặc gây nên những trở ngại nhất định cho hoạt động thực tiễn thì người định nghĩa nên sử dụng phương pháp liệt kê. Định nghĩa Điện toán đám mây trong Luật Viễn thông được giải thích theo cách tập hợp nêu ra được đặc điểm của loại dịch vụ này, tuy nhiên chưa cụ thể hóa được cách xác định loại hình dịch vụ viễn thông nào trong hoạt động thực tiễn thuộc Điện toán đám mây. Chính vì vậy,</p>	x		<p>Tiếp thu một phần. Quy định cụ thể về danh mục dịch vụ điện toán đám mây sẽ do Bộ TT&TT ban hành.</p>

			<p>Dự thảo cần có quy định nêu định nghĩa Điện toán đám mây thông qua liệt kê các loại dịch vụ cụ thể.</p> <p>Công ty HTC góp ý Dự thảo bổ sung quy định hướng dẫn khoản 10 Điều 3 Luật Viễn thông 2023 như sau:</p> <p>“Điện toán đám mây quy định tại khoản 10 Điều 3 Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 bao gồm các dịch vụ:</p> <p>a) Thông tin trực thông tin trực tuyến và truy cập lấy thông tin từ cơ sở dữ liệu;</p> <p>b) Lưu trữ và chuyển, lưu trữ và khôi phục thông tin;</p> <p>c) Thông tin trực tuyến và xử lý dữ liệu (bao gồm xử lý giao dịch);</p> <p>d) xử lý dữ liệu, cho thuê và các dịch vụ liên quan khác.”</p>		
8.	Bộ Công thương	<p>Tiêu đề của Điều 3 dự thảo Nghị định; “Xử lý vụ việc cạnh tranh trong kinh doanh dịch vụ viễn thông”. Tuy nhiên, nội dung quy định của Điều 3 dự thảo Nghị định chưa phù hợp và tương ứng với tiêu đề, cụ thể:</p> <p>Thứ nhất, khoản 1 Điều này hiện đang quy định nguyên tắc áp dụng pháp luật cạnh tranh trong điều tra, xử lý đối với các vụ việc hạn chế cạnh tranh và vụ việc vi phạm quy định về tập trung kinh tế trong kinh doanh dịch vụ viễn thông, mà chưa quy định nguyên tắc áp dụng pháp luật trong điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh không lành mạnh - là một trong các loại vụ việc cạnh tranh theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật Cạnh tranh . Trong khi đó, Luật Viễn thông không có quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh, việc xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ viễn thông khác với quy định của Luật Cạnh tranh.</p> <p>Thứ hai, khoản 2 Điều này quy định về việc tham vấn ý kiến trong quá trình xem xét hồ sơ đề nghị hưởng miễn</p>		<p>Tiếp thu một phần. Chính lý lại tiêu đề và khoản 1 dự thảo.</p> <p>Về nội dung khoản 2, Bộ TT&TT đề xuất giữ quy định tham vấn cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông để có cơ sở phối hợp trong quản lý cạnh tranh phù hợp với Luật Cạnh tranh và điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Viễn thông. Việc tham vấn chỉ thực hiện đối với các nội dung liên quan đến kinh doanh dịch vụ viễn thông.</p>	

			<p>trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm và thẩm định tập trung kinh tế trong hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông. Trong khi đó, việc xem xét, quyết định việc miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm và thẩm định việc tập trung kinh tế là hai thủ tục hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh, không phải là vụ việc cạnh tranh theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Cạnh tranh.</p> <p>Do đó, để đảm bảo tiêu đề và nội dung quy định tại Điều 3 dự thảo Nghị định tương ứng với nhau và phù hợp với quy định tại Luật Viễn thông, Luật Cạnh tranh hiện hành, đề nghị Cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi tiêu đề Điều 3 dự thảo Nghị định thành: “Điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh, kiểm soát tập trung kinh tế, quyết định việc miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ viễn thông”. - Sửa đổi khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định thành: “Việc điều tra, xử lý các vụ việc cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ viễn thông thực hiện theo quy định tại Luật Cạnh tranh”. - Bỏ khoản 2 Điều 3 tránh trùng lặp. Trong trường hợp giữ lại, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ cụm từ "trong hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông" tại khoản 2 Điều 3. Vì trong thực tế, Công ty A kinh doanh trong hoạt động dịch vụ viễn thông mua lại Công ty B kinh doanh trong hoạt động không liên quan đến viễn thông (ví dụ như nước giải khát) thì có cần phải tham vấn cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông hay không? 			
9.	Điều 4	VNPT	<p>VNPT đề nghị định nghĩa cụ thể để phân biệt rõ hai loại hình mạng viễn thông sau: mạng viễn thông cố định vệ tinh và mạng viễn thông di động vệ tinh.</p>		x	<p>Bảo lưu. Bộ TT&TT xin giải trình như sau: việc phân loại mạng cố định vệ tinh và di động vệ tinh trên cơ sở khả năng di động của thiết</p>

			Hoặc xem xét thay thế 2 loại hình mạng trên bằng các loại hình mạng sau: Mạng viễn thông vệ tinh tầm thấp; Mạng viễn thông vệ tinh tầm trung; Mạng viễn thông vệ tinh địa tĩnh.			bị đầu cuối. Phân loại này đã được thực hiện ổn định, rõ ràng trong thời gian qua.
10.	Mobifone	<ul style="list-style-type: none"> - Theo các quy định tại Dự thảo thì mạng Internet vệ tinh sử dụng vệ tinh tầm thấp (Low Earth Orbit) sẽ được xác định là mạng viễn thông và dịch vụ viễn thông loại nào và có các chính sách quản lý ra sao? Trong trường hợp nhà mạng trong nước hợp tác với doanh nghiệp nước ngoài để cung cấp dịch vụ Internet vệ tinh sẽ cần tham chiếu theo các quy định pháp lý nào để đảm bảo tính pháp lý. - Đề nghị sau khi Dự thảo Nghị định được ban hành, bổ sung hướng dẫn chi tiết về danh mục dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng và dịch vụ cộng thêm phù hợp với tình hình thực tế và hiện trạng cung cấp dịch vụ của các nhà mạng. - Khoản 1 Điều 5: Đề nghị xem xét lại về việc quy định Dịch vụ mạng là dịch vụ viễn thông cơ bản. - Khoản 2 Điều 5: Dịch vụ fax: hiện nay không còn được sử dụng. Đề nghị xem xét không đưa vào danh mục các dịch vụ viễn thông cơ bản. - Dự thảo Nghị định không có quy định về dịch vụ ứng dụng viễn thông; đề nghị bổ sung hướng dẫn về dịch vụ ứng dụng viễn thông. 		x	<p>Bảo lưu. Bộ TT&TT xin giải trình như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc phân loại mạng cố định hay di động là căn cứ trên khả năng di động của thiết bị đầu cuối và đặc điểm dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp. - Về dịch vụ viễn thông: Bộ TT&TT đã rà soát việc bổ sung dịch vụ mạng vào dịch vụ viễn thông cơ bản là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 7 Điều 3 của Luật Viễn thông. Dịch vụ này về bản chất bao gồm việc thực hiện tính năng gửi, truyền, nhận thông tin cho người sử dụng nhưng được cung cấp giữa các doanh nghiệp viễn thông với nhau. Đối với dịch vụ fax, Bộ TT&TT đề nghị giữ như dự thảo để thống nhất với danh mục dịch vụ viễn thông mà Việt Nam đã cam kết trong WTO. - Về dịch vụ ứng dụng viễn thông: theo quy định tại khoản 12 Điều 3 và khoản 2 Điều 20 Luật Viễn thông, dịch vụ ứng dụng viễn thông không phải dịch vụ viễn thông và việc cung cấp các dịch vụ này sẽ thực hiện theo pháp luật có liên quan. Do đó việc quy định hướng dẫn về các dịch vụ ứng dụng viễn thông không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này. 	
11.	Cục Tần số VTD	Đề nghị hướng dẫn cụ thể khoản 5 Điều 19 Luật Viễn thông trong dự thảo Nghị định và sửa khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định để tổ chức, cá nhân nắm rõ được loại mạng viễn thông dùng riêng vô tuyến nào cần phải có giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng. Xem xét		x	Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo	

			chỉ cấp phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng vô tuyến có sử dụng băng tần thuộc đối tượng phải cấp giấy phép sử dụng băng tần		
12.	Điều 5	HTC	Đề nghị làm rõ cung cấp những dịch vụ nào cần phải cấp phép, dịch vụ nào chỉ đăng ký và thông báo.		Bộ TT&TT xin giải trình như sau: Dịch vụ viễn thông thực hiện thủ tục đăng ký, thông báo đã được quy định tại Điều 44. Các dịch vụ viễn thông khác phải có giấy phép cung cấp dịch vụ.
13.		Viettel	Đề xuất xem xét bổ sung thêm các dịch vụ: x) Dịch vụ viễn thông không đối đất (A2G, Air to Ground); x) Dịch vụ wifi trên máy bay (in-flight wifi); x) Dịch vụ Direct to Device (dịch vụ viễn thông trực tiếp từ vệ tinh đến thuê bao di động. x) Dịch vụ mạng di động riêng (PMN – Private Mobile Network.	x	Bảo lưu. Bộ TT&TT xin giải trình như sau: Đây là những dịch vụ mới hiện nay thông lệ quốc tế chưa có nội hàm và phân loại rõ ràng. Do đó, trước mắt chưa đề xuất bổ sung vào dự thảo Nghị định mà sẽ do Bộ TT&TT quy định thêm khi đã rõ. Đối với một số dịch vụ như dịch vụ mạng di động riêng thì có thể xem xét phân loại vào các dịch vụ đã có trong danh mục ví dụ: dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ truyền dẫn cho kết nối máy với máy,... trên cơ sở doanh nghiệp mô tả rõ đặc tính dịch vụ dự kiến cung cấp.
14.		Quý DV VTCI	Đề nghị xem xét việc phân loại dịch vụ viễn thông đảm bảo tính hệ thống, tổng thể và liên hệ logic giữa phân loại dịch vụ viễn thông với dịch vụ viễn thông khẩn cấp (Điều 25 Luật Viễn thông), dịch vụ viễn thông công ích (Điều 30 Luật Viễn thông).	x	Bảo lưu. Bộ TT&TT xin giải trình như sau: Dịch vụ viễn thông khẩn cấp, dịch vụ viễn thông công ích vẫn là các dịch vụ viễn thông được quy định trong dự thảo Nghị định.
15.		Đài TH Việt Nam	Điểm g, khoản 2, Điều 5 của Dự thảo về Phân loại dịch vụ viễn thông quy định: 2. Dịch vụ viễn thông cơ bản cung cấp cho người sử dụng dịch vụ viễn thông bao gồm... g) Dịch vụ truyền dẫn phát thanh truyền hình. Tuy nhiên, trong Dự thảo chưa có quy định cụ thể nội hàm nội dung “Dịch vụ truyền dẫn phát thanh truyền hình”. Ngoài ra, Dự thảo cũng chưa phân biệt rõ với các nội dung tại các văn bản quy phạm		Bộ TT&TT xin giải trình như sau: Dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh truyền hình là một loại hình dịch vụ viễn thông cơ bản cung cấp tính năng là gửi, truyền, nhận thông tin. Dịch vụ phát thanh truyền hình là dịch vụ ứng dụng viễn thông được cung cấp trên cơ sở

		<p>pháp luật khác có liên quan như: định nghĩa “dịch vụ ứng dụng viễn thông” tại khoản 12, Điều 3, Luật Viễn thông; định nghĩa “dịch vụ phát thanh, truyền hình” tại điểm a, khoản 1, Điều 1 Nghị định 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.</p> <p>Đài THVN đề nghị đơn vị soạn thảo giải thích rõ nội hàm nội dung “Dịch vụ truyền dẫn phát thanh truyền hình” và phân biệt với các nội dung tại Luật Viễn thông và Nghị định 71/2022/NĐ-CP nêu trên</p>		<p>sử dụng mạng viễn thông. Do đó các dịch vụ này khác nhau.</p> <p>Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 33, Đài Truyền hình Việt Nam sẽ được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông thuộc loại giấy phép nghiệp vụ viễn thông hoạt động không nhằm mục đích sinh lợi (không phải cung cấp dịch vụ viễn thông). Do đó Đài Truyền hình Việt Nam không cần phải có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông loại hình dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh, truyền hình.</p>
16.	AVG	<p>Điểm g khoản 2 Điều 5 Dự thảo có quy định “Dịch vụ truyền dẫn phát thanh truyền hình” là dịch vụ viễn thông cơ bản. Công ty AVG đề xuất Ban soạn thảo được bỏ điều khoản này khỏi Điều 5 Dự thảo vì lý do chông chéo với hoạt động phát thanh truyền hình mà Công ty AVG được cấp phép.</p> <p>Đối với hoạt động phát thanh truyền hình, trên thực tế Công ty AVG được cấp các giấy phép: Công ty AVG là đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền: (1) Kỹ thuật số mặt đất – DTT, (2) Kỹ thuật số vệ tinh DTH và trực tiếp đầu tư, sở hữu hạ tầng truyền hình, Công ty AVG đã được cấp các Giấy phép sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép thiết lập mạng 621/GP- BTTTT do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 28/4/2011 về việc thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất, không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, số thuê bao viễn thông; - Giấy phép thiết lập mạng 353 (thay thế Giấy phép số 622/GP-BTTTT) do Cục Viễn thông cấp ngày 04/08/2015 về việc thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh. 		<p>Bộ TT&TT xin giải trình như sau:</p> <p>Dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh truyền hình là một loại hình dịch vụ viễn thông cơ bản cung cấp tính năng là gửi, truyền, nhận thông tin. Dịch vụ phát thanh truyền hình là dịch vụ ứng dụng viễn thông được cung cấp trên cơ sở sử dụng mạng viễn thông. Do đó các dịch vụ này là khác nhau.</p> <p>Theo Luật Viễn thông năm 2023, hệ thống giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có sự thay đổi, bao gồm: giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng và giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng. Do đó, theo Luật Viễn thông 2023, đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình có triển khai hạ tầng mạng viễn thông thì cần phải có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (loại hình dịch vụ truyền dẫn cho PTTH).</p>

		<p>Trên cơ sở đó Công ty AVG được cấp các giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số 529/GP-BTTTT, do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 20/8/2021 – Loại hình dịch vụ truyền hình kỹ thuật số mặt đất- DTT có hiệu lực đến 01/06/2026; - Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số 530/GP-BTTTT, do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 20/8/2021 – Loại hình dịch vụ truyền hình vệ tinh- DTH có hiệu lực đến 01/06/2026. <p>Tại Mục 5 các Giấy phép trên đều quy định “Kỹ thuật khóa mã bảo vệ nội dung: Dịch vụ truyền hình trả tiền CONAX SUMAVISION và Dịch vụ truyền dẫn, phát sóng CONAX SUMAVISION không khóa mã”</p> <p>Kể từ khi được cấp các giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình đến nay, Công ty AVG đã và đang cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền đến người dùng cuối (End- user) và Dịch vụ truyền dẫn, phát sóng tín hiệu truyền hình của các Đài PTTH địa phương đến End -user. Bản chất hai dịch vụ này đều là truyền dẫn tín hiệu truyền hình đến End- user. Do vậy, nếu ghi nhận dịch vụ truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình là dịch vụ viễn thông, thì cùng một hoạt động phát thanh truyền hình, Công ty AVG sẽ bị điều chỉnh bởi hai loại giấy phép là giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh truyền hình và giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông. Từ đó dẫn đến chồng chéo trong quản lý Nhà nước, cũng như trong việc xin cấp phép hoạt động truyền hình của Công ty AVG.</p> <p>Do vậy, Công ty AVG đề xuất như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại bỏ quy định tại Điểm g, Khoản 2, Điều 5 Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi 			
--	--	--	--	--	--

			hành Luật Viễn thông; và Hướng dẫn cụ thể cho doanh nghiệp các bước thực hiện nếu doanh nghiệp cần xin bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông cho hoạt động truyền dẫn phát sóng truyền hình (trong bối cảnh hoạt động này đã được ghi nhận trong giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền còn hiệu lực mà Bộ Thông tin Truyền thông cấp cho doanh nghiệp, như trình bày nêu trên).			
17.	Điều 6	HTC	Dự thảo cần làm rõ hơn nội dung một số tiêu chí để xác định “Thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý” (chỉ số HHI, nhân tố cạnh tranh mới...) Doanh nghiệp nên có quyền tiếp cận nội dung đánh giá & xác định “Thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý”	x		Tiếp thu , chỉnh lý bổ sung vào dự thảo làm rõ các tiêu chí xác định thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý (ví dụ cách tính chỉ số HHI)
18.		Bộ VH, TT và DL	- Điểm a quy định: “Tồn tại các rào cản gia nhập thị trường cao và bền vững”. Đề nghị quy định cụ thể các yếu tố được coi là tồn tại các rào cản để đảm bảo tính minh bạch của văn bản. - Đề nghị bỏ từ “bao gồm” tại điểm b để dễ hiểu hơn	x		Tiếp thu , chỉnh lý dự thảo.
19.		Bộ Công thương	Khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định quy định các tiêu chí để xác định thị trường dịch vụ viễn thông thuộc Danh mục thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý nhằm chi tiết hóa nội dung quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Viễn thông. Tuy nhiên, các tiêu chí đang được quy định tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định này vẫn chưa cụ thể, chẳng hạn, “sự thay đổi về thị phần dịch vụ, mức độ tập trung của thị trường, sự thay đổi về giá cước dịch vụ, khả năng xuất hiện và gia nhập thị trường của các nhân tố cạnh tranh mới” như thế nào thì được coi là “thị trường chưa tiến tới cạnh tranh hiệu quả” để xác định thị trường thuộc Danh mục thị trường dịch vụ viễn thông	x		Tiếp thu , đã chỉnh lý dự thảo

			<p>Nhà nước quản lý? Trường hợp nào được coi là “tồn tại rào cản gia nhập thị trường cao và bền vững”?</p> <p>Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị định nghiên cứu, quy định chi tiết, rõ ràng các tiêu chí; căn cứ, phương pháp và cách thức xác định các tiêu chí đó để xác định thị trường dịch vụ viễn thông thuộc Danh mục thị trường viễn thông Nhà nước quản lý, đồng thời, bổ sung nội dung đánh giá tác động của quy định này đối với doanh nghiệp viễn thông và việc thực thi quy định này của cơ quan chủ quản vào Báo cáo đánh giá tác động trong hồ sơ Nghị định trình Chính phủ.</p>		
20.	Điều 7	HTC	<p>1. Đường truyền dẫn được xác định bởi 2 điểm đầu cuối, không có xen rẽ lưu lượng; dung lượng thiết kế (của sợi quang rất lớn; của thiết bị lắp trên đó thì tùy thuộc cấu hình,..); Dung lượng đường truyền được hiểu là tổng băng thông nhỏ nhất(mặt cắt) được truyền giữa 2 điểm đầu cuối.</p> <p>2. Đường truyền đi qua 3 điểm HN, ĐN, HCM sẽ có nhiều giá trị dung lượng (3 giá trị khác nhau): HN- ĐN; ĐN- HCM; HN-HCM</p> <p>Vì vậy đề nghị làm rõ hơn quy định hay cách tính dung lượng thiết kế đường trục Bắc Nam</p> <p>Cần có hướng dẫn cách xác định “<u>số dân có khả năng tiếp cận</u> dịch vụ trên mạng viễn thông”</p>	x	<p>Bảo lưu. Bộ TT&TT xin giải trình như sau:</p> <p>- Dung lượng đường trục Bắc Nam phải đi qua đồng thời cả 3 điểm Hà Nội, Đà Nẵng, TP. HCM. Dung lượng của hệ thống truyền dẫn, không phải là dung lượng sợi quang.</p> <p>- Vùng phủ theo dân số đã được quy định trong Thông tư của Bộ về hệ thống chỉ tiêu thống kê định kỳ</p>
21.		VNPT	<p>VNPT đề nghị xem xét, điều chỉnh về tiêu xác định doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường; tiêu chí xác định doanh nghiệp viễn thông có sức mạnh thị trường đáng kể tại Điều 7 vì chưa thực sự phù hợp.</p> <p>Lý do:</p> <p>Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng điều khoản theo hướng việc xác định doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường thông qua thị phần hoặc thông</p>	x	<p>Bảo lưu. Bộ TT&TT xin giải trình như sau:</p> <p>Lĩnh vực viễn thông có đặc thù là tài nguyên viễn thông hữu hạn, khó có thể chia nhỏ để cấp cho nhiều doanh nghiệp mà vẫn đảm bảo chất lượng dịch vụ, nên số lượng doanh nghiệp được sử dụng tài nguyên viễn thông ít. Ví dụ: thị trường di động, có 05 doanh nghiệp sở hữu tài nguyên tần số, khác với các thị trường hàng</p>

		<p>qua sức mạnh thị trường đáng kể của doanh nghiệp sẽ tuân thủ quy định tại Luật cạnh tranh năm 2018 và các văn bản hướng dẫn.</p> <p>Lý do:</p> <p>- Điều 24 và 26 Luật cạnh tranh năm 2018 và Điều 12 Nghị định 35/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 đã quy định các tiêu chí để xác định doanh nghiệp thống lĩnh thị trường. Các tiêu chí này đã được quy định cụ thể và đầy đủ. Do vậy, dự thảo Nghị định có thể sử dụng các tiêu chí này để xác định sức mạnh thị trường đáng kể của doanh nghiệp viễn thông.</p> <p>- Theo khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị định 35/2020/NĐ-CP, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia là cơ quan xác định sức mạnh thị trường đáng kể của doanh nghiệp. Trong quá trình xác định sức mạnh thị trường đáng kể của doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có quyền tham vấn ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết. Như vậy, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia là cơ quan duy nhất có chức năng xác định sức mạnh thị trường đáng kể của doanh nghiệp. Việc dự thảo Nghị định quy định Bộ TT&TT ban hành danh mục doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với từng dịch vụ viễn thông thuộc danh mục thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý là chưa thực sự phù hợp và việc quy định này chưa đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa các văn bản pháp luật.</p>		<p>hoá, dịch vụ khác có thể có hàng trăm doanh nghiệp. Do vậy, cần xác định trước các doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường để quy định một số trách nhiệm phòng ngừa các hành vi hạn chế cạnh tranh xảy ra (quản lý tiền kiểm) khác với Luật Cạnh tranh xác định doanh nghiệp thống lĩnh thị trường để phục vụ mục đích giải quyết vụ việc cạnh tranh (quản lý hậu kiểm). Trên cơ sở đó, Luật Viễn thông đã quy định giao Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp viễn thông, nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với các thị trường dịch vụ viễn thông do Nhà nước quản lý để phù hợp với đặc thù của lĩnh vực viễn thông. Các tiêu chí đã được nghiên cứu xây dựng phù hợp với thông lệ quốc tế.</p>
22.	VNPT	<p>- Đề nghị làm rõ khái niệm tại khoản 1</p> <p><i>“... hoặc số lượng đơn vị dịch vụ bán ra khác phù hợp với đặc điểm, tính chất của thị trường trên tổng doanh thu dịch vụ viễn thông, tổng số lượng thuê bao viễn thông phát sinh lưu lượng hoặc</i></p>	x	<p>- Tiếp thu, chỉnh lý khoản 1 dự thảo</p> <p>- Tiếp thu một phần.</p> <p>Lĩnh vực viễn thông có đặc thù là tài nguyên viễn thông hữu hạn, khó có thể chia nhỏ để cấp cho nhiều doanh</p>

			<p><i>tổng số lượng đơn vị dịch vụ bán ra khác của các doanh nghiệp trên thị trường dịch vụ viễn thông đó”.</i></p> <p>- Đề nghị xem xét, điều chỉnh về tiêu chí xác định doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường tại khoản 3</p>		<p>ngành mà vẫn đảm bảo chất lượng dịch vụ, nên số lượng doanh nghiệp được sử dụng tài nguyên viễn thông ít. Ví dụ: thị trường di động, có 05 doanh nghiệp sở hữu tài nguyên tần số, khác với các thị trường hàng hoá, dịch vụ khác có thể có hàng trăm doanh nghiệp. Do vậy, cần xác định trước các doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường để quy định một số trách nhiệm phòng ngừa các hành vi hạn chế cạnh tranh xảy ra (quản lý tiền kiểm) khác với Luật Cạnh tranh xác định doanh nghiệp thống lĩnh thị trường để phục vụ mục đích giải quyết vụ việc cạnh tranh (quản lý hậu kiểm). Trên cơ sở đó, Luật Viễn thông đã quy định giao Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp viễn thông, nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với các thị trường dịch vụ viễn thông do Nhà nước quản lý để phù hợp với đặc thù của lĩnh vực viễn thông.</p> <p>Tuy khác nhau về mục đích quản lý, các tiêu chí tại ND đã được nghiên cứu xây dựng phù hợp với Luật Cạnh tranh và thông lệ quốc tế, cụ thể quy định rõ các tiêu chí xác định doanh nghiệp có sức mạnh thị trường đáng kể phù hợp với đặc thù ngành viễn thông. Cụ thể: tiêu chí về tổng tài sản, tiêu chí, lợi thế về hạ tầng kỹ thuật (sở hữu dung lượng đường trục Bắc Nam, tỷ lệ phần trăm dân số được phủ sóng mạng di động tế bào), khả năng nắm</p>
--	--	--	---	--	--

					giữ, tiếp cận, kiểm soát thị trường căn cứ vào ưu thế của doanh nghiệp nhờ việc nắm giữ, kiểm soát mạng lưới phân phối (số lượng điểm cung cấp dịch vụ viễn thông). Tiếp thu chính lý tiêu chí về tỷ lệ phần trăm dân số tiếp cận dịch vụ di động cho rõ ràng hơn.
23.	Mobifone	<p>- Khoản 1: theo ý kiến của MobiFone, thị phần của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở một trong các tiêu chí sau: Tỷ trọng doanh thu và/hoặc Tỷ trọng thuê bao phát sinh; và/hoặc tỷ trọng số đơn vị dịch vụ bán ra.</p> <p>- Khoản 3: doanh nghiệp kinh doanh nhiều dịch vụ thì việc bóc tách tài sản phục vụ cho từng dịch vụ là không khả thi. Ví dụ so sánh xác định doanh nghiệp viễn thông có sức mạnh thị trường đáng kể trên thị trường dịch vụ di động mặt đất thì việc so sánh tài sản trên bảng cân đối kế toán của Viettel so với MobiFone là rất khó có thể thực hiện được. Do Viettel cung cấp nhiều dịch vụ hơn so với MobiFone thì đương nhiên tổng giá trị tài sản sẽ lớn hơn MobiFone nhiều lần. Ngoài ra, tại Khoản này, cần làm rõ về khái niệm điểm cung cấp dịch vụ viễn thông có địa chỉ xác định; xem xét bổ sung thêm tiêu chí về năng lực truyền dẫn quốc tế, Data center,...</p> <p>- Đề xuất sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất tại Điểm c Khoản 3 như sau:</p> <p><i>“- Có số lượng điểm cung cấp dịch vụ viễn thông có địa chỉ xác định do mình thiết lập chiếm từ 30% trở lên trên tổng số lượng điểm cung cấp dịch vụ viễn thông có địa chỉ xác định của tất cả các doanh nghiệp viễn thông trên thị trường dịch vụ thông tin di động mặt đất.”</i></p>			<p>Tiếp thu một phần.</p> <p>- Bộ TT&TT xin giải trình: dự thảo Nghị định quy định tổng tài sản của cả doanh nghiệp không phân biệt theo dịch vụ để đánh giá sức mạnh về tài chính của doanh nghiệp.</p> <p>- Tiếp thu chính lý dự thảo điểm c khoản 3.</p>
24.	Bắc Kạn	Đề nghị điều chỉnh “Có số lượng điểm cung cấp dịch vụ viễn thông có địa chỉ xác định do mình thiết lập chiếm từ	x		Tiếp thu , chính lý dự thảo

			30% trở lên trên tổng số lượng điểm cung cấp dịch vụ viễn thông có địa chỉ xác định của các doanh nghiệp viễn thông khác trên thị trường dịch vụ thông tin di động mặt đất”. Đề nghị chỉnh sửa cụm từ “do mình” thành “do chính doanh nghiệp thiết lập” cho phù hợp với văn phong văn bản.			
25.		Bộ VH, TT và DL	Dự thảo quy định Bộ Thông tin và Truyền thông tùy từng thời kỳ ban hành danh mục doanh nghiệp viễn thông. Đề nghị cân nhắc vì Luật Viễn thông đã có nội dung này, do đó Nghị định không cần nhắc lại quy định tại Luật. Mặt khác Luật Viễn thông không quy định “tùy từng thời kỳ”	x		Tiếp thu , chỉnh lý dự thảo
26.		Bộ Công Thương	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát cách tính thị phần trên thị trường dịch vụ viễn thông cho thống nhất và phù hợp với các quy định của pháp luật về cạnh tranh tại khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị định.	x		Tiếp thu chỉnh lý dự thảo
27.		Lạng Sơn	Điểm c khoản 3 Điều 7: đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, sửa cụm từ “do mình” thành “do doanh nghiệp” và sửa lại là “Có số lượng điểm cung cấp dịch vụ viễn thông có địa chỉ xác định do doanh nghiệp thiết lập chiếm từ 30% trở lên trên tổng số lượng điểm cung cấp dịch vụ viễn thông có địa chỉ xác định của các doanh nghiệp viễn thông khác trên thị trường dịch vụ thông tin di động mặt đất”.	x		Tiếp thu chỉnh lý dự thảo
28.	Điều 8	HTC	Cần làm rõ “thiết lập công quốc tế”	x		Tiếp thu chỉnh lý dự thảo
29.		VNPT	VNPT đề nghị bổ sung vào khoản 3 Điều 8 như sau: <i>“3. Doanh nghiệp viễn thông ... tại khoản 2 Điều này phải có phương án kỹ thuật bảo đảm an ninh thông tin và thực hiện ngăn chặn khẩn cấp, ngừng cung cấp dịch vụ viễn thông theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật”.</i>	x		Tiếp thu chỉnh lý dự thảo
30.		Mobifone	- Đề xuất sửa đổi Khoản 1 Điều 8 lại như sau:		x	Bảo lưu. Bộ TT&TT xin giải trình như sau:

		<p><i>“Cung cấp dịch vụ viễn thông là việc sử dụng thiết bị, thiết lập hệ thống thiết bị viễn thông tại Việt Nam để thực hiện một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình khởi phát, xử lý, chuyển tiếp, định tuyến, kết cuối thông tin cho người sử dụng dịch vụ viễn thông thông qua việc giao kết hợp đồng với người sử dụng dịch vụ viễn thông, đại lý dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp viễn thông.”</i></p> <p>MobiFone đề xuất bỏ cụm từ “nhằm mục đích sinh lợi” vì không cần thiết do định nghĩa về dịch vụ dựa trên bản chất dịch vụ, không dựa trên mục đích của việc cung cấp dịch vụ.</p> <p>- Khoản 2: Cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới: trường hợp kết chuyển lưu lượng quốc tế qua hướng không chính thống cần phải có chế tài xử phạt như thế nào.</p> <p>- Khoản 3: Đề nghị xem xét, nghiên cứu để điều chỉnh cho phù hợp với thực tế vì hiện nay rất nhiều nhà cung cấp dịch vụ vệ tinh đang bán trực tiếp dịch vụ cho khách hàng tại Việt Nam (đặc biệt là các tàu bè hoạt động trên biển) mà không cần thông qua nhà mạng ở Việt Nam cũng như không cần đặt trạm Gateway ở Việt Nam. Các nhà cung cấp không muốn đặt trạm Gateway ở Việt Nam vì sẽ phát sinh nhiều chi phí dẫn đến bài toán kinh doanh khó có lãi.</p> <p>Đồng thời MobiFone kiến nghị nghiên cứu, xem xét về hoạt động cung cấp dịch vụ vệ tinh quỹ đạo thấp. Theo dự thảo thì phải có phương án để tất cả lưu lượng do các thiết bị đầu cuối thuê bao vệ tinh tạo ra trên lãnh thổ Việt Nam đều phải đi qua Trạm Cổng mặt đất (Trạm Gateway) đặt trên lãnh thổ và kết nối với mạng viễn thông công cộng. Như vậy việc đàm phán và xin cấp phép cung cấp dịch vụ sẽ mất rất nhiều thời gian</p>		<p>- Cụm từ “nhằm mục đích sinh lợi” là cần thiết để phân biệt rõ đây là hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>- Chế tài xử phạt sẽ được quy định trong Nghị định xử lý vi phạm hành chính.</p> <p>- Việc cung cấp cho các tàu bè trên biển thực hiện theo quy định trong cam kết quốc tế.</p> <p>- Vấn đề đặt trạm cổng Gateway khi cung cấp dịch vụ vệ tinh qua biên giới là cần thiết để bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.</p>
--	--	---	--	---

31.		FPT	FPT Telecom đồng ý với tinh thần của nội dung được quy định tại đây, tuy nhiên trong vai trò là DNVT có thể có thỏa thuận thương mại với tổ chức nước ngoài để thực hiện các hoạt động nêu tại Khoản 3 này, chúng tôi đề xuất bổ sung quy định miễn trừ trách nhiệm cho DNVT khi có bất kỳ khiếu nại nào của tổ chức nước ngoài có hoạt động hợp tác với DNVT và/hoặc người sử dụng dịch vụ phát sinh từ việc DNVT thực hiện các biện pháp ngăn chặn, ngừng cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.		x	Bảo lưu. Bộ TT&TT xin giải trình như sau: Vấn đề này do các doanh nghiệp tự thỏa thuận trong thỏa thuận thương mại ký kết giữa các bên trên nguyên tắc bảo đảm tuân thủ các nghĩa vụ theo quy định.
32.		Vishipel	<p>Thực tế triển khai dịch vụ viễn thông di động vệ tinh cho đối tượng Tàu, thuyền hoạt động trên biển.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xu thế chung trên thế giới hiện nay, các nhà cung cấp dịch vụ di động vệ tinh hàng hải như Inmarsat, Iridium, Thuraya, Beidu, Starlink... không thiết lập Trạm cổng mặt đất (Trạm Gateway) ở các quốc gia để kết nối vào mạng viễn thông của quốc gia đó mà chỉ thiết lập một số trạm công nhất định trên toàn cầu. - Theo thông lệ quốc tế, các Đài tàu với thiết bị được lắp phù hợp quy định có thể sử dụng dịch vụ ở các quốc gia mà không phụ thuộc vào tàu mang cờ nước nào như một số thỏa thuận và khuyến nghị quốc tế sau: <ul style="list-style-type: none"> + Khuyến nghị ITU-T D.90(03/95) và CCITT D.95(10/92) quy định việc tính cước, xuất hóa đơn và thanh toán việc sử dụng dịch vụ liên lạc (bao gồm dịch vụ vệ tinh, dịch vụ qua sóng radio VHF, HF,..) đối với các Đài tàu. + Thỏa thuận quốc tế về việc sử dụng các trạm Đài tàu Inmarsat trong khu vực lãnh hải và Cảng biển có hiệu lực vào ngày 12/9/1993 (được thông qua tại Phiên họp lần thứ 4 của Hội đồng Inmarsat tổ chức tại London từ ngày 14 đến 16 tháng 10 năm 1985). <p>Đề xuất, kiến nghị.</p>	x		Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo

			<p>Với các nội dung phân tích ở mục 2, VISHIPEL đề xuất sửa câu “ Trường hợp cung cấp dịch vụ viễn thông vệ tinh phải có phương án để tất cả lưu lượng do các thiết bị đầu cuối thuê bao vệ tinh tạo ra trên lãnh thổ Việt Nam đều phải đi qua Trạm cổng mặt đất (Trạm Gateway) đặt trên lãnh thổ Việt Nam và kết nối với mạng viễn thông công cộng”.</p> <p>Sửa đổi thành: “Trường hợp cung cấp dịch vụ viễn thông vệ tinh phải có phương án để tất cả lưu lượng do các thiết bị đầu cuối thuê bao vệ tinh tạo ra trên lãnh thổ đất liền Việt Nam đều phải đi qua Trạm cổng mặt đất (Trạm Gateway) đặt trên lãnh thổ Việt Nam và kết nối với mạng viễn thông công cộng”</p>			
33.	Vụ HTQT	<p>Điều 8, khoản 2, liên quan đến việc cung cấp dịch vụ viễn thông phải thông qua thỏa thuận thương mại với doanh nghiệp viễn thông trong nước, để phù hợp với cam kết quốc tế của Việt Nam tại các FTA, đề nghị điều chỉnh như sau:</p> <p>“2. Việc cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đến người sử dụng dịch vụ viễn thông trên lãnh thổ Việt Nam, ngoại trừ các dịch vụ trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, các dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, và các dịch vụ viễn thông qua vệ tinh trực tiếp đến một số khách hàng như quy định tại [khoản 4], phải thông qua thỏa thuận thương mại với doanh nghiệp viễn thông Việt Nam đã được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông và được phép thiết lập cổng quốc tế, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.”</p>			Nội dung này trong dự thảo đã được sửa đổi lại phù hợp với các cam kết quốc tế	
34.	Vụ HTQT	<p>Điều 8, khoản 3, đề nghị tách quy định đối với dịch vụ viễn thông qua vệ tinh thành điều khoản riêng, đồng thời để các doanh nghiệp viễn thông dễ tuân thủ, kể cả các doanh nghiệp không có hạ tầng mạng đều phải đảm bảo</p>			Tiếp thu một phần , đã chỉnh lý lại dự thảo để cho rõ ràng hơn	

		<p>lưu lượng viễn thông qua các trạm công quốc tế (tổng đài chuyển mạch, truyền dẫn quốc tế hay trạm công mặt đất đối với viễn thông vệ tinh), cụ thể:</p> <p>“3. Doanh nghiệp viễn thông tham gia thỏa thuận thương mại với tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đến người sử dụng dịch vụ viễn thông trên lãnh thổ Việt Nam quy định tại khoản 2 Điều này phải có phương án kỹ thuật bảo đảm tất cả lưu lượng viễn thông quốc tế đều phải đi qua trạm công quốc tế, bao gồm trạm công mặt đất, đảm bảo an ninh thông tin và thực hiện ngăn chặn khẩn cấp, ngừng cung cấp dịch vụ viễn thông theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”</p>		
35.	Vụ HTQT	<p>Đề nghị Điều 8, điều chỉnh các khoản liên quan đến phương thức cung cấp dịch vụ viễn thông qua vệ tinh theo hướng:</p> <p>“4. Trường hợp cung cấp dịch vụ viễn thông từ nước ngoài qua vệ tinh cho các khách hàng ngoài khơi, cơ quan ngoại giao, văn phòng đại diện của tổ chức quốc tế, doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng, đài phát thanh, đài truyền hình, công viên phát triển phần mềm và công nghệ cao, công ty đa quốc gia có đủ điều kiện: (a) có hiện diện thương mại tại Việt Nam, (b) hoạt động liên tục ít nhất năm (05) năm tại ít nhất một (01) Quốc gia thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), (c) có niêm yết trên thị trường chứng khoán của ít nhất 01 Quốc gia thành viên của WTO; và (d) có giấy phép sử dụng dịch vụ vệ tinh tại ít nhất 01 Quốc gia thành viên của Tổ chức WTO, doanh nghiệp viễn thông nước ngoài không nhất thiết phải thông qua thỏa thuận thương mại với doanh nghiệp viễn thông trong nước.</p> <p>Trường hợp cung cấp dịch vụ viễn thông vệ tinh qua biên giới cho khu công nghiệp phát triển phần mềm, doanh nghiệp viễn thông nước ngoài phải hợp tác với doanh</p>		<p>Nội dung này trong dự thảo mới đã được lược bỏ. Việc cung cấp dịch vụ viễn thông qua vệ tinh trong các trường hợp này sẽ thực hiện theo quy định trong cam kết quốc tế</p>

		<p>ngành tại Việt Nam để thiết lập, vận hành và khai thác trạm thông tin mặt đất tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ viễn thông cho khách hàng trong khu công nghiệp phần mềm và công nghệ cao, và doanh nghiệp đầu Việt Nam phải đảm bảo các phương án quy định tại khoản 3 Điều này, trừ phương án lưu lượng phải qua trạm công quốc tế.</p> <p>Đối với trường hợp cung cấp dịch vụ viễn thông qua vệ tinh mà doanh nghiệp viễn thông Việt Nam sở hữu, vận hành và khai thác, doanh nghiệp chủ động thỏa thuận với doanh nghiệp viễn thông nước ngoài để cung cấp dịch vụ cho khách hàng tại Việt Nam, và đảm bảo các phương án quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>Đối với trường hợp cung cấp dịch vụ viễn thông qua vệ tinh mà doanh nghiệp viễn thông Việt Nam là thành viên, doanh nghiệp tuân thủ theo quy định của tổ chức sở hữu hệ thống vệ tinh, và đảm bảo các phương án quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>Đối với việc cung cấp dịch vụ viễn thông qua vệ tinh của doanh nghiệp nước ngoài mà doanh nghiệp Việt Nam không sở hữu, vận hành và khai thác, dịch vụ chỉ được cung cấp cho khách hàng tại Việt Nam thông qua thỏa thuận thương mại với doanh nghiệp viễn thông được cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông vệ tinh tại Việt Nam, ngoại trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này,</p> <p>Các trạm thông tin vệ tinh mặt đất hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam phải có giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và thiết bị vô tuyến điện trước khi đi vào vận hành, khai thác. Quy định và thủ tục cấp phép sử dụng tần số và trạm mặt đất được quy định tại Luật Tần số và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.</p>			
36.	Bộ QP	Bổ sung cụm từ “ <i>phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các ngành khác</i> ” và viết lại như sau: Căn cứ vào			Nội dung này trong dự thảo mới đã được lược bỏ. Việc cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên

			<p>thông lệ quốc tế, các quy định về bảo đảm an toàn hàng không, hàng hải và yêu cầu bảo đảm quốc phòng an ninh, Bộ Thông tin và Truyền thông <i>phoi hợp</i> với <i>Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và hộ ngành hên quan</i> quy định và hướng dẫn việc cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông qua biên giới đối với tàu, thuyền, máy bay trên vùng trời, vùng biên của Việt Nam và các trường hợp đặc biệt khác</p> <p>Lý do:</p> <p>Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng quy định “Bộ Quốc phòng...; quản lý nhà nước về lĩnh vực quân sự, quốc phòng trong phạm vi cả nước...”, do đó việc bảo đảm an toàn hàng hải và bảo đảm quốc phòng, an ninh phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng.</p>		<p>giới đối với tàu, thuyền trên vùng biển của Việt Nam và các trường hợp đặc biệt khác đã được quy định trong cam kết quốc tế WTO. Do đó, để bảo đảm dự thảo Nghị định không trái với các quy định của cam kết quốc tế, Bộ TT&TT đề nghị các trường hợp này sẽ áp dụng trực tiếp nội dung quy định trong cam kết.</p>
37.	Điều 9	VNPT	<p>- Đề nghị xem xét, điều chỉnh cho phù hợp với cách phân loại DVVT mới.</p> <p>- Đối với phạm vi quy định tại khoản 2, doanh nghiệp bán lại phải có Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Đề nghị đánh giá tính khả thi khi yêu cầu các DNVT này (thực chất đang hoạt động như đại lý hưởng hoa hồng của các nhà mạng).</p>	x	<p>- Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo</p> <p>- Về yêu cầu phải là doanh nghiệp có giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, Bộ TT&TT xin giải trình như sau: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Luật Viễn thông, đại lý dịch vụ viễn thông có quyền xây dựng, lắp đặt, sở hữu hệ thống thiết bị viễn thông và đường truyền dẫn trong phạm vi cơ sở và điểm phục vụ công cộng của mình để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông. Như vậy việc cung cấp dịch vụ viễn thông của đại lý dịch vụ viễn thông phải có phạm vi xác định tại điểm phục vụ của đại lý. Như vậy trường hợp bán lại dịch vụ di động có phạm vi không khu trú tại một địa điểm phục vụ cụ thể thì phải yêu cầu giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.</p>

38.		Mobicast	<p>Điều 9. Bán lại dịch vụ viễn thông và đại lý dịch vụ viễn thông.</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân bán lại dịch vụ viễn thông cố định cho người sử dụng dịch vụ viễn thông phải thực hiện đăng ký kinh doanh và phải có giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.</p> <p>2. Doanh nghiệp bán lại dịch vụ viễn thông di động phải có giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ viễn thông dưới hình thức đại lý dịch vụ viễn thông được miễn giấy phép viễn thông</p>		x	<p>- Bảo lưu. Bộ TT&TT xin giải trình như sau:</p> <p>- Đại lý dịch vụ viễn thông được miễn giấy phép viễn thông. Quy định này đã được thể hiện tại khoản 2 Điều 42 của Luật Viễn thông</p>
39.		Viettel	<p>Đề xuất bổ sung định nghĩa “dịch vụ viễn thông cố định” và “dịch vụ viễn thông di động”</p> <p>Lý do:</p> <p>Đề xuất bổ sung do trong Điều 5. “Phân loại dịch vụ viễn thông” chưa liệt kê và chưa có định nghĩa loại dịch vụ này.</p>	x		Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo
40.	Điều 10	Bộ VH, TT và DL	<p>- Điều 10 quy định dịch vụ viễn thông gồm doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho người sử dụng, cho doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài. Điều 8 dự thảo quy định đối tượng cung cấp viễn thông gồm cả “đại lý dịch vụ viễn thông. Đề nghị rà soát 02 điều này để đảm bảo sự thống nhất.</p> <p>- Điểm d khoản 1 Điều 10 quy định “Doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cho người sử dụng dịch vụ viễn thông là đối tượng thụ hưởng dịch vụ viễn thông công ích”. Khoản 1 Điều 8 dự thảo có nêu cung cấp dịch vụ viễn thông nhằm mục đích sinh lợi. Trong thực tế không phải tất cả dịch vụ công ích đều phát sinh lợi nhuận. Do đó, do đó đề nghị rà soát khoản 1 Điều 8</p>			<p>Bộ TT&TT xin giải trình như sau:</p> <p>- Điều 10 dự thảo Nghị định quy định về doanh thu dịch vụ viễn thông để phục vụ hoạt động quản lý nghiệp vụ viễn thông, xác định thị phần của doanh nghiệp viễn thông, tính khoản đóng góp của doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và nộp phí quyền hoạt động viễn thông cho đối tượng là doanh nghiệp viễn thông, không bao gồm đối tượng là đại lý dịch vụ viễn thông do đại lý dịch vụ viễn thông không phải là đối tượng sở hữu dịch vụ mà chỉ là trung gian cung ứng dịch vụ.</p>

			và điểm d khoản 1 Điều 10 để đảm bảo thống nhất khi thực thi văn bản			- Điều 10 dự thảo đã đảm bảo tính thống nhất này khi loại trừ doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cho người sử dụng dịch vụ viễn thông là đối tượng thụ hưởng dịch vụ viễn thông công ích ra khỏi doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông (điểm a khoản 1 Điều 10 dự thảo)
41.	FPT		Đây là nội dung mới so với quy định của Nghị định 25/2011/NĐ-CP hướng dẫn Luật Viễn thông 2009 và cũng xuất hiện lần đầu trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực viễn thông, do đó FPT Telecom đề nghị Quý Cơ quan ban hành văn bản chi tiết quy định về nội dung này để các DNVT có cơ sở thực hiện.		x	Nội dung này Bộ đã có Thông tư số 21/2019/TT-BTTTT quy định chi tiết
42.	Quỹ DV VTCI		<p>- Đề nghị bỏ Điểm d Khoản 1 Điều 10;</p> <p>- Đồng thời sửa Điểm a Khoản 1 Điều 10 như sau “Doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông (không bao gồm doanh thu quy định tại điểm b và c Khoản này”;</p> <p>Lý do: Không cần tách “Doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cho người sử dụng dịch vụ viễn thông là đối tượng thụ hưởng dịch vụ viễn thông công ích” ra khỏi “Doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông”, do doanh thu của doanh nghiệp viễn thông từ người sử dụng dịch vụ viễn thông là đối tượng thụ hưởng hay không phải đối tượng thụ hưởng cũng như nhau, chỉ khác biệt là doanh nghiệp viễn thông thu trực tiếp 100% từ người sử dụng (nếu người sử dụng không phải đối tượng thụ hưởng) hoặc thu 1 phần từ người sử dụng (nếu người sử dụng là đối tượng thụ hưởng) và phần còn lại là Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam hỗ trợ cho người sử dụng.</p>		x	<p>Bảo lưu</p> <p>Hiện doanh nghiệp viễn thông vẫn đang ghi doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cho người sử dụng dịch vụ viễn thông là đối tượng thụ hưởng dịch vụ viễn thông công ích vào tổng doanh thu dịch vụ viễn thông, phần thụ hưởng từ Quỹ DVVTCI sẽ được doanh nghiệp ghi vào phần công nợ để thực hiện đối soát với Quỹ và thực hiện giảm trừ sau.</p> <p>Vì vậy, quy định tại Điểm d khoản 1 điều 10 là cần thiết để tránh việc trùng lặp</p>

43.		ASIM	<p>Trên thực tế, trước khi Luật Viễn thông 2023 bổ sung thêm quy định bán buôn trong viễn thông giữa hai doanh nghiệp viễn thông, các doanh nghiệp viễn thông đã căn cứ và quy định bán lại dịch vụ viễn thông (được quy định tại Điều 3 Khoản 27 Luật Viễn thông 2009) để ký kết và thực hiện hợp đồng thuê mạng viễn thông, mua lưu lượng viễn thông và gửi nội dung hợp đồng này báo cáo lên Cục Viễn thông. Vì Luật Viễn thông 2023 vẫn giữ nguyên khái niệm về bán lại dịch vụ viễn thông giống Luật Viễn thông 2009, nên để các doanh nghiệp có cơ sở tiếp tục thực hiện các hợp đồng thuê mạng viễn thông, mua lưu lượng viễn thông đã ký kết và đang còn hiệu lực trong bối cảnh Luật Viễn thông 2023 bổ sung thêm các quy định về bán buôn trong viễn thông giữa các doanh nghiệp viễn thông, ASIM đề xuất bổ sung làm rõ Khoản 3 tại Điều 9 của Dự thảo như sau:</p> <p>3. Các doanh nghiệp viễn thông tham gia ký kết và thực hiện hợp đồng thuê mạng viễn thông, thuê đường truyền, mua lưu lượng viễn thông vì mục đích bán lại dịch vụ viễn thông di động được quyền tự thỏa thuận về phương thức thanh toán, phương thức giao nhận sản phẩm dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.</p>		<p>x</p> <p>Bảo lưu. Nội dung mà doanh nghiệp đề cập sẽ được xem xét trong quá trình xây dựng Thông tư của Bộ TT&TT quy định chi tiết về hoạt động bán buôn trong viễn thông theo thẩm quyền được giao tại khoản 3 Điều 16 Luật Viễn thông</p>
44.	Điều 11	VNPT	<p>- Đề nghị xem xét, lược bỏ yêu cầu về “số thẻ” tại khoản 2 Điều 11 đối với thẻ phi vật lý.</p> <p>Lý do: Việc quy định thông tin thẻ tại khoản 2 Điều 11 bao gồm nhiều thông tin (trong đó có số seri thẻ). Tuy nhiên một số hình thức nạp tiền từ Ví điện tử, Tài khoản ngân hàng... chỉ có giá trị nạp tiền, không có seri thẻ, không đáp ứng được các yêu cầu nêu tại khoản 2</p> <p>- Đề nghị xem xét, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:</p> <p>b) Quản lý số lượng, giá trị thẻ và số thẻ (bao gồm mã thẻ và số seri thẻ) đã phát hành cho đại lý, trạng thái thẻ</p>		<p>- Bảo lưu</p> <p>Việc nạp tiền từ Ví điện tử, tài khoản ngân hàng nằm trong quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Viễn thông là nạp bằng phương tiện thanh toán hợp pháp.</p> <p>- Bảo lưu</p> <p>Theo dự thảo Nghị định thẻ phi vật lý, và thẻ vật lý là các hình thức thể hiện của thẻ trả trước dịch vụ viễn thông. Do đó các quy định quản lý phải áp dụng tương đương.</p>

		<p>đã được kích hoạt/chưa kích hoạt và thực hiện các biện pháp chống làm giả khi <u>phát hành thẻ nạp tiền vật lý</u></p> <p>Lý do:</p> <p>Quy định này chỉ phù hợp với thẻ nạp tiền vật lý</p> <p>- Đề nghị lược bỏ điểm c khoản 3</p> <p>Lý do:</p> <p>Vì việc ban hành quy trình nội bộ về quản lý phát hành và sử dụng thẻ trả trước là quyền chủ động của doanh nghiệp. Doanh nghiệp có trách nhiệm tuân thủ các quy định về việc phát hành và sử dụng thẻ trả trước theo quy định của pháp luật. Không nên đưa vào Nghị định nội dung cụ thể mang tính hướng dẫn, có thể xung đột với các qui định tại văn bản pháp luật khác</p> <p>- Đề nghị lược bỏ điểm d, điểm đ Khoản 3 Điều 11</p> <p>Lý do:</p> <p>Mục đích sử dụng thẻ trả trước hoàn toàn do người sử dụng thuê bao quyết định. Do vậy, người sử dụng thuê bao phải tự chịu trách nhiệm về mục đích và hành vi sử dụng thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động của mình. Do đó, khái niệm “<i>hoạt động bất hợp pháp</i>”, “<i>lợi dụng quy đổi thẻ thanh toán dịch vụ viễn thông, giá trị trong tài khoản SIM thuê bao di động thành tiền, tài sản pháp định</i>” thuộc hành vi của người sử dụng, Nằm ngoài phạm vi và khả năng kiểm soát của Doanh nghiệp viễn thông nên việc quy định Doanh nghiệp viễn thông phải chịu các trách nhiệm liên quan là không khả thi và không hợp lý. Trách nhiệm này thuộc về các cơ quan bảo vệ pháp luật, các doanh nghiệp viễn thông chỉ có trách nhiệm phối hợp khi cơ quan bảo vệ pháp luật có yêu cầu</p> <p>- Đề nghị sửa khoản 3 thành:</p>		<p>- Bảo lưu</p> <p>Hiện nay không có bất cứ quy định pháp luật chung nào về việc phát hành và sử dụng thẻ trả trước nói chung và thẻ viễn thông nói riêng. Đã từng phát sinh các vấn đề lạm dụng thẻ cho hành vi bất hợp pháp và có chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ về việc phải ban hành các quy định siết chặt việc phát hành và sử dụng thẻ trả trước viễn thông.</p> <p>- Bảo lưu</p> <p>Như đã nêu ở trên, đã có chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ về việc quy định siết chặt việc quản lý và sử dụng thẻ trả trước viễn thông, doanh nghiệp viễn thông khi phát hành thẻ phải có trách nhiệm nhất định với hàng hóa của mình. Quy định cụ thể như trong dự thảo sẽ rõ hơn cho doanh nghiệp trong việc triển khai thực hiện thay vì nêu chịu trách nhiệm chung, trường hợp xảy ra việc lạm dụng vi phạm pháp luật như trước đây sẽ phải giải trình trách nhiệm liên quan trong từng vụ việc.</p> <p>- Tiếp thu</p> <p>Sẽ chỉnh sửa đồng bộ với các quy định về quản lý thông tin thuê bao theo pháp luật viễn thông.</p>
--	--	---	--	---

		<p>a) Chịu trách nhiệm đảm bảo thông tin thuê bao của khách hàng được trùng khớp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; chịu trách nhiệm đảm bảo quyền lợi người sử dụng dịch vụ nếu để tình trạng thông tin thuê bao không trùng khớp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư dẫn đến khiếu nại của khách hàng.</p> <p>Hoặc làm rõ khái niệm “chính xác theo đúng các quy định của pháp luật” là như thế nào?</p> <p>Lý do:</p> <p>Khái niệm “<i>định danh chính xác theo đúng các quy định của pháp luật</i>” có nhiều cách hiểu khác nhau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị lược bỏ quy định xác thực “tại mỗi giao dịch” <p>Lý do:</p> <p>Việc xác thực khách hàng đã được thực hiện ở hai giai đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký thông tin thuê bao (khi hòa mạng, khi cập nhật thông tin thuê bao); - Đăng ký dịch vụ nội dung thông tin (qua các kênh). Sau khi thuê bao đăng ký sử dụng dịch vụ nội dung thông tin thành công, các giao dịch chỉ trả phí dịch vụ sau đăng ký đa số là giao dịch gia hạn theo chu kỳ ngày/tuần/tháng/quý/năm. Vì vậy, quy định xác thực khách hàng “<i>tại mỗi giao dịch</i>” là không cần thiết và làm phức tạp thêm trong quá trình triển khai thực hiện. VD dịch vụ trả kết quả số xổ hàng ngày thì khách hàng phải xác thực trước khi nhận kết quả, mặc dù đã đăng ký dịch vụ từ trước đó <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị 		
--	--	--	--	--

45.	VNSKY	<p>Đề xuất làm rõ: Việc xác thực ở đây là xác thực giao dịch hay xác thực người dùng và mục đích của việc xác thực trên.</p> <p>Các giao dịch sử dụng TK sim thuê bao di động để chi trả dịch vụ nội dung thông tin thường là các giao dịch có giá trị nhỏ, ít có khả năng trục lợi. Việc yêu cầu xác thực khách hàng với từng giao dịch sẽ tạo rào cản, gây khó khăn cho khách hàng khi đăng ký dịch vụ. Đồng thời đa phần dịch vụ được thực hiện thông qua kênh đăng ký SMS hoặc USSD, việc xác thực sẽ không khả thi.</p> <p>Việc xác thực số thuê bao đã được DN viễn thông thực hiện khi đăng ký thông tin hoặc giao kết hợp đồng. Đồng thời việc đăng ký dịch vụ đều được khách hàng xác nhận thông qua OTP trả về số thuê bao đăng ký.</p> <p>Đề xuất: “Có biện pháp xác thực giao dịch sử dụng tài khoản SIM thuê bao di động chi trả cho dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động tại mỗi giao dịch”</p>		Nội dung này Bộ TT&TT đã có điều chỉnh lại dự thảo
46.		<p>Đơn vị góp ý: Mobifone</p> <p>- Điểm đ Khoản 2 Điều 11: Thời hạn hiệu lực của thẻ trả trước tối đa không quá 02 năm là không phù hợp, đề nghị điều chỉnh tối đa 5 năm (hiện MobiFone và VNPT đang áp dụng) hoặc điều chỉnh theo hướng thời hạn hiệu lực của thẻ do doanh nghiệp viễn thông quyết định.</p> <p>- Ngoài thẻ phi vật lý theo quy định của Dự thảo, doanh nghiệp viễn thông vẫn còn hình thức phát hành hình thức nạp tiền trả trước Airtime, Topup dành cho các Đại lý và Data code là hình thức ghi nhận dung lượng data khi bán cho đại lý và khách hàng. Nếu chiếu theo định nghĩa thẻ phi vật lý tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 thì các hình thức trả trước của nhà mạng như Ez, Airtime, Topup, Data code sẽ chưa được định nghĩa trong Nghị định này. Do đó, MobiFone đề xuất 2 phương án:</p>		<p>- Tiếp thu</p> <p>Sẽ điều chỉnh thời hạn tùy nhiên đề nghị Mobifone và VNPT nêu căn cứ đề xuất thời hạn 5 năm (vòng đời, thời gian phân phối ...) để làm căn cứ giải trình trường hợp có kiến nghị của NHNN về việc thời hạn lưu hành quá dài.</p> <p>- Bảo lưu</p> <p>Việc nạp tiền từ Ví điện tử, tài khoản ngân hàng nằm trong quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Viễn thông là nạp bằng phương tiện thanh toán hợp pháp.</p> <p>- Tiếp thu</p>

		<p>(1) Bổ sung khái niệm đối với hình thức Ez, Airtime, Topup, Datacode</p> <p>(2) Hoặc sửa khái niệm thẻ phi vật lý theo hướng: không bắt buộc chứa các thông tin quy định tại khoản 2 Điều 11 trong Dự thảo và không phải in ra khi có yêu cầu. Lý do là Ez, Airtime, Topup, Datacode không có đủ các thông tin như quy định tại Khoản 2 Điều 11.</p> <p>- Đề xuất sửa lại Điểm b Khoản 3 như sau: “<i>Quản lý số lượng, giá trị thẻ và số thẻ (bao gồm mã thẻ và số seri thẻ) đã phát hành cho đại lý đối với thẻ chưa kích hoạt và thực hiện các biện pháp chống làm giả khi phát hành thẻ.</i>” Lý do sửa đổi: thẻ đã kích hoạt đã chuyển giao rủi ro cho khách hàng; số lượng thẻ đã kích hoạt xuyên suốt lịch sử đã phát hành sẽ rất lớn và thẻ đã kích hoạt khi sử dụng sẽ tự động xóa khỏi hệ thống.</p> <p>- Điểm c Khoản 3: việc quản lý phát hành và sử dụng thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động được các doanh nghiệp viễn thông chủ động thực hiện theo quy trình, quy định luật định, có ràng buộc với các đại lý và/hoặc cá nhân, tổ chức có liên quan bằng từng Hợp đồng/thỏa thuận. Đề xuất bỏ quy định này</p> <p>- Khoản 4: trong Dự thảo Nghị định không có nội dung định nghĩa dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động. Như định nghĩa tại Khoản này có thể hiểu là chỉ dịch vụ viễn thông và dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động mới được thanh toán bằng tài khoản SIM? Đề xuất làm rõ các định nghĩa và có hướng dẫn cụ thể: Các dịch vụ như truyền hình, nhạc, ứng dụng viễn thông... có được coi là dịch vụ nội dung thông tin không và được thanh toán bằng tài khoản SIM hay không?</p> <p>- Điểm b Khoản 4 quy định doanh nghiệp viễn thông phải có biện pháp xác thực khách hàng sử dụng tài khoản SIM</p>		<p>sửa lại Điểm b Khoản 3 như sau: “<i>Quản lý số lượng, giá trị thẻ và số thẻ (bao gồm mã thẻ và số seri thẻ) đã phát hành cho đại lý đối với thẻ chưa kích hoạt và thực hiện các biện pháp chống làm giả khi phát hành thẻ.</i>”</p> <p>- Bảo lưu</p> <p>Hiện nay không có bất cứ quy định pháp luật chung nào về việc phát hành và sử dụng thẻ trả trước nói chung và thẻ viễn thông nói riêng. Đã từng phát sinh các vấn đề lạm dụng thẻ cho hành vi bất hợp pháp và có chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ về việc phải ban hành các quy định siết chặt việc phát hành và sử dụng thẻ trả trước viễn thông, doanh nghiệp viễn thông khi phát hành thẻ phải có trách nhiệm nhất định với hàng hóa của mình. Việc đưa các quy định như dự thảo Nghị định là nêu rõ phạm vi trách nhiệm của các doanh nghiệp viễn thông là có quy trình, triển khai các biện pháp phòng, chống, có cơ chế. Quy định cụ thể như trong dự thảo sẽ rõ hơn cho doanh nghiệp trong việc triển khai thực hiện thay vì nêu chịu trách nhiệm chung, trường hợp xảy ra việc lạm dụng vi phạm pháp luật như trước đây sẽ phải giải trình trách nhiệm liên quan trong từng vụ việc.</p> <p>- Bảo lưu</p> <p>Định nghĩa về dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động được quy định tại Nghị định 72/2013/NĐ-CP.</p> <p>- Tiếp thu</p>
--	--	--	--	--

		<p>thuê bao di động chi trả cho dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động tại mỗi giao dịch: việc quy định riêng dịch vụ nội dung thông tin bị yêu cầu có biện pháp xác thực khách hàng (dịch vụ viễn thông không yêu cầu) là chưa phù hợp. Các giao dịch chi trả cho dịch vụ nội dung thông tin thường có giá trị nhỏ, việc thay đổi gói cước, đăng ký thêm/hủy gói cước diễn ra thường xuyên theo nhu cầu của khách hàng. Yêu cầu xác thực tại mỗi giao dịch sẽ gây phiền hà, phức tạp cho khách hàng sử dụng dịch vụ, ảnh hưởng đến trải nghiệm khách hàng; đồng thời ảnh hưởng đến doanh thu dịch vụ của nhà mạng. Do vậy, đề xuất xem xét bỏ quy định này. Trường hợp vẫn quy định có biện pháp xác thực, đề nghị thống nhất cách hiểu về “mỗi giao dịch” là gì, “biện pháp xác thực khách hàng” được tham chiếu theo quy định nào để có thể triển khai phương án kỹ thuật đáp ứng.</p> <p>- Sau khi dự thảo Nghị định ban hành, đề nghị có hướng dẫn cho phép doanh nghiệp MVNO được sử dụng chung thẻ trả trước với doanh nghiệp viễn thông MNO. Lý do: để phù hợp với thực trạng hợp tác MVNO. Hiện tại, đối với các doanh nghiệp viễn thông MVNO chưa có giấy phép thiết lập hạ tầng mạng, không sử dụng băng tần vô tuyến điện, hợp tác theo mô hình reseller thì chỉ triển khai kinh doanh, không sở hữu các hệ thống core/CNTT để có thể xử lý các nội dung tính cước. Do đó, các mạng MVNO này sử dụng chung thẻ trả trước với doanh nghiệp viễn thông MNO</p>		Điều chỉnh tại dự thảo theo hướng doanh nghiệp viễn thông phải có biện pháp bảo vệ quyền lợi người sử dụng.
47.	Viettel	<p>- Đề nghị bỏ quy định: 4. Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông trong việc quản lý dịch vụ viễn thông di động và dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động được thanh toán bằng tài khoản SIM di động:</p>	x	<p>- Tiếp thu</p> <p>Điều chỉnh tại dự thảo theo hướng doanh nghiệp viễn thông phải có biện pháp bảo vệ quyền lợi người sử dụng.</p>

			<p>Có biện pháp xác thực khách hàng sử dụng tài khoản SIM thuê bao di động chi trả cho dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động tại mỗi giao dịch</p> <p>Ly do:</p> <p>Theo quy định tại Nghị định thay thế Nghị định 72/2013/NĐ-CP và 27/2018/NĐ-CP, các DNVT có trách nhiệm vào ngày 25 hàng tháng gửi thông báo tới khách hàng về dịch vụ đang sử dụng gồm tên dịch vụ, gói dịch vụ đăng ký, giá cước.</p> <p>Do vậy, để tránh chồng chéo, làm phiền khách hàng, đề xuất bỏ nội dung xác thực tại mỗi giao dịch.</p> <p>- Đề nghị bỏ quy định DNVT chịu trách nhiệm trước khách hàng về chất lượng dịch vụ viễn thông</p> <p>Lý do:</p> <p>Việc DNVT phải chịu trách nhiệm về dịch vụ viễn thông đã có quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Luật Viễn thông</p>			- Tiếp thu. Bỏ quy định DNVT chịu trách nhiệm trước khách hàng về chất lượng dịch vụ viễn thông.
48.	Điều 12	Bộ VH, TT và DL	<p>Dự thảo có đề cập đến Trung tâm chuyển mạng. Tại câu đầu của khoản này có nêu “Trung tâm chuyển mạng là hệ thống thiết bị”, câu khác của đoạn này có nêu “Trung tâm chuyên mạng hoạt động theo nguyên tắc không vì mục tiêu lợi nhuận”. Đề nghị xác định cụ thể địa vị pháp lý của Trung tâm này là hệ thống thiết bị hay tổ chức, đơn vị. Trường hợp là tổ chức, đơn vị thì cần có thuyết minh kỹ tại Tờ trình; việc quy định tổ chức bộ máy tại luật chuyên ngành cần được xem xét phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành</p>		x	<p>Bảo lưu. Bộ TT&TT xin giải trình như sau:</p> <p>Trung tâm chuyển mạng là đề cập đến hệ thống thiết bị được thiết lập phục vụ mục đích cung cấp dịch vụ chuyển mạng giữ nguyên số. Hệ thống này được thiết lập, vận hành theo nguyên tắc không vì mục đích lợi nhuận.</p>
49.		VNSKY	<p>VNSKY hiểu rằng, việc yêu cầu các doanh nghiệp viễn thông di động mật đất triển khai dịch vụ chuyển mạng giữ số là phù hợp nhưng việc triển khai cần được thực hiện dưới các điều kiện và điều khoản hợp lý, đặc biệt đối với điều kiện và hoàn cảnh của từng doanh nghiệp.</p>			<p>Bảo lưu. Bộ TT&TT xin giải trình như sau:</p> <p>Luật Viễn thông đã quy định doanh nghiệp viễn thông kể cả không có hạ tầng mạng cũng phải có nghĩa vụ bảo đảm cung cấp tính năng</p>

		<p>Việc yêu cầu các doanh nghiệp viễn thông cần phải cung cấp dịch vụ này ngay khi chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông là chưa hợp lý vì điều này sẽ làm tăng thời gian chuẩn bị và chi phí để triển khai kinh doanh chính thức, tạo ra rào cản không cần thiết trong việc thiết lập mạng. Quy định này có thể còn gây khó cho chính công tác xây dựng dịch vụ chuyển mạng do việc chuyển mạng cần sự phối hợp thử nghiệm và kết nối với cả các nhà mạng khác, khi doanh nghiệp chưa cung cấp dịch vụ thì việc thử nghiệm chuyển mạng với các nhà mạng khác sẽ gặp nhiều khó khăn.</p> <p>Với các doanh nghiệp viễn thông MVNO thuê lại kho số của MNO, việc kết nối và triển khai dịch vụ MNP phụ thuộc vào các MNO, cũng như khả năng định tuyến, tách kho số trên hệ thống.</p> <p>Đề xuất:</p> <p>“a) Đối với doanh nghiệp viễn thông được cấp tài nguyên số thuê bao triển khai cung cấp dịch vụ chuyển mạng khi chính thức cung cấp dịch vụ thông tin di động mặt đất đảm bảo bình đẳng, không phân biệt đối xử đối với các thuê bao di động.”</p>			MNP. Trường hợp MVNO, doanh nghiệp phải có phương án khi đàm phán với MNO để bảo đảm cung cấp được tính năng MNP sau khi được cấp phép
50.	Hà Nội	<p>Tại khoản 3 Điều 12 dự thảo Nghị định về chuyển mạng viễn thông di động mặt đất giữ nguyên số thuê bao viễn thông: Chưa quy định rõ cụ thể đơn vị vận hành, khai thác Trung tâm chuyển mạng, khó khăn cho việc giải quyết khiếu nại về sau, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định rõ đơn vị vận hành, khai thác Trung tâm chuyển mạng (nội dung này đã được quy định cụ thể tại Thông tư số 35/2017/TT-BTTTT ngày 23/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông)</p>		x	Bảo lưu. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định trong Thông tư của Bộ TT&TT
51.	Mobifone	<p>Điểm a Khoản 4 quy định “<i>Triển khai cung cấp dịch vụ chuyển mạng ngay khi chính thức cung cấp dịch vụ thông tin di động mặt đất đảm bảo bình đẳng, không phân biệt</i></p>		x	Bảo lưu. Bộ TT&TT xin giải trình như sau:

			<i>đối xử đối với các thuê bao di động” sẽ phù hợp với các MVNO có đầu số riêng do tính chủ động về tài nguyên, chưa phù hợp với MVNO sử dụng chung đầu số với MNO</i>			Luật Viễn thông đã quy định doanh nghiệp viễn thông kể cả không có hạ tầng mạng cũng phải có nghĩa vụ bảo đảm cung cấp tính năng MNP. Trường hợp MVNO, doanh nghiệp phải có phương án khi đàm phán với MNO để bảo đảm cung cấp được tính năng MNP sau khi được cấp phép
52.	Bộ Công Thương		Đề nghị bổ sung thời hạn, cách thức (email, tổng đài có ghi âm,...) mà doanh nghiệp chuyển đi phải cung cấp lý do và cách thức hoàn tất các điều kiện đã giao kết để thuê bao đủ điều kiện đăng ký dịch vụ chuyển mạng tại điểm c khoản 4 Điều 12. Lý do: thực tiễn bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cho thấy, một số lượng phản ánh về dịch vụ chuyển mạng có liên quan đến thời hạn và quy trình giải quyết chuyển mạng cho thuê bao, vì vậy, cần có quy định cụ thể về nội dung này		x	<p>Bảo lưu. Bộ TT&TT xin giải trình như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc quy định Doanh nghiệp chuyển đi cung cấp lý do từ chối cũng như hình thức thông báo sẽ được quy định cụ thể trong Thông tư hướng dẫn Nghị định do quy trình này thuộc quy trình đăng ký chuyển mạng, dự kiến sẽ được hướng dẫn tại Thông tư. - Nội dung tại điểm c khoản 4 Điều này quy định trách nhiệm của Doanh nghiệp chuyển đến trong việc cung cấp công cụ tra cứu và cung cấp cách thức để thuê bao giải phóng khỏi các thỏa thuận, cam kết, hợp đồng đã giao kết trước đó nhằm đủ điều kiện chuyển mạng. Lúc này, việc đăng ký chuyển mạng chưa được thực hiện nên Doanh nghiệp chuyển đến không có nghĩa vụ phải thông báo cho thuê bao hay bên thứ ba. <p>Sửa điểm c khoản 4 Điều 14 như sau:</p> <p><i>c) Cung cấp công cụ để thuê bao tự tra cứu khả năng chuyển mạng của mình. Trường hợp thuê bao chưa đủ điều kiện chuyển mạng, Doanh nghiệp chuyển đi phải cung cấp thông tin chi tiết, gồm: thông tin về lý do chưa đáp ứng điều kiện chuyển mạng; thông tin về số tiền bồi thường thiệt hại và cách thức thanh lý đối với thỏa thuận, hợp đồng đã giao kết với</i></p>

						<i>thuê bao (nếu có), trường hợp thỏa thuận, hợp đồng đã giao kết không quy định nội dung hoặc số tiền bồi thường thiệt hại khi thuê bao chuyển mạng thì Doanh nghiệp chuyển đi không được từ chối cho thuê bao chuyển mạng với lý do thuê bao chưa thanh lý thỏa thuận, hợp đồng đã giao kết; thông tin hướng dẫn thuê bao đăng ký, thực hiện chuyển mạng.</i>
53.	Điều 13	VNPT	<p>Đề nghị quy định rõ trường hợp phải sửa đổi giấy phép kinh doanh DVVT do ngừng kinh doanh tại khoản 1, 2 Điều này.</p> <p>Lý do:</p> <p>Tất cả 3 trường hợp tại khoản 1, 2, 3 đều là ngừng kinh doanh dịch vụ (trong đó khoản 3 ngừng kinh doanh dv là do chấm dứt hoạt động) => như vậy, trường hợp sửa đổi GP kinh doanh DVVT do ngừng kinh doanh dịch vụ chỉ áp dụng với khoản 1, khoản 2, không áp dụng đối với khoản 3</p>	x	<p>Bảo lưu. Bộ TT&TT xin giải trình như sau:</p> <p>Các trường hợp sửa đổi bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 36, tiếp thu theo hướng làm rõ không bao gồm trường hợp tại khoản 3.</p>	
54.		Vietnamobile	<p>Vietnamobile đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp chuyển đến tại khoản 6 Điều 13 Dự thảo như sau:</p> <p>“Doanh nghiệp chuyển đến phải có nhiệm vụ đối soát định kỳ hàng tháng các số của thuê bao chuyển mạng bị thu hồi theo các quy định về quản lý, sử dụng kho số viễn thông hoặc quy định về việc sử dụng dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất đang cung cấp dịch vụ cho thuê bao đó.</p> <p>Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày đối soát, doanh nghiệp chuyển đến phải có nghĩa vụ hoàn trả số thuê bao này về doanh nghiệp gốc.”</p>		Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo	

			Bộ Thông tin và Truyền thông quy định quy trình, công cụ đối soát các số thuê bao chuyển mạng nhưng bị thu hồi tại doanh nghiệp chuyên đến ”.			
55.	FPT	<p>Theo ý kiến của FPT Telecom, trong trường hợp DNVT ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông thì chỉ cần thông báo cho người sử dụng dịch vụ trong một thời gian hợp lý (như quy định hiện nay là ít nhất 30 ngày). Còn việc lựa chọn thay thế dịch vụ ngừng cung cấp bằng dịch vụ viễn thông khác hay chuyển người sử dụng dịch vụ viễn thông sang sử dụng dịch vụ viễn thông của DNVT khác sẽ phụ thuộc vào nhu cầu và quyết định của người sử dụng dịch vụ chứ không nằm trong khả năng quyết định của DNVT. Điều này cũng đảm bảo quyền tự do lựa chọn dịch vụ của người sử dụng dịch vụ.</p> <p>Đối với nội dung “<i>thỏa thuận bồi thường cho người sử dụng dịch vụ trong trường hợp ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông mà không chấm dứt hoạt động</i>”, FPT Telecom đề xuất chuyển nội dung này lên điểm c của Khoản 5 này, vì thực tế các cam kết về bồi thường cũng đã được thỏa thuận và thống nhất trong hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ ký giữa người sử dụng dịch vụ và DNVT.</p> <p>Khoản 8: Các trường hợp ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông nêu tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 13 tuân theo những thủ tục khác nhau, do đó FPT Telecom đề xuất điều chỉnh quy định này cụ thể hơn như sau:</p> <p>“8. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi ngừng kinh doanh với các trường hợp thuộc Khoản 1 Điều này và khi có văn bản chấp thuận ngừng kinh doanh của cơ quan có thẩm quyền với các trường hợp thuộc Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm hoàn trả tài nguyên viễn thông đã được phân bổ đối với dịch vụ hoặc phần dịch vụ ngừng kinh doanh (nếu có)”</p>		x	<p>Bảo lưu. Bộ TT&TT xin giải trình như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo đảm quyền lợi người sử dụng đã được quy định tại Điều 23 Luật Viễn thông. - Quy định trong dự thảo mang tính nguyên tắc theo hướng sau khi ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông thì phải hoàn trả tài nguyên viễn thông. 	

56.	Điều 14	HTC	<p>Cần quy định thời hạn tối đa của quá trình “hiệp thương”, để tránh xảy ra việc kéo dài tranh chấp, gây mất thời gian và chi phí cho các bên</p> <p>- Nếu 01 bên không chấp hành “quyết định giải quyết tranh chấp”, Cục Viễn thông có quyền buộc/cưỡng chế bên đó thực hiện không? Nếu có, thủ tục sẽ như thế nào? Cần làm rõ.</p> <p>- Nếu 01 bên không chấp hành “quyết định giải quyết tranh chấp” và khởi kiện ra Tòa: Trường hợp nào bên này được coi là đủ điều kiện để khởi kiện? Trường hợp nào được coi là <u>chưa</u> đủ điều kiện để khởi kiện? Cần bổ sung, hướng dẫn làm rõ thêm nội dung và cách áp dụng thống nhất với Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật về Khiếu nại để các doanh nghiệp không gặp khó khăn về tố tụng, khiếu nại</p>		x	<p>Bảo lưu. Bộ TT&TT xin giải trình như sau:</p> <p>Khoản 2 Điều 14 đã quy định rõ thời hạn trong vòng 30 ngày khi nhận hồ sơ, Cục Viễn thông phải tổ chức hiệp thương và trong vòng 15 ngày sau phải ra quyết định giải quyết.</p> <p>Việc doanh nghiệp tiếp tục khởi kiện sau khi CQQL đã ra quyết định giải quyết tranh chấp thực hiện theo pháp luật có liên quan.</p>
57.		VNPT	<p>Đề nghị sửa cụm từ “<i>thanh toán giá cước</i>” thành “<i>giá dịch vụ viễn thông</i>”.</p> <p>Lý do:</p> <p>Điều chỉnh để phù hợp với thuật ngữ “<i>giá dịch vụ viễn thông</i>” tại Điều 56 của Luật viễn thông năm 2023</p>	x		<p>Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo</p>
58.		Mobifone	<p>Đối với Điểm b Khoản 2: Quyết định giải quyết tranh chấp của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông chưa phải phán quyết cuối cùng nếu như các bên không đồng thuận và thực hiện thủ tục khởi kiện tại Tòa án. Việc quy định các bên phải thi hành ngay quyết định dù không đồng thuận, có khởi kiện là chưa phù hợp với tinh thần của pháp luật tố tụng dân sự và không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tranh chấp. Đề xuất điều chỉnh quy định này theo hướng:</p> <p>“<i>b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc hiệp thương, cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông ra quyết định giải quyết tranh chấp. Các bên tranh chấp có nghĩa vụ</i></p>		x	<p>Bảo lưu. Các bên phải thực hiện theo quyết định giải quyết tranh chấp, việc khiếu nại thực hiện theo quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>

			<i>thi hành ngay quyết định giải quyết tranh chấp trong trường hợp đồng thuận và không có khiếu nại, khiếu kiện khác. Trường hợp các bên hoặc một trong các bên không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông thì có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.”</i>			
59.	Điều 15	FPT	FPT Telecom hoàn toàn đồng ý với các nội dung đã được quy định tại Điều 15 này trên cơ sở đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng và FPT Telecom đảm bảo thực hiện đầy đủ các nội dung này. Tuy nhiên, là một doanh nghiệp viễn thông uy tín và có thâm niên trong hoạt động trên thị trường viễn thông, FPT Telecom đề xuất bổ sung quy định miễn trừ trách nhiệm cho các DNVT trong trường hợp thực hiện các hoạt động theo yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền mà gây ảnh hưởng, thiệt hại cho người sử dụng dịch vụ.		x	Bảo lưu. Bộ TT&TT xin giải trình như sau: Vấn đề này thuộc phạm vi hợp đồng, thỏa thuận giữa các doanh nghiệp.
60.		Vụ KHCN (Bộ TT&TT)	làm rõ khái niệm “đảm bảo an toàn thông tin mạng cơ bản”; khoản 4 do Bộ chỉ ban hành các quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của Luật TCQCKT do vậy đề nghị xem xét lược bỏ cụm từ “tiêu chuẩn” trong quy định và sửa đổi cụm từ “quy chuẩn” thành “quy chuẩn kỹ thuật”	x		Tiếp thu một phần , chỉnh lý dự thảo.
61.	Điều 16	VNSKY	VNSKY cho rằng, trong vòng 3 đến 5 năm tới, tức là thời điểm mà Nghị định này được ban hành và có hiệu lực thực thi, sẽ có thêm các hình thức đăng ký thông tin thuê bao mới, với công nghệ hiện đại hơn, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông. Đề xuất bổ sung thêm hình thức khác ủy quyền cho Bộ thông tin và Truyền thông phê duyệt để tránh phải trình nghị định sửa đổi khi bổ sung thêm hình thức mới trong tương lai. Đề xuất:	x		Tiếp thu , chỉnh lý dự thảo

		<p>“Đăng ký thông tin thuê bao được thực hiện theo các hình thức sau:</p> <p>a) Trực tiếp tại địa điểm có địa chỉ xác định hoặc lưu động do doanh nghiệp viễn thông trực tiếp thiết lập;</p> <p>b) Trực tiếp tại địa điểm có địa chỉ xác định được thiết lập bởi đại lý dịch vụ viễn thông có giao kết hợp đồng ủy quyền với doanh nghiệp viễn thông;</p> <p>c) Trực tuyến thông qua phần mềm, ứng dụng do doanh nghiệp viễn thông sở hữu;</p> <p>d) Các hình thức khác theo phê duyệt của Bộ thông tin và Truyền thông.”</p>			
62.	Hà Nội	<p>Tại khoản 2 Điều 16 dự thảo Nghị định có quy định “Đăng ký thông tin thuê bao trực tiếp tại điểm do doanh nghiệp viễn thông ủy quyền”. Tuy nhiên tại Điều 18 về xác thực thông tin thuê bao, sau khi tiếp nhận giấy tờ, chỉ doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm đối chiếu kiểm tra, còn điểm ủy quyền của doanh nghiệp khác không có trách nhiệm đối chiếu kiểm tra giấy tờ của cá nhân, tổ chức giao kết hợp đồng. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung trách nhiệm của các điểm ủy quyền trong việc đối chiếu kiểm tra giấy tờ của cá nhân, tổ chức giao kết hợp đồng</p>	x		Tiếp thu , chỉnh lý dự thảo
63.	Lâm Đồng	<p>Tại khoản 2, Điều 16: xem xét quy định cụ thể Trực tiếp tại các địa điểm có địa chỉ xác định do doanh nghiệp viễn thông khác thiết lập,...Lý do: quy định rõ ràng là của doanh nghiệp viễn thông khác để tránh tình trạng hiểu không thống nhất, lợi dụng để lách luật</p>			<p>Bộ TT&TT xin giải trình như sau:</p> <p>Quy định này kế thừa Nghị định 49, điểm ủy quyền được hiểu là DN được DNVN viễn thông ủy quyền, và theo pháp luật dân sự về ủy quyền thì DN đó không được ủy quyền tiếp.</p>
64.	Mobifone, Bộ Công Thương	<p>- Tại Điều 16 về các hình thức đăng ký thông tin thuê bao, Dự thảo đã đề xuất bổ sung hình thức đăng ký thông tin thuê bao viễn thông “trực tuyến thông qua sử dụng phần mềm, ứng dụng do chính doanh nghiệp sở hữu,</p>			<p>- Tiếp thu ý kiến về nội dung đăng ký online cần có kiểm soát, như sau:</p>

		<p><i>thống nhất</i>”, thay vì chỉ cho đăng ký trực tiếp như trước. Việc cho phép đăng ký thuê bao trực tuyến đòi hỏi các Bộ, Ban, ngành và các doanh nghiệp viễn thông phải xây dựng cơ chế kiểm soát chặt chẽ thuê bao, nhằm hạn chế tối đa rủi ro phát sinh sim không chính chủ, sim rác. Đồng thời, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cần yêu cầu các nhà mạng đảm bảo điều kiện kích hoạt sim như kết nối với Bộ Công an để đối soát với cơ sở dữ liệu dân cư; sử dụng giải pháp eKYC xác thực người dùng; yêu cầu gửi dùng xác thực trực tiếp sau một khoảng thời gian hợp lý kể từ ngày đăng ký trực tuyến; hay sử dụng video call để kiểm tra thuê bao đăng ký chính chủ hay không.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị làm rõ khái niệm “<i>sở hữu, thống nhất</i>” tại Khoản 3 Điều 16. - Cần làm rõ quy định cụ thể của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc thiết lập các điểm, sử dụng phần mềm, ứng dụng để đăng ký thông tin thuê bao là như thế nào. 		<p>Tại Khoản 3 Điều 17 đã bổ sung yêu cầu với hình thức trực tuyến như sau:</p> <p><i>“3. Trực tuyến thông qua sử dụng phần mềm, ứng dụng do chính doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất sở hữu và phải đảm bảo việc xác thực thông tin thuê bao di động mặt đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 19. Việc đăng ký thuê bao theo hình thức trực tuyến chỉ áp dụng với trường hợp đăng ký dưới 03 thuê bao. Trường hợp phần mềm, ứng dụng dùng để đăng ký trực tuyến không xác thực được thông tin thuê bao thì phải đăng ký trực tiếp tại các điểm.</i></p> <p><i>Trong từng thời kỳ, khi cần thiết Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành các yêu cầu, hướng dẫn bổ sung với việc thiết lập điểm, tổ chức đăng ký thuê bao theo hình thức trực tuyến.”</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu có điều chỉnh, với góp ý làm rõ khái niệm “<i>sở hữu, thống nhất</i>” tại Khoản 3 Điều 16 như sau: <p>Bỏ thuật ngữ “<i>thống nhất</i>”. Phần mềm đăng ký online mà DN dùng phải có quyền sở hữu để đảm bảo việc chịu trách nhiệm về độ chính xác thông tin thuê bao. Khoản 3 Điều 17 đã được điều chỉnh như sau:</p> <p><i>“3. Trực tuyến thông qua sử dụng phần mềm, ứng dụng do chính doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất sở hữu”</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Về ý kiến cần làm rõ quy định cụ thể của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc thiết lập các điểm, sử dụng phần mềm, ứng dụng để đăng ký thông tin thuê bao là như thế nào.
--	--	--	--	---

						Làm rõ: Theo từng thời kỳ, nếu cần thiết Bộ sẽ quy định cụ thể, trước mắt khi NĐ ban hành có thể áp dụng ngay các yêu cầu đã có để tránh ách tắc
65.	Điều 17	VNSKY	Do Luật đã cho phép đăng ký thông tin thuê bao qua hình thức trực tuyến, nên trong các điều khoản chi tiết cần xây dựng theo hướng cho phép thuê bao viễn thông cung cấp, xuất trình giấy tờ thông qua việc gửi bản điện tử, thông điệp dữ liệu qua các công cụ phần mềm, ứng dụng do doanh nghiệp viễn thông cung cấp thay vì phải đến trực tiếp điểm đăng ký thông tin của doanh nghiệp.		x	Bảo lưu. Bộ TT&TT xin giải trình như sau: Khoản 3 Điều 16 và Điều 17 Dự thảo Nghị định đã quy định về việc cho phép đăng ký thuê bao theo hình thức trực tuyến <i>thông qua sử dụng phần mềm, ứng dụng do chính doanh nghiệp sở hữu</i> đồng thời nêu rõ bên cạnh xuất trình giấy tờ bản cứng thì cá nhân, tổ chức có thể sử dụng <i>bản điện tử/thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc</i>
66.		Quảng Ninh	Đề nghị nghiên cứu bổ sung: “ <i>Khi đăng ký thông tin số thuê bao viễn thông dùng cho dịch vụ viễn thông di động mặt đất, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xuất trình bản gốc, bản sao được chứng thực từ bản gốc, bản điện tử/thông điệp dữ liệu, Tài khoản định danh điện tử (VNeID)</i> ”.		x	Tiếp thu chỉnh lý dự thảo
67.		Hà nội	Tại khoản 1 Điều 17 dự thảo Nghị định quy định về giấy tờ sử dụng để đăng ký thông tin thuê bao không có quy định về giấy tờ đối với tổ chức sử dụng số thuê bao di động H2H (giao tiếp giữa người với người), đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung.		x	Tiếp thu chỉnh lý dự thảo
68.		GTel	Đề nghị bổ sung thành: “ <i>Với người có quốc tịch Việt Nam: Giấy tờ tùy thân (bao gồm thẻ căn cước, căn cước điện tử và các giấy tờ có giá trị tương đương thẻ căn cước theo qui định của pháp luật)</i> ”... vì căn cước điện tử đã được qui định tại Luật căn cước		x	Tiếp thu Điều chỉnh điểm a Khoản 1 Điều 18 như sau: “ <i>Điều 18. Giấy tờ sử dụng để đăng ký thông tin thuê bao di động mặt đất</i> <i>Khi đăng ký thông tin số thuê bao viễn thông dùng cho dịch vụ viễn thông di động mặt đất tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xuất trình bản</i>

					<p><i>gốc, bản sao được chứng thực từ bản gốc, bản điện tử/thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc giấy tờ sau đây:</i></p> <p><i>1. Trường hợp đăng ký số thuê bao đăng ký số thuê bao viễn thông dùng cho dịch vụ viễn thông di động mặt đất thực hiện phương thức giao tiếp giữa người với người (số thuê bao di động H2H):</i></p> <p><i>a) Đối với người có quốc tịch Việt Nam: Giấy tờ tùy thân (bao gồm thẻ căn cước hoặc căn cước điện tử hoặc tài khoản định danh điện tử (VneID) hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương thẻ căn cước theo quy định của pháp luật về căn cước) còn thời hạn sử dụng và doanh nghiệp viễn thông có thể truy cập với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tham chiếu, xác thực các thông tin;”</i></p>
69.	VNPT	<p>VNPT đề nghị xem xét, bổ sung quy định khi sử dụng bản sao được chứng thực phải xuất trình kèm bản gốc để đối chiếu.</p> <p>Đề nghị quy định rõ là giấy tờ có giá trị tương đương thẻ căn cước tại điểm a khoản 1 Điều 17 là những loại giấy tờ gì vì cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có thể không có dữ liệu về những giấy tờ mà người sử dụng dịch vụ viễn thông dùng để đăng ký thông tin thuê bao.</p> <p>Lý do:</p> <p>Để đảm cụ thể, chính xác, chặt chẽ và thuận tiện cho việc triển khai thực hiện</p> <p>VNPT đề nghị xem xét, bổ sung vào khoản 1 Điều 17 quy định “<i>Với thuê bao là tổ chức: giấy tờ chứng minh việc đăng ký thành lập tổ chức theo quy định của pháp</i></p>			<p>- Tiếp thu ý kiến VNPT đề nghị xem xét, bổ sung quy định khi sử dụng bản sao được chứng thực phải xuất trình kèm bản gốc để đối chiếu.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến VNPT đề nghị xem xét, bổ sung vào khoản 1 Điều 17 quy định “<i>Với thuê bao là tổ chức: giấy tờ chứng minh việc đăng ký thành lập tổ chức theo quy định của pháp luật và giấy tờ tùy thân của người đại diện theo pháp luật của tổ chức</i>”</p> <p>Tại điểm b Khoản 2 Điều 18 đã điều chỉnh thành:</p> <p>“<i>2. Trường hợp đăng ký số thuê bao viễn thông dùng cho dịch vụ viễn thông di động mặt</i></p>

		<p><i>luật và giấy tờ tùy thân của người đại diện theo pháp luật của tổ chức”</i></p> <p>Lý do:</p> <p>Đề nghị bổ sung quy định về giấy tờ đối với thuê bao là tổ chức khi đăng ký số thuê bao viễn thông dùng cho dịch vụ viễn thông di động mặt đất thực hiện phương thức giao tiếp giữa người với người để đảm bảo phù hợp với thực tiễn</p> <p>VNPT đề nghị sửa đổi đoạn đầu điểm b khoản 2 Điều 17 như sau: <i>“Với thuê bao là tổ chức: giấy tờ chứng minh việc đăng ký thành lập tổ chức theo quy định của pháp luật và giấy tờ tùy thân của người đại diện theo pháp luật của tổ chức”</i>.</p> <p>Lý do:</p> <p>Theo quy định tại Điều 74 Bộ luật Dân sự và Điều 188 Luật Doanh nghiệp 2020, doanh nghiệp tư nhân là một tổ chức nhưng không có tư cách pháp nhân. Quy định như hiện tại vô hình chung đã loại bỏ quyền của các tổ chức không có tư cách pháp nhân trong việc đăng ký thông tin thuê bao. Vì vậy, để đảm bảo các chủ thể đều có quyền bình đẳng trong việc sử dụng dịch vụ viễn thông, VNPT đề xuất quy định chung là giấy tờ chứng minh việc đăng ký thành lập tổ chức theo quy định của pháp luật</p> <p>VNPT đề nghị xem xét, điều chỉnh khoản 3 Điều 17 vì theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 về Bảo vệ dữ liệu cá nhân quy định việc xử lý dữ liệu cá nhân của trẻ em phải có sự đồng ý của trẻ em trong trường hợp trẻ em từ đủ 7 tuổi trở lên và có sự đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ theo quy định...</p> <p>Đề nghị xem xét quy định <i>“tại khoản a, b Điều này”</i> vì không phù hợp.</p>		<p><i>đất không thực hiện phương thức giao tiếp giữa người với người:</i></p> <p>b) Đối với tổ chức: giấy tờ chứng minh pháp nhân theo quy định của pháp luật về dân sự và giấy tờ tùy thân của người đại diện theo pháp luật của tổ chức”</p> <p>Các giấy tờ pháp nhân theo luật dân sự đã quy định rõ gồm các loại pháp nhân thương mại (doanh nghiệp, công ty...) và phi thương mại (lực lượng vũ trang, cơ quan nhà nước...), và về nguyên tắc tổ chức nào hoạt động tại Việt Nam đều có pháp nhân để thực hiện các nghĩa vụ trước pháp luật.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến VNPT đề nghị xem xét, điều chỉnh khoản 3 Điều 17.</p> <p>Đã bổ sung thêm quy định việc xuất trình giấy tờ theo quy định tại khoản a, b thì còn phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật người dùng (Nghị định 13)</p> <p>- Bảo lưu với ý kiến Đề nghị xem xét quy định <i>“tại khoản a, b Điều này”</i> vì không phù hợp (khoản 3 Điều 18).</p> <p>Đã bổ sung thêm quy định việc xuất trình giấy tờ theo quy định tại khoản a, b thì còn phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật người dùng (Nghị định 13)</p>
--	--	--	--	---

			<p>Lý do:</p> <p>Khoản 2 Điều 20 Nghị định 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023</p>			
70.	Mobifone	<p>MobiFone góp ý đối với nội dung tại Điểm a Khoản 1: đề xuất cho phép sử dụng Thông báo: “Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư” do Cơ quan Công An cấp để thay thế giấy tờ tùy thân trong trường hợp người sinh trước năm 2020 mà chưa đủ tuổi đăng ký CCCD, bổ sung thêm cam kết từ người giám hộ cho phép người được giám hộ sử dụng dịch vụ viễn thông.</p> <p>- Điều 17 Dự thảo chỉ quy định với thuê bao là tổ chức là pháp nhân. Tuy nhiên, không phải tất cả tổ chức đều là pháp nhân. Vì vậy, kiến nghị bổ sung quy định đối với các tổ chức không phải là pháp nhân.</p> <p>- Khoản 1 Điều 17: MobiFone đề xuất quy định cụ thể riêng cho trường hợp thuê bao là cá nhân và thuê bao là tổ chức. MobiFone đề xuất tiếp tục giữ nguyên và duy trì cả thuê bao là cá nhân và thuê bao là tổ chức đối với số thuê bao di động H2H.</p> <p>- Để đảm bảo tính khả thi và thống nhất khi triển khai, MobiFone kiến nghị:</p> <p>+ Khoản 1 (đối với số thuê bao di động H2H): Với người có quốc tịch Việt Nam, đề nghị quy định rõ giấy tờ tùy thân đăng ký thông tin thuê bao phục vụ lưu trữ hồ sơ thuê bao: Bản điện tử được chụp từ ứng dụng VneID hoặc thẻ căn cước vật lý. Đối với giấy tờ tương đương thẻ căn cước cần quy định cụ thể.</p> <p>+ Khoản 3 (đối với người chưa đủ độ tuổi thành niên, chưa có thẻ căn cước, người được giám hộ): Nghị định cần quy định rõ các trường thông tin.</p>			<p>- Bảo lưu với ý kiến liên quan đến cho phép sử dụng Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư</p> <p>Người chưa đủ tuổi đăng ký CCCD thì do bố mẹ/người giám hộ đăng ký, đứng tên.</p> <p>- Tiếp thu, giải trình ý kiến đề nghị “bổ sung quy định đối với các tổ chức không phải là pháp nhân”</p> <p>Tại điểm b Khoản 2 Điều 18 đã điều chỉnh thành:</p> <p><i>“2. Trường hợp đăng ký số thuê bao viễn thông dùng cho dịch vụ viễn thông di động mặt đất không thực hiện phương thức giao tiếp giữa người với người:</i></p> <p><i>b) Đối với tổ chức: giấy tờ chứng minh pháp nhân theo quy định của pháp luật về dân sự và giấy tờ tùy thân của người đại diện theo pháp luật của tổ chức”</i></p> <p>Các giấy tờ pháp nhân theo luật dân sự đã quy định rõ gồm các loại pháp nhân thương mại (doanh nghiệp, công ty...) và phi thương mại (lực lượng vũ trang, cơ quan nhà nước...), và về nguyên tắc tổ chức nào hoạt động tại Việt Nam đều có pháp nhân để thực hiện các nghĩa vụ trước pháp luật.</p>	

					<p>- Bảo lưu với ý kiến đề xuất quy định cụ thể riêng cho trường hợp thuê bao là cá nhân và thuê bao là tổ chức.</p> <p>Giải trình: quy định hiện nay được xây dựng theo hướng thông tin thuê bao phải cá thể hóa, để đảm bảo công tác quản lý, xử lý các vấn đề phát sinh từ sử dụng thuê bao (như vi phạm pháp luật), DNVN hoàn toàn có thể bổ sung các trường thông tin khác để quản lý đối với các thuê bao là tổ chức, theo hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh của DN</p> <p>- Bảo lưu ý kiến về VneID, giấy tờ tương đương</p> <p>Hiện nay Nghị định định danh điện tử thay thế Nghị định 59/2022/NĐ-CP đang được xây dựng, thời gian tới có nhiều thay đổi với việc quy định về sử dụng định danh điện tử vì vậy trong dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật VT chỉ cần quy định nguyên tắc cho phép sử dụng VneID, việc xuất trình VneID như thế nào để xác minh được sẽ do Nghị định định danh điện tử quy định.</p> <p>- Giải trình với ý kiến Khoản 3 (đối với người chưa đủ độ tuổi thành niên, chưa có thể căn cước, người được giám hộ): Nghị định cần quy định rõ các trường thông tin.</p> <p>Theo quy định tại Khoản 3, cũng như Nghị định 49/2017/NĐ-CP hiện nay thì người chưa có thể căn cước, người được giám hộ... việc đăng ký thuê bao do bố mẹ/người giám hộ đăng ký, đứng tên.</p>
71.	Mobicast	Đề nghị sửa đổi			Bảo lưu

			<p>a) Với người có quốc tịch Việt Nam: Giấy tờ tùy thân (bao gồm thẻ căn cước, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, các giấy tờ có giá trị tương đương thẻ căn cước theo quy định của pháp luật) còn thời hạn sử dụng;</p> <p>Lý do:</p> <p>Phù hợp với quy định Luật xuất nhập cảnh, Luật Căn cước</p>		<p>Hiện nay các DNVT đang đối soát với CSDL dân cư thông qua căn cước công dân/chứng minh nhân dân.</p> <p>Chứng minh nhân dân theo quy định của Luật căn cước 2023 sẽ hết hiệu lực vào 30/12/2024.</p> <p>Quy định trong dự thảo cũng không hạn chế việc sử dụng hộ chiếu hoặc các giấy tờ khác như chứng minh quân đội... miễn là DN có khả năng đối soát hộ chiếu với CSDL dân cư</p>
72.	Viettel		<p>Đối với người chưa đủ tuổi thành niên, chưa có thẻ căn cước hoặc người được giám hộ theo quy định của pháp luật, việc đăng ký thông tin phải do cha, mẹ hoặc người giám hộ thực hiện, trong đó ngoài giấy tờ xuất trình theo quy định tại khoản a, khoản b Điều này cha, mẹ hoặc người giám hộ có trách nhiệm xuất trình giấy tờ chứng minh quan hệ theo quy định của Luật Dân sự, Luật Hộ tịch</p> <p>Lý do:</p> <p>Điều 21 Luật Dân sự 2015: <i>Người chưa đủ tuổi thành niên: <u>Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự, trừ giao dịch dân sự liên quan đến bất động sản, động sản phải đăng ký và giao dịch dân sự khác theo quy định của luật phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý.</u> Do đó, việc đăng ký thông tin thuê bao là giao dịch dân sự không liên quan đến bất động sản, động sản nên sửa lại khoản 3 Điều 17 theo hướng người từ 15 – trước 18 tuổi (đã có căn cước công dân) có thể tự mình thực hiện được</i></p>		<p>- Tiếp thu. Đã điều chỉnh tại khoản 3 điều 17 “3. Đối với người chưa đủ tuổi thành niên, chưa có thẻ căn cước hoặc người được giám hộ theo quy định của pháp luật, việc đăng ký thông tin phải do cha, mẹ hoặc người giám hộ thực hiện, trong đó ngoài giấy tờ xuất trình theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này cha, mẹ hoặc người giám hộ có trách nhiệm xuất trình giấy tờ chứng minh quan hệ theo quy định của Luật Dân sự, Luật Hộ tịch và pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.”</p> <p>- Tiếp thu ý kiến tổ chức, doanh nghiệp cũng được đăng ký sử dụng thuê bao H2H. Đã chỉnh sửa theo hướng tổ chức ký hợp đồng nhưng cá nhân sử dụng phải đăng ký thông tin thuê bao.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến của DN đề nghị tạo điều kiện thuận lợi đăng ký thuê bao với khách hàng là cơ quan nhà nước,</p> <p>Tại điểm b Khoản 2 Điều 18 đã điều chỉnh thành:</p> <p>“2. Trường hợp đăng ký số thuê bao viễn thông dùng cho dịch vụ viễn thông di động mặt</p>

		<p>Khoản 1: Đề nghị bổ sung quy định cho phép khách hàng là Tổ chức/doanh nghiệp cũng được phép đăng ký sử dụng thuê bao H2H.</p> <p>Lý do:</p> <p>Thực tế, nhu cầu của các Tổ chức/Doanh nghiệp (<i>đặc biệt là cơ quan QLNN, các Bộ, cơ quan ngang Bộ....</i>) đăng ký TTTB cho cán bộ, công nhân viên trong Tổ chức/doanh sử dụng phục vụ các hoạt động liên lạc, nghiệp vụ là vẫn còn. Do vậy, cần đánh giá thêm đối với quy định này để đảm bảo quyền bình đẳng của các Tổ chức/Doanh nghiệp trong việc đăng ký sử dụng TTTB</p> <p>a) Với người có quốc tịch Việt Nam: Giấy tờ tùy thân (bao gồm thẻ căn cước, hộ chiếu, chứng minh nhân dân quân đội, VNeID và các giấy tờ có giá trị tương đương thẻ căn cước theo quy định của pháp luật) còn thời hạn sử dụng và doanh nghiệp viễn thông có thể truy cập với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tham chiếu, xác thực các thông tin</p> <p>Lý do:</p> <p>Theo điểm b khoản 1 Điều 17: đối với người nước ngoài cho phép sử dụng hộ chiếu còn thời hạn. Do vậy đề nghị đối với người Việt Nam cũng được sử dụng hộ chiếu để đảm bảo công bằng.</p> <p>Theo quy định của Điểm b Khoản 2 Điều 1 Nghị định 130/2008/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 3 Nghị định 59/2016/NĐ-CP, chứng minh nhân dân quân đội được sử dụng để thực hiện các giao dịch dân sự.</p> <p>Hiện nay, trên VneID đã có đầy đủ thông tin cá nhân công dân, ảnh mặt trước của Căn cước công dân (đầy đủ các trường thông tin chính) phục vụ cho việc đăng ký TTTB</p>		<p><i>đắt không thực hiện phương thức giao tiếp giữa người với người:</i></p> <p><i>b) Đối với tổ chức: giấy tờ chứng minh pháp nhân theo quy định của pháp luật về dân sự và giấy tờ tùy thân của người đại diện theo pháp luật của tổ chức</i></p> <p>Các giấy tờ pháp nhân theo luật dân sự đã quy định rõ gồm các loại pháp nhân thương mại (doanh nghiệp, công ty...) và phi thương mại (lực lượng vũ trang, cơ quan nhà nước...), và về nguyên tắc tổ chức nào hoạt động tại Việt Nam đều có pháp nhân để thực hiện các nghĩa vụ trước pháp luật.</p>
--	--	--	--	--

			<p>Điểm b khoản 2: Đề nghị nghiên cứu giải pháp khắc phục một số bất cập hiện hành trong việc thực thi</p> <p>Lý do:</p> <p>Hiện nay, DNVT gặp nhiều trường hợp khách hàng là cơ quan quản lý Nhà nước (Văn Phòng Chính Phủ, các Bộ/Cục...) đề nghị thực hiện thủ tục đăng ký TTTB, việc yêu cầu những KH này cung cấp loại giấy tờ công nhận là pháp nhân (quyết định thành lập...) là khó khả thi do các Tổ chức này đã được thành lập từ rất lâu. Thậm chí, có trường hợp đơn vị được thành lập theo văn bản Nghị định/Thông tư (<i>không có Quyết định thành lập</i>). Tương tự, đối với việc xuất trình “văn bản ủy quyền hợp pháp”, nhiều trường hợp các Tổ chức (là cơ quan QLNN), thủ trưởng đơn vị đã có văn bản quyết định phân công nhiệm vụ cho cấp phó/cấp dưới phụ trách lĩnh vực chuyên môn, việc bổ sung thêm GUQ là không cần thiết</p>		
73.	Bắc Kan	<p>Tại Điều 17 quy định Giấy tờ sử dụng để đăng ký thông tin thuê bao, trong đó có quy định được phép sử dụng căn cước công dân hoặc giấy tờ có giá trị tương đương thẻ căn cước (chứng minh thư nhân dân). Ngoài ra tại Điều 21 quy định, đối với 03 thuê bao đầu, cá nhân chỉ cần ký vào bản đăng ký xác nhận thông tin thuê bao, từ thuê bao thứ 4 cá nhân mới phải ký hợp đồng giữa doanh nghiệp và cá nhân. Tuy nhiên, việc chấp nhận cả căn cước công dân, chứng minh thư nhân dân và giấy tờ khác...có thể xảy ra trường hợp không đối soát được các giấy tờ của cá nhân đó là của cùng 1 người (khi 1 cá nhân mỗi lần cung cấp 01 loại giấy tờ khác nhau để đăng ký thông tin thuê bao), hoặc điểm cung cấp dịch vụ viễn thông mặc dù biết là cùng 1 cá nhân nhưng lại cố tình hiểu là 2 cá nhân khác nhau để không phải ký hợp đồng từ thuê bao thứ tư. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, nghiên cứu có</p>		<p>Bảo lưu.</p> <p>Quy định này kế thừa Nghị định 49 trước đây, việc quy định nguyên tắc như vậy là đủ, chưa ghi nhận vướng mắc, trường hợp cơ quan nhà nước ở địa phương thanh, kiểm tra hoàn toàn có thể yêu cầu xuất trình hoặc bản xác nhận thuê bao hoặc hợp đồng, mục tiêu chính cần lưu ý là thông tin thuê bao phải đầy đủ, chính xác</p>	

			biện pháp kiểm tra, xác nhận các thông tin về giấy tờ cá nhân khi đăng ký thông tin thuê bao			
74.	Hải Phòng		<p>Đề nghị điều chỉnh một số nội dung tại Điều 17 dự thảo như sau:</p> <p>- Nội dung đoạn dẫn chung: “<i>Tổ chức, cá nhân khi đăng ký thông tin số thuê bao viễn thông dùng cho dịch vụ viễn thông di động mặt đất có trách nhiệm xuất trình bản gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản gốc hoặc bản điện tử/thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc giấy tờ sau đây:</i>”</p> <p>- Nội dung Điểm a khoản 1: “<i>a) Với người có quốc tịch Việt Nam: Giấy tờ tùy thân (bao gồm thẻ căn cước hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương thẻ căn cước theo quy định của pháp luật) còn thời hạn sử dụng; thông tin giấy tờ tùy thân xuất trình phải có thông tin khớp với thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;”</i></p> <p>- Nội dung Khoản 3: “<i>3. Đối với người chưa đủ tuổi thành niên, chưa có thẻ căn cước hoặc người được giám hộ theo quy định của pháp luật, việc đăng ký thông tin phải do cha, mẹ hoặc người giám hộ thực hiện, trong đó ngoài giấy tờ xuất trình theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này cha, mẹ hoặc người giám hộ có trách nhiệm xuất trình giấy tờ chứng minh quan hệ theo quy định của Luật Dân sự, Luật Hộ tịch.</i>”</p>			<p>- Tiếp thu, ý kiến đề nghị ghi rõ “hoặc”</p> <p>- Tiếp thu, giải trình: nội dung đảm bảo trùng khớp với CSDL dân cư đã được quy định riêng tại Điều khoản về xác thực thông tin thuê bao, trong đó yêu cầu phải trùng khớp với CSDL dân cư</p> <p>- Tiếp thu ý kiến sửa đổi “<i>điểm a, điểm b khoản 1</i>”, sửa đổi khoản 3 thành</p> <p>“<i>3. Đối với người chưa đủ tuổi thành niên, chưa có thẻ căn cước hoặc người được giám hộ theo quy định của pháp luật, việc đăng ký thông tin phải do cha, mẹ hoặc người giám hộ thực hiện, trong đó ngoài giấy tờ xuất trình theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này cha, mẹ hoặc người giám hộ có trách nhiệm xuất trình giấy tờ chứng minh quan hệ theo quy định của Luật Dân sự, Luật Hộ tịch và pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.</i>”</p>
75.	Yên Bái		Tại điểm a, khoản 1, điều 17 “ <i>Với người có quốc tịch Việt Nam: Giấy tờ tùy thân (bao gồm thẻ căn cước và các giấy tờ có giá trị tương đương thẻ căn cước theo quy định của pháp luật) còn thời hạn sử dụng và doanh nghiệp viễn thông có thể truy cập với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tham chiếu, xác thực các thông tin</i> ” đề nghị sửa đổi phù hợp chỉ dùng giấy tờ là cước công dân hoặc mã		x	Bảo lưu. Mã định danh cá nhân được cấp cho trẻ vị thành niên, chưa được cấp căn cước. Theo dự thảo, cũng như theo quy định hiện hành tại Nghị định 49 thì việc đăng ký TTTB với trẻ em sẽ do bố mẹ thực hiện.

			định danh cá nhân để đăng ký thông tin thuê bao để sát thực cao và phù hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia			
76.	Bộ Công Thương		Đề nghị giải thích cụm từ “số thuê bao di động H2H” để bảo đảm rõ nghĩa tại khoản 1 Điều 17.			Bộ TT&TT xin giải trình như sau: Nội dung này là thuật ngữ chuyên ngành, sẽ được định nghĩa tại dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet, đầu giá quyền sử dụng mã số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” ban hành và có hiệu lực cùng thời điểm với Nghị định này
77.	Đắk Nông		Tại điểm a, khoản 1, điều 17 đề xuất đơn vị soạn thảo nghiên cứu, bổ sung như sau: “a) Với người có quốc tịch Việt Nam: Giấy tờ tùy thân (bao gồm thẻ căn cước và các giấy tờ có giá trị tương đương thẻ căn cước theo quy định của pháp luật)còn thời hạn sử dụng hoặc tài khoản định danh điện tử mức độ 2; doanh nghiệp viễn thông có thể truy cập với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tham chiếu, xác thực các thông tin;” Lý do: Hiện nay, các địa phương đang đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Việc liên kết dữ liệu thuê bao với dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử nhằm hạn chế tình trạng sim rác, lừa đảo qua mạng viễn thông. Tài khoản điện tử được định danh mức độ 2 trên thực tế cũng được xem như “bản điện tử/thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc” có đầy đủ các trường thông tin để làm căn cứ đăng ký thuê bao như điều 17 đã quy định.	x		Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo
78.	Lạng Sơn		Tại Điều 17 quy định Giấy tờ sử dụng để đăng ký thông tin thuê bao, trong đó có quy định được phép sử dụng căn cước công dân hoặc giấy tờ có giá trị tương đương thẻ			Bộ TT&TT xin giải trình như sau:

			căn cước (chứng minh thư nhân dân). Ngoài ra tại Điều 21 quy định đối với 03 thuê bao đầu, cá nhân chỉ cần ký vào bản đăng ký xác nhận thông tin thuê bao, từ thuê bao thứ 4 cá nhân mới phải ký hợp đồng giữa doanh nghiệp và cá nhân. Tuy nhiên, việc chấp nhận cả căn cước công dân, chứng minh thư nhân dân và giấy tờ khác có thể xảy ra trường hợp không đối soát được các giấy tờ của cá nhân đó là của cùng 1 người (khi 1 cá nhân mỗi lần cung cấp 01 loại giấy tờ khác nhau để đăng ký thông tin thuê bao) hoặc đi kèm cung cấp dịch vụ 2 viễn thông mặc dù là cùng 1 cá nhân nhưng lại có tình hình là 2 cá nhân khác nhau để không phải ký hợp đồng từ thuê bao thứ tư. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, nghiên cứu quy định biện pháp kiểm tra, xác nhận các thông tin về giấy tờ cá nhân khi đăng ký thông tin thuê bao.			Quy định như dự thảo Nghị định được hiểu là với mỗi loại giấy tờ thì một người có thể đăng ký tối đa 3 thuê bao với hình thức trực tuyến. Ví dụ công dân A có CMND X, có CCCD Y thì được đăng ký tổng cộng 6 thuê bao tương ứng với cả CMND và CCCD. Điều này là tạo thuận lợi cho người dân khi đăng ký thuê bao với các giấy tờ tùy thân còn hạn sử dụng
79.	Lâm Đồng		Tại khoản 3, Điều 17: xem xét quy định chung Đối với người chưa có căn cước công dân hoặc người được giám hộ... Lý do: người chưa có căn cước công dân đã bao gồm người chưa thành niên, quy định gọn sẽ giúp người hiểu không phân vân cách hiểu thế nào là chưa thành niên (16 tuổi hay 18 tuổi, tính tuổi tròn ngày tháng năm hay chỉ theo năm			Tiếp thu , chỉnh lý dự thảo
80.	Bộ Quốc phòng		Đề nghị bổ sung quy định cho phép khách hàng là tổ chức/doanh nghiệp cũng được phép đăng ký sử dụng thuê bao H2H Lý do: Thực tế, nhu cầu của các tổ chức/doanh nghiệp đặc biệt là cơ quan quản lý nhà nước, các Bộ, cơ quan ngang Bộ.... đăng ký thông tin thuê bao cho cán bộ, công nhân viên trong tổ chức/doanh nghiệp sử dụng phục vụ các hoạt động liên lạc, nghiệp vụ là vẫn còn. Do vậy, cần bổ sung để đảm bảo quyền bình đẳng của các tổ chức/doanh nghiệp trong việc đăng ký sử dụng thông tin thuê bao	x		Tiếp thu . Đã chỉnh sửa bổ sung điểm d Khoản 1 Điều 19 theo hướng tổ chức ký hợp đồng nhưng cá nhân sử dụng phải đăng ký thông tin thuê bao

81.		Bộ Quốc phòng	<p>Đề nghị nghiên cứu giải pháp khắc phục một số bất cập hiện hành trong việc thực thi:</p> <p>Hiện nay, doanh nghiệp viễn thông gặp nhiều trường hợp khách hàng là cơ quan quản lý nhà nước (Văn phòng Chính Phủ, các Bộ/Cục...) đề nghị thực hiện thủ tục đăng ký thông tin thuê bao, việc yêu cầu những khách hàng này cung cấp loại giấy tờ công nhận là pháp nhân (quyết định thành lập...) là khó khả thi do các Tổ chức này đã được thành lập từ rất lâu. Thậm chí, có trường hợp đơn vị được thành lập theo nghị định/thông tư {không có quyết định thành lập}. Tương tự, đối với việc xuất trình “văn bản ủy quyền hợp pháp”¹, nhiều trường hợp các Tổ chức (là cơ quan quản lý nhà nước), thủ trưởng đơn vị đã có văn bản quyết định phân công nhiệm vụ cho cấp phó/cấp dưới phụ trách lĩnh vực chuyên môn, việc bổ sung thêm giấy uỷ quyền là không cần thiết</p>		<p>Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo.</p> <p>Tại điểm b Khoản 2 Điều 18 đã điều chỉnh thành:</p> <p>“2. Trường hợp đăng ký số thuê bao viễn thông dùng cho dịch vụ viễn thông di động mặt đất không thực hiện phương thức giao tiếp giữa người với người:</p> <p>b) Đối với tổ chức: giấy tờ chứng minh pháp nhân theo quy định của pháp luật về dân sự (hoặc giấy tờ đăng ký thành lập tổ chức theo quy định của pháp luật) và giấy tờ tùy thân của người đại diện theo pháp luật của tổ chức”</p> <p>Các giấy tờ pháp nhân theo luật dân sự đã quy định rõ gồm các loại pháp nhân thương mại (doanh nghiệp, công ty...) và phi thương mại (lực lượng vũ trang, cơ quan nhà nước...), và về nguyên tắc tổ chức nào hoạt động tại Việt Nam đều có pháp nhân để thực hiện các nghĩa vụ trước pháp luật.</p>
82.	Điều 18	VNPT	<p>VNPT đề nghị xem xét điều chỉnh như sau: “<u>Sau khi nhận giấy tờ của cá nhân, tổ chức giao kết hợp đồng, đăng ký thông tin thuê bao, điểm cung cấp dịch vụ viễn thông có trách nhiệm thực hiện các quy định sau:</u></p> <p>Lý do:</p> <p>Điều 16 dự thảo Nghị định quy định hình thức đăng ký thông tin thuê bao trực tiếp tại điểm do chính doanh nghiệp viễn thông sở hữu, thiết lập và tại các địa điểm do doanh nghiệp khác thiết lập, được doanh nghiệp viễn thông ký hợp đồng ủy quyền. Vì vậy, trách nhiệm xác thực</p>		<p>- Tiếp thu. Sửa câu dẫn điều 19 thành “<u>Điều 19. Xác thực thông tin thuê bao di động mặt đất</u></p> <p>Sau khi nhận giấy tờ để đăng ký thông tin thuê bao, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các quy định sau:”</p> <p>- Tiếp thu ý kiến VNPT về sửa từ “ĐÚNG với cá nhân, tổ chức đến thực hiện giao kết” thành “Trùng khớp với”</p> <p>- Bảo lưu ý kiến về việc cần quy định cụ thể về giấy tờ đăng ký thuê bao: Dự thảo đã quy định rõ, DN/người dân có thể dùng CCCD</p>

		<p>thông tin thuê bao nên quy định thuộc trách nhiệm của diêm cung cấp dịch vụ viễn thông.</p> <p>VNPT đề nghị sửa thành:</p> <p>1. <i>Đối chiếu, kiểm tra giấy tờ là trùng khớp với cá nhân, tổ chức đến thực hiện giao kết hợp đồng, đăng ký thông tin theo quy định.</i></p> <p>Lý do:</p> <p>DNVT không có khả năng xác minh nếu giấy tờ được làm giả một cách tinh vi</p> <p>- Khoản 2: Hiện nay các DNVT chỉ có thể xác thực với CSDLQG về dân cư, nhưng chỉ có thông tin về CCCD và CMT. Vì vậy cần quy định cụ thể về giấy tờ đăng ký TTTB.</p> <p>- VNPT đề nghị sửa khoản 1 thành:</p> <p>“Xác thực, đảm bảo trùng khớp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tối thiểu 03 trường thông tin trên giấy tờ tùy thân của công dân Việt Nam gồm số giấy tờ, họ và tên, ngày tháng năm sinh.”</p>		<p>hoặc các giấy tờ khác miễn là có thể đối soát được với CSDL dân cư</p> <p>- Tiếp thu ý kiến của VNPT về việc sửa khoản 1, điều chỉnh từ “<i>ngày sinh</i>” thành “<i>Ngày tháng năm sinh</i>”.</p>
83.	Mobifone	<p>- Tương tự nội dung đã góp ý tại Điều 17: Cho phép sử dụng xác thực của Cơ quan Công An để làm căn cứ xác thực thông tin thuê bao.</p> <p>- Đề xuất Dự thảo quy định rõ:</p> <p>+ Đối với thuê bao mới: Xác thực thông tin khách hàng ngay từ đầu, cụ thể: Giấy tờ tùy thân cần được đối soát thông tin với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (cá nhân Việt Nam, cá nhân nước ngoài, tổ chức) nếu đúng thông tin mới được phép đăng ký sử dụng dịch vụ.</p> <p>+ Đối với thuê bao đang hoạt động trên mạng: Khách hàng phải đảm bảo thông tin trùng với cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (CSDL quốc</p>		<p>- Bảo lưu với ý kiến liên quan đến cho phép sử dụng Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư”</p> <p>Người chưa đủ tuổi đăng ký CCCD thì do bố mẹ/người giám hộ đăng ký, đứng tên.</p> <p>-Tiếp thu ý kiến thông tin phải trùng khớp mới được sử dụng dịch vụ. Sửa Khoản 2 Điều 19 như sau:</p> <p>“<i>Điều 19. Xác thực thông tin thuê bao di động mặt đất</i></p>

			<p>gia dân cư, CSDL xuất nhập cảnh đối với khách nước ngoài).</p> <p>- Khoản 3: Chưa có trường hợp từ chối khi phát hiện thông tin được xác định là giả mạo, gian lận. Đề xuất điều chỉnh lại Khoản 3 như sau: “3. Từ chối giao kết hợp đồng, cung cấp dịch vụ với các cá nhân, tổ chức xuất trình giấy tờ không đúng quy định hoặc giấy tờ được xuất trình không rõ, không bảo đảm việc số hóa giấy tờ được rõ ràng, sắc nét, đầy đủ thông tin hoặc có thông tin không được xác thực hoặc thông tin được xác định là giả mạo, gian lận.”</p>		<p><i>Sau khi nhận giấy tờ để đăng ký thông tin thuê bao, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các quy định sau:</i></p> <p>2. Thực hiện các biện pháp xác thực thông tin thuê bao di động mặt đất (đối với cả hình thức đăng ký trực tiếp và trực tuyến) đảm bảo tối thiểu các yêu cầu sau:</p> <p>a. Xác thực, đảm bảo trùng khớp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tối thiểu 03 trường thông tin trên giấy tờ tùy thân của công dân Việt Nam gồm số giấy tờ, họ và tên, ngày sinh”.</p> <p>- Bảo lưu với ý kiến Đối với thuê bao đang hoạt động trên mạng cũng phải trùng khớp với CSDL dân cư. Hiện nay các nhà mạng đã đối soát 100% thuê bao hiện hữu rồi, không quy định lại nữa</p> <p>- Tiếp thu ý kiến từ chối giao kết nếu thuê bao xác định là giả mạo, gian lận. Điều chỉnh Khoản 3 Điều 19 như sau:</p> <p>“3. Từ chối giao kết hợp đồng, cung cấp dịch vụ với các cá nhân, tổ chức xuất trình giấy tờ không đúng quy định hoặc giấy tờ được xuất trình không rõ, không bảo đảm việc số hóa giấy tờ được rõ ràng, sắc nét, đầy đủ thông tin hoặc có thông tin không trùng khớp sau xác thực hoặc không xác thực được.”</p>
84.	Mobicast	Đề nghị sửa đổi	<p>3. Từ chối giao kết hợp đồng, từ chối hoặc dừng cung cấp dịch vụ với các cá nhân, tổ chức xuất trình giấy tờ không đúng quy định hoặc giấy tờ được xuất trình không rõ, không bảo đảm việc số hóa giấy tờ được rõ ràng, sắc</p>		<p>Bảo lưu. Ý kiến của Mobicast liên quan đến việc cho phép hồi tố với những thuê bao được đối soát thành công, được kích hoạt nhưng sau đó phát hiện ra sai sót do CSDL chưa có thông tin/sai lệch... Về nguyên tắc, thuê bao phải</p>

		<p>nét, đầy đủ thông tin hoặc có thông tin không được xác thực.</p> <p>Lý do:</p> <p>Hiện nay Cơ sở dữ liệu quốc gia mới chỉ có thông tin về căn cước công dân và do đó, cũng chưa đầy đủ thông tin, thông tin cũng có thể sai lệch với giấy tờ thực tế, trong trường hợp này doanh nghiệp viễn thông xem xét cung cấp dịch vụ cho khách hàng và yêu cầu khách hàng thực hiện bổ sung thông tin tại cơ sở dữ liệu quốc gia</p>		<p>khớp với CSDL dân cư mới được kích hoạt. Khi đó đảm bảo thông tin là trùng khớp với CSDL dân cư là CSDL gốc. Việc điều chỉnh, bổ sung từ phía CSDL dân cư không phải sai sót của DN, người dân và khi đó DN có thể yêu cầu người dân chuẩn hóa lại</p>
85.	Viettel	<p>Khoản 1: Đối chiếu, kiểm tra giấy tờ trùng khớp với thông tin của cá nhân, tổ chức đến thực hiện giao kết hợp đồng, đăng ký thông tin theo quy định</p> <p>Lý do:</p> <p>Để thống nhất với quy định của Luật Viễn thông (điểm i Khoản 2 Điều 13: <i>Cung cấp dịch vụ cho người sử dụng dịch vụ viễn thông có thông tin thuê bao viễn thông đầy đủ, trùng khớp với thông tin trên giấy tờ tùy thân đã xuất trình khi giao kết hợp đồng theo quy định của pháp luật</i>”.</p> <p>DNVT không có chức năng và đủ nghiệp vụ để xác định đúng trong trường hợp cá nhân làm giả giấy tờ.</p> <p>Khoản 3: 3. Từ chối giao kết hợp đồng, cung cấp dịch vụ với các cá nhân, tổ chức xuất trình giấy tờ không đúng quy định hoặc giấy tờ được xuất trình không rõ, không bảo đảm việc số hóa giấy tờ được rõ ràng, sắc nét, đầy đủ thông tin hoặc có thông tin không được xác thực</p> <p>Lý do:</p> <p>Hiện nay, các loại giấy tờ Hộ chiếu, Giấy chứng nhận pháp nhân không xác thực được với CSDLQG về dân cư. Đối với các loại giấy tờ có thể xác thực với CSDLQG về dân cư (CCCD, CMND) thực tế hiện nay, hệ thống</p>		<p>Tiếp thu, đã điều chỉnh điểm a Khoản 1 Điều 19 thành</p> <p><i>a. Xác thực, đảm bảo trùng khớp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tối thiểu 03 trường thông tin trên giấy tờ tùy thân của công dân Việt Nam gồm số giấy tờ, họ và tên, ngày sinh.</i></p> <p>Bảo lưu với ý kiến liên quan đến việc bỏ quy định thông tin không được xác thực vẫn được đăng ký thuê bao. Về nguyên tắc, thuê bao phải khớp với CSDL dân cư mới được kích hoạt. Khi đó đảm bảo thông tin là trùng khớp với CSDL dân cư là CSDL gốc. Việc điều chỉnh, bổ sung từ phía CSDL dân cư không phải sai sót của DN, người dân và khi đó DN có thể yêu cầu người dân chuẩn hóa lại</p>

			CSDLQG của BCA chưa đảm bảo thông suốt 24/7, nhiều lần bị lỗi kết nối trong nhiều ngày liên tục			
86.		Bộ Công Thương	Đề nghị hoàn thiện nội dung để bảo đảm rõ nghĩa, ví dụ: việc sử dụng cụm từ “là đúng” chưa rõ ràng, chính xác tại khoản 1 Điều 18	x		Tiếp thu , chỉnh lý dự thảo
87.	Điều 19	VNPT	<p>VNPT đề nghị xem xét, bổ sung vào khoản 4 quy định: “<i>Bản số hóa hợp đồng theo mẫu hoặc hợp đồng theo mẫu có chữ ký điện tử (nếu có);</i>”</p> <p>Lý do:</p> <p>Bản xác nhận thông tin thuê bao và hợp đồng theo mẫu đã ký kết có bản chất giống nhau, đều bao gồm các thông tin cá nhân của khách hàng và thông tin dịch vụ viễn thông mà doanh nghiệp viễn thông cung cấp. Vì vậy, việc chỉ quy định bản xác nhận thông tin thuê bao (chỉ áp dụng với khách hàng sử dụng từ 03 thuê bao trả trước trở xuống), mà không tính đến hợp đồng theo mẫu (đối với khách hàng sử dụng từ thuê bao trả trước thứ 4 trở đi và khách hàng sử dụng thuê bao trả sau) là không hợp lý.</p> <p>Trên thực tế, hợp đồng mẫu và điều kiện giao dịch chung là 1 trong những trường thông tin cần lưu giữ đối với thuê bao</p> <p>VNPT đề nghị sửa đổi như sau: “<i>Họ tên nhân viên của doanh nghiệp viễn thông, nhân viên của doanh nghiệp ký hợp đồng ủy quyền với doanh nghiệp viễn thông để thực hiện việc đăng ký thông tin thuê bao thực hiện kích hoạt, chấp thuận cung cấp dịch vụ viễn thông cho thuê bao; thời gian thực hiện; địa chỉ và số điện thoại liên hệ của điểm (với hình thức đăng ký thông tin thuê bao trực tiếp).</i>”</p> <p>Lý do:</p> <p>Theo quy định tại Điều 16 Dự thảo NĐ, có hai hình thức đăng ký thông tin thuê bao trực tiếp: (i) tại điểm do doanh nghiệp viễn thông sở hữu, thiết lập và (ii) tại các địa điểm</p>	x		<p>- Tiếp thu ý kiến VNPT đề nghị xem xét, bổ sung vào khoản 4 quy định: “<i>Bản số hóa hợp đồng theo mẫu hoặc hợp đồng theo mẫu có chữ ký điện tử (nếu có);</i>”</p> <p>Đã bổ sung khoản 5 Điều 20:</p> <p>“<i>5. Bản số hoá hợp đồng theo mẫu hoặc hợp đồng theo mẫu có chữ ký điện tử (nếu có).</i>”</p> <p>- Tiếp thu ý kiến VNPT đề nghị sửa đổi, bổ sung “nhân viên của doanh nghiệp ký hợp đồng ủy quyền”. Sửa đổi điểm e khoản 4 Điều 20 như sau “<i>e) Họ tên nhân viên giao dịch; thời gian thực hiện đăng ký thông tin thuê bao; địa chỉ và số điện thoại liên hệ của điểm (với hình thức đăng ký thông tin thuê bao trực tiếp).</i>”</p>

		do doanh nghiệp khác thiết lập, được doanh nghiệp viễn thông ký hợp đồng ủy quyền để thực hiện việc đăng ký thông tin thuê bao. Vì vậy, VNPT đề xuất bổ sung thêm trường thông tin nhân viên của doanh nghiệp ký hợp đồng ủy quyền với DNVT			
88.	Mobifone	<p>- Khoản 2. Địa chỉ trên giấy tờ tùy thân của cá nhân, giấy chứng nhận pháp nhân của tổ chức; Điểm a Khoản 4. Thông tin trên giấy tờ tùy thân của cá nhân, giấy chứng nhận pháp nhân của tổ chức: MobiFone kiến nghị địa chỉ do khách hàng cung cấp để phục vụ cho công tác CSKH, liên hệ, xác minh.</p> <p>- Điểm c Khoản 4. Ảnh chụp người trực tiếp đăng ký thông tin thuê bao: MobiFone đề xuất quy định cụ thể riêng cho trường hợp thuê bao là cá nhân và thuê bao là tổ chức:</p> <p>+ Đối với thuê bao là cá nhân: quy định là ảnh chụp của cá nhân đăng ký sử dụng thuê bao;</p> <p>+ Đối với thuê bao tổ chức: quy định là ảnh chụp người trực tiếp đăng ký thông tin thuê bao.</p> <p>- Điểm d Khoản 4. Bản số hóa bản xác nhận thông tin thuê bao: đề nghị Dự thảo làm rõ “bản số hóa bản xác nhận thông tin thuê bao” theo quy định cụ thể (Thẻ căn cước, hộ chiếu,...)</p> <p>- Điểm đ Khoản 4. Họ tên nhân viên của doanh nghiệp viễn thông kích hoạt, chấp thuận cung cấp dịch vụ viễn thông cho thuê bao; thời gian thực hiện; địa chỉ và số điện thoại liên hệ của điểm (với hình thức trực tiếp): MobiFone đề nghị sửa thành: <i>Họ tên nhân viên/giao dịch viên kiểm duyệt/kích hoạt thuê bao</i> (vì còn áp dụng cho trường hợp trực tuyến, ĐLUQ cũng được đăng ký thông</p>			<p>- Bảo lưu ý kiến bổ sung “địa chỉ do khách hàng cung cấp để phục vụ cho công tác CSKH, liên hệ, xác minh.”. Ngoài các thông tin được quy định, các thông tin cần thiết khác do DN thỏa thuận với KH thông qua hợp đồng mẫu</p> <p>- Tiếp thu ý kiến về ảnh chụp của Mobifone. Đã sửa điểm c Khoản 4 điều 20 thành “c) Ảnh chụp chân dung người đăng ký thông tin thuê bao” vì ngoài ảnh trực tiếp còn ảnh chụp qua app đăng ký online.</p> <p>- Bảo lưu. Bản xác nhận thông tin thuê bao là bắt buộc, ngoài ra còn hợp đồng nếu có. Các nội dung khác do DN thỏa thuận với KH</p> <p>- Tiếp thu ý kiến Mobifone đề nghị sửa đổi , bổ sung “nhân viên của doanh nghiệp ký hợp đồng ủy quyền”. Sửa đổi điểm e khoản 4 Điều 20 như sau “e) Họ tên nhân viên giao dịch; thời gian thực hiện đăng ký thông tin thuê bao; địa chỉ và số điện thoại liên hệ của điểm (với hình thức đăng ký thông tin thuê bao trực tiếp).”</p>

			tin thuê bao chứ không chỉ có DNVT – mâu thuẫn với Điều 16).			
89.	Mobicast	Đề nghị sửa đổi Số Giấy tờ tùy thân của cá nhân, Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của tổ chức Lý do: Địa chỉ thường trú của cá nhân, địa chỉ của doanh nghiệp có thể thay đổi nhiều lần, ngoài ra Giấy chứng nhận thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động có thể thay thế Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vì vậy quy định quản lý thông tin thuê bao theo số giấy tờ tùy thân/giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh ổn định và đầy đủ thông tin hơn				- Tiếp thu ý kiến của DN đề nghị tạo điều kiện thuận lợi đăng ký thuê bao với khách hàng là cơ quan nhà nước, Tại điểm b Khoản 2 Điều 18 đã điều chỉnh thành: <i>“2. Trường hợp đăng ký số thuê bao viễn thông dùng cho dịch vụ viễn thông di động mặt đất không thực hiện phương thức giao tiếp giữa người với người: b) Đối với tổ chức: giấy tờ chứng minh pháp nhân theo quy định của pháp luật về dân sự và giấy tờ tùy thân của người đại diện theo pháp luật của tổ chức”</i> Các giấy tờ pháp nhân theo luật dân sự đã quy định rõ gồm các loại pháp nhân thương mại (doanh nghiệp, công ty...) và phi thương mại (lực lượng vũ trang, cơ quan nhà nước...), và về nguyên tắc tổ chức nào hoạt động tại Việt Nam đều có pháp nhân để thực hiện các nghĩa vụ trước pháp luật.
90.	Lâm Đồng	Tại điểm a khoản 4 Điều 19: đề nghị bổ sung thêm quy định lấy thông tin cụ thể, như sau: -Thông tin trên giấy tờ tùy thân của cá nhân, gồm: số CMND/CCCD, nơi cấp CMND/CCCD,... -Giấy chứng nhận pháp nhân của tổ chức, gồm: số GPKD, nơi cấp GPKD,... Lý do: nhằm trách trường hợp cá nhân, tổ chức cung cấp thiếu thông tin cần thiết, quan trọng; có sẵn các trường thông tin cần thiết để thuận lợi cho doanh nghiệp, đơn vị trích xuất, lấy các thông tin khi cần				Tiếp thu , chỉnh lý dự thảo

91.		ASIM	<p>Công ty ASIM đề xuất loại bỏ xác thực bằng phương thức video call đối với số thuê bao đăng ký trực tiếp tại điểm cung cấp dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp, do khách hàng đã thực hiện đăng ký trực tiếp tức là nhân viên nhà mạng đã phải đối chiếu thông tin khách hàng cung cấp và xác minh giấy tờ tùy thân trùng khớp với người đến đăng ký thuê bao, nếu yêu cầu doanh nghiệp thực hiện thêm bước xác minh là videocall tại thời điểm đăng ký thì sẽ tạo ra nhiều thủ tục cho khách hàng và doanh nghiệp viễn thông.</p>		<p>Bảo lưu</p> <p>Việc tăng cường các biện pháp xác thực là cần thiết để đảm bảo độ chính xác, trùng khớp thông tin thuê bao, góp phần ngăn chặn tình trạng SIM rác, SIM có thông tin không đúng quy định, lừa đảo qua mạng viễn thông.</p>
92.	Điều 20	VNPT	<p>VNPT đề nghị sửa thành:</p> <p><i>“1. Thuê bao viễn thông đã hoàn thành đăng ký thông tin thuê bao theo quy định.”</i></p> <p>Lý do;</p> <p>Đề nghị xem xét, lược bỏ quy định tại khoản 1 Điều 20 : <i>“...có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự để thực hiện giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung”,</i> quy định này không phù hợp vì doanh nghiệp viễn thông không có đủ khả năng, điều kiện, thẩm quyền để đánh giá năng lực pháp luật dân sự.</p> <p>- Đề nghị sửa lại thành:</p> <p>2. Doanh nghiệp đã hoàn thành việc xác thực, lưu giữ thông tin thuê bao đã xác thực đầy đủ theo quy định.</p> <p>Lý do:</p> <p>DNVT không có khả năng xác thực thông tin <i>“chính xác”</i>.</p>		<p>- Tiếp thu ý của VNPT đề nghị sửa thành: <i>“1. Thuê bao viễn thông đã hoàn thành đăng ký thông tin thuê bao theo quy định.”</i></p> <p>- Bảo lưu về DNVT không có khả năng xác thực thông tin <i>“chính xác”</i>. Việc đảm bảo chính xác là điều kiện bắt buộc, và thực hiện thông qua các biện pháp xác thực thông tin thuê bao. Không xác thực, không chính xác thì không kích hoạt thuê bao, để ko phát tán SIM rác</p>
93.		Mobifone	<p>Đề xuất bổ sung quy định về việc cho phép cung cấp dịch vụ viễn thông cho người chưa thành niên khi có sự cho phép từ người giám hộ bằng văn bản cam kết về quyền, lợi ích và trách nhiệm trước pháp luật</p>	x	<p>Bảo lưu. Người vị thành niên vẫn được cung cấp dịch vụ, nhưng thông tin phải do bố mẹ đứng tên để chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng thuê bao</p>

94.		Viettel	<p>Doanh nghiệp viễn thông chỉ được cung cấp dịch vụ viễn thông cho thuê bao viễn thông sau khi bảo đảm đầy đủ các nội dung sau:</p> <p>1. Thuê bao viễn thông đã hoàn thành đăng ký thông tin thuê bao theo quy định tại Điều này và có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự để thực hiện giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung</p> <p>Lý do:</p> <p>Việc xác định một cá nhân, đại diện của DN/Tổ chức có đủ năng lực pháp luật dân sự hay không là chức năng/trách nhiệm của cơ quan QLNN chuyên ngành, không phải của DNVT và DNVT cũng không có đủ nghiệp vụ để thực hiện</p>	x		Tiếp thu , bỏ nội dung “tại Điều này”
95.	Điều 21	GTel	<p>Đề nghị bỏ ký hợp đồng tại Điểm “<i>Đối với số thuê bao thứ tư trở lên, thực hiện giao kết hợp đồng theo mẫu đối với doanh nghiệp viễn thông di động. Doanh nghiệp viễn thông di động có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đăng ký thông tin nhằm bảo đảm các số thuê bao đó được sử dụng theo đúng qui định</i>”. Lý do: Hiện tại các doanh nghiệp đã thực hiện số hóa theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia. Đồng thời, các doanh nghiệp phải thực hiện Điều 18 xác thực thông tin thuê bao theo Nghị định</p>	x		Bảo lưu. Quy định này kế thừa từ Nghị định 49, đề chống SIM rác
96.		VNPT	<p>VNPT đề nghị xem xét, điều chỉnh thành: <i>Đối với thuê bao thứ tư trở lên, thực hiện giao kết ...tại điểm có địa chỉ xác định do doanh nghiệp viễn thông thiết lập hoặc tại các điểm có địa chỉ xác định do doanh nghiệp khác thiết lập, được doanh nghiệp viễn thông ký hợp đồng ủy quyền để thực hiện việc đăng ký thông tin thuê bao.</i></p> <p>Lý do:</p> <p>Theo quy định tại Điều 16 Dự thảo NĐ quy định hai hình thức đăng ký thông tin thuê bao trực tiếp (tại điểm có địa chỉ xác định của DNVT và điểm có địa chỉ chỉ xác định</p>			<p>Bảo lưu. Quy định này kế thừa từ Nghị định 49, đề chống SIM rác</p> <p>Tiếp thu ý kiến Loại bỏ quy định: “<i>Doanh nghiệp viễn thông di động phải kiểm tra, giám sát, bảo đảm các số thuê bao đó được sử dụng theo đúng quy định</i>”</p>

		<p>của DN được DNVT ủy quyền). Do đó, đề nghị bổ sung quy định về việc giao kết hợp đồng theo mẫu tại điểm có địa chỉ xác định do DN khác thiết lập, được DNVT ký HĐ ủy quyền.</p> <p>Loại bỏ quy định: “<i>Doanh nghiệp viễn thông di động phải kiểm tra, giám sát, bảo đảm các số thuê bao đó được sử dụng theo đúng quy định</i>” vì doanh nghiệp viễn thông không có đủ khả năng để thực hiện trách nhiệm này. Trách nhiệm sử dụng đúng quy định là của thuê bao, trách nhiệm phát hiện không đúng quy định là của cơ quan bảo vệ pháp luật.</p>			
97.	Điện Biên	<p>Thực tế trong công tác quản lý thuê bao di động trả trước, các chủ thuê bao có nhu cầu sử dụng từ 04 số thuê bao của một nhà mạng trở lên chỉ chiếm phần nhỏ, điều này tạo kẽ hở cho việc thực hiện giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung không đúng theo quy định, gây khó khăn cho cơ quan quản lý Nhà nước trong việc quản lý, kiểm tra. Đề nghị quy định giới hạn số lượng thuê bao điện thoại đăng ký thông tin bởi một cá nhân, tổ chức. Đối với người có nhu cầu sử dụng nhiều số thuê bao điện thoại di động đề nghị sử dụng dịch vụ MultiSIM</p>		x	<p>Bảo lưu</p> <p>Việc giới hạn số lượng SIM đăng ký có liên quan đến quyền sử dụng dịch vụ viễn thông của người dân nên cần được cân nhắc đánh giá tác động kỹ lưỡng. Dự thảo Nghị định đã bổ sung các biện pháp khả thi, phù hợp khác để thắt chặt công tác quản lý đăng ký thông tin thuê bao ví dụ yêu cầu thực hiện xác thực.</p>
98.	Mobifone	<p>Khoản 1: <i>Đối với 3 số thuê bao đầu tiên, cá nhân, tổ chức xuất trình giấy tờ và ký vào bản giấy hoặc bản điện tử bản xác nhận thông tin thuê bao: MobiFone đề nghị làm rõ 03 thuê bao đầu tiên tính từ thời điểm nào?</i></p> <p>- Khoản 1: ...<i>Bản xác nhận thông tin thuê bao bao gồm toàn bộ các thông tin thuê bao được quy định tại Điều 5: MobiFone đề nghị kiểm tra lại dẫn chiếu vì Điều 5 của Dự thảo không quy định bản xác nhận thông tin thuê bao là như thế nào.</i></p> <p>- Khoản 2: <i>Đối với số thuê bao thứ tư trở lên, thực hiện giao kết hợp đồng theo mẫu với doanh nghiệp viễn thông di động tại điểm có địa chỉ xác định do doanh nghiệp viễn</i></p>			<p>- Giải trình ý kiến về 03 thuê bao đầu tiên là tính từ khi Nghị định có hiệu lực</p> <p>- Tiếp thu, sửa đổi lỗi dẫn chiếu, Điều 5 thành điều 20 về thông tin thuê bao</p> <p>- Bảo lưu, thuê bao thứ tư phải đăng ký tại điểm trực tiếp của DN để chống SIM rác</p> <p>- Tiếp thu ý kiến Loại bỏ quy định: “<i>Doanh nghiệp viễn thông di động phải kiểm tra, giám sát, bảo đảm các số thuê bao đó được sử dụng theo đúng quy định</i>”</p>

		<p><i>thông thiết lập. Doanh nghiệp viễn thông di động phải kiểm tra, giám sát, bảo đảm các số thuê bao đó được sử dụng theo đúng quy định: Đề nghị làm rõ việc doanh nghiệp viễn thông áp dụng luôn việc thực hiện giao kết Hợp đồng theo mẫu tại tất cả các điểm đăng ký cho tất cả các thuê bao của KH (từ thuê bao thứ nhất) có được không? MobiFone đề nghị điều chỉnh lại: “Từ thuê bao thứ 4, khách hàng phải thực hiện đăng ký thông tin thuê bao tại các điểm do doanh nghiệp viễn thông thiết lập (có địa chỉ xác định hoặc lưu động).”</i></p> <p>- Nội dung “Doanh nghiệp viễn thông di động phải kiểm tra, giám sát, bảo đảm các số thuê bao đó được sử dụng theo đúng quy định”: Nội dung này không phù hợp với thực tế do doanh nghiệp viễn thông không thể giám sát nội dung cuộc gọi, nội dung tin nhắn nếu khách hàng không vi phạm quy định cuộc gọi rác và tin nhắn rác. Do vậy, chỉ nên quy định: Doanh nghiệp viễn thông phải đảm bảo đúng thông tin khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ ngay từ khi hòa mạng/đăng ký thông tin thuê bao. Trong quá trình sử dụng dịch vụ của khách hàng, doanh nghiệp viễn thông phát hiện thông tin khách hàng không đúng thì doanh nghiệp viễn thông được quyền: Yêu cầu khách hàng đăng ký thông tin, nếu khách hàng không đăng ký lại sẽ bị chặn liên lạc và thu hồi số theo quy định.</p>			
99.	Mobicast	<p>2. Đối với số thuê bao thứ tư trở lên, thực hiện giao kết hợp đồng theo mẫu với doanh nghiệp viễn thông di động (bản giấy hoặc bản điện tử). Doanh nghiệp viễn thông di động phải kiểm tra, giám sát, bảo đảm các số thuê bao đó được sử dụng theo đúng quy định.</p> <p>Lý do:</p> <p>Tạo điều kiện cho việc xác thực thông qua ứng dụng (app) để người dân, đặc biệt những nơi vùng sâu, vùng</p>		x	- Bảo lưu , thuê bao thứ tư phải đăng ký tại điểm trực tiếp của DN để chống SIM rác

			xa, điều kiện đi lại khó khăn có thể thực hiện xác thực thông tin thuê bao một cách dễ dàng, chính xác			
100		Viettel	<p>Đề nghị bỏ nội dung này: <i>Doanh nghiệp viễn thông di động phải kiểm tra, giám sát, <u>bảo đảm các số thuê bao đó được sử dụng theo đúng quy định</u></i></p> <p>Lý do:</p> <p>Phù hợp với quan điểm khi xây dựng Luật Viễn thông về việc đảm bảo quyền riêng tư, bí mật cá nhân theo điều 38 Luật Dân sự 2015 và phù hợp với thực tế (do DNVT không thể kiểm soát hành vi sử dụng của thuê bao)</p>	x		Tiếp thu ý kiến Loại bỏ quy định: “Doanh nghiệp viễn thông di động phải kiểm tra, giám sát, bảo đảm các số thuê bao đó được sử dụng theo đúng quy định”
101		VNSKY	<p>Với quy định trên người sử dụng bắt buộc phải đến các điểm CCDVVT của doanh nghiệp. Với xu hướng chuyển đổi số hiện tại, các doanh nghiệp đã ứng dụng chữ ký số để thực hiện giao kết hợp đồng và việc phổ cập chữ ký số đối với đối tượng không phải doanh nghiệp cũng đang được các đơn vị cung cấp đẩy mạnh. Đề xuất dự thảo nghị định bổ sung hình thức giao kết hợp đồng online, bắt buộc sử dụng chữ ký số.</p> <p>Đề xuất:</p> <p>“2. Đối với số thuê bao thứ tư trở lên, thực hiện giao kết hợp đồng theo mẫu với doanh nghiệp viễn thông di động tại điểm có địa chỉ xác định do doanh nghiệp viễn thông thiết lập hoặc giao kết hợp đồng điện tử sử dụng chữ ký số. Doanh nghiệp viễn thông di động phải kiểm tra, giám sát, bảo đảm các số thuê bao đó được sử dụng theo đúng quy định.”</p>		x	- Bảo lưu , thuê bao thứ tư phải đăng ký tại điểm trực tiếp của DN để chống SIM rác
102	Điều 22	VNSKY	Việc xác thực giấy tờ với CSDL quốc gia về dân cư là yêu cầu bắt buộc, tuy nhiên hiện tại việc kết nối của các DNVT với CSDL dân cư quốc gia về dân cư vẫn rất khó khăn, đề nghị Bộ TTTT thống nhất với Bộ Công an về chủ trương và hướng dẫn các doanh nghiệp triển khai	x		Tiếp thu. Bộ đã đang và tiếp tục có văn bản hỗ trợ DN gửi Bộ CA

103	Hà Nội	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định quản lý đối với loại hình cho thuê SIM thuê bao di động trả trước phục vụ khách du lịch nước ngoài tạm trú tại Việt Nam ít ngày			Bộ TT&TT xin giải trình như sau: Dự thảo đã quy định với người nước ngoài thì căn cứ theo thời hạn hộ chiếu và thời hạn visa hoặc thời hạn lưu trú tối đa với các nước miễn visa , để đăng ký thuê bao
104	GTel	Đề nghị chỉnh sửa điều chỉnh thời gian lưu giữ thông tin thuê bao trong cơ sở dữ liệu tối thiểu một (01) năm. Lý do nhằm giảm tải cho hệ thống lưu trữ.		x	Bảo lưu. Kế thừa Nghị định 49
105	Vietnamobile	Vietnamobile đề nghị sửa khoản 2 Điều 22 như sau : “ Đối với các số thuê bao thứ tư trở lên được thực hiện giao kết Hợp đồng tại các điểm cung cấp dịch vụ đáp ứng quy định tại Điều 17 của Nghị định này ”. Vì các điểm do doanh nghiệp viễn thông ủy quyền hay hình thức trực tuyến đều được Dự thảo Nghị định cho phép thực hiện đăng ký thông tin thuê bao		x	- Bảo lưu , thuê bao thứ tư phải đăng ký tại điểm trực tiếp của DN để chống SIM rác
106	VNPT	VNPT đề nghị quy định rõ đây là nghĩa vụ của cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp viễn thông. Lý do: Tổ chức cá nhân có trách nhiệm bảo đảm ...		x	- Bảo lưu , trách nhiệm chung về quản lý thuê bao là của DNVT
107	Mobifone	- Khoản 1: Đề xuất điểm đăng ký thông tin thuê bao là các điểm giao dịch chính thức của doanh nghiệp viễn thông được đối chiếu, nhập, lưu giữ, quản lý thông tin thuê bao. - Khoản 2: MobiFone đề xuất bổ sung quy định cụ thể thời gian lưu trữ thông tin thuê bao đang sử dụng; trong thời gian lưu trữ này, doanh nghiệp viễn thông không thực hiện xóa dữ liệu theo yêu cầu xóa dữ liệu quy định tại Nghị định 13/2023/NĐ-CP ngày 17/04/2023. - Khoản 3: MobiFone đề xuất quy định cụ thể riêng thuê bao người có quốc tịch Việt Nam và thuê bao người có quốc tịch nước ngoài:		x	- Bảo lưu , điểm đăng ký thuê bao có thể gồm cả điểm ủy quyền, nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ quy định về lưu giữ - Bảo lưu, giải trình. Việc áp dụng quy định pháp luật thực hiện theo nguyên tắc về pháp luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (luật sau có hiệu lực thay thế luật trước, văn bản cấp trên thay cho văn bản cấp dưới...) - Bảo lưu. Thuê bao người nước ngoài sử dụng có thời hạn, theo thị thực hoặc hộ chiếu, DN có trách nhiệm đảm bảo tuân thủ thời hạn

			<p>+ Đối với thuê bao người có quốc tịch Việt Nam: kết nối cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao tập trung của doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu của Bộ Thông tin và Truyền thông để phục vụ công tác quản lý nhà nước về viễn thông, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tham chiếu, xác thực giấy tờ tùy thân.</p> <p>+ Đối với thuê bao người có quốc tịch nước ngoài: Kết nối cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao tập trung của doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu của Bộ Thông tin và Truyền thông để phục vụ công tác quản lý nhà nước về viễn thông (tạm thời trong thời gian chưa có Cơ sở dữ liệu Xuất nhập cảnh để tham chiếu).</p>			này với việc dùng dịch vụ của thuê bao, không cần quy định chi tiết tại Nghị định này
108		Mobicast	<p>1. Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm bảo đảm các điểm đăng ký thông tin thuê bao tuân thủ đầy đủ các quy định về xác thực, lưu giữ thông tin thuê bao.</p> <p>Lý do:</p> <p>Thực tế mỗi doanh nghiệp có hình thức thu thập và lưu trữ thông tin riêng và hiện nay việc lưu trữ thông tin nằm ở hệ thống thông tin của doanh nghiệp, có thể lưu trữ đám mây mà không cần lưu trữ tại 1 địa điểm vật lý như điểm đăng ký thông tin thuê bao</p>		x	- Bảo lưu , quy định này kế thừa ND 49
109		Hà Giang	<p>Tại khoản 4, điều 22 của Dự thảo Nghị định, đề nghị đơn vị soạn thảo sửa lại như sau: “Cung cấp đầy đủ thông tin; chứng minh thông tin thuê bao trong cơ sở dữ liệu tập trung của doanh nghiệp viễn thông đã được đối chiếu, nhập, lưu giữ, quản lý theo đúng các quy định; bố trí nhân sự, phương tiện kỹ thuật để tra cứu trực tiếp vào cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp tại chi nhánh của doanh nghiệp ở địa phương để phục vụ việc thanh tra, kiểm tra thông tin thuê bao của các cá nhân, tổ chức đã giao kết hợp đồng tại địa phương”, bổ sung cụm từ “để tra cứu trực tiếp vào cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp”.</p>			

			Lý do: Tại Khoản 4, Điều 22 quy định doanh nghiệp có trách nhiệm bố trí về nhân sự và phương tiện kỹ thuật tại chi nhánh của doanh nghiệp ở địa phương để phục vụ công tác thanh kiểm tra. Tuy nhiên, trên thực tế có doanh nghiệp viển thông trong quá trình cung cấp dữ liệu phục vụ công tác thanh kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước đã cố tình gây khó khăn, với lý do Tập đoàn chưa cung cấp dữ liệu, phải chờ đợi...do đó, đề nghị điều chỉnh bổ sung, quy định rõ để cơ quan quản lý nhà nước chủ động về dữ liệu và đối soát với việc báo cáo của doanh nghiệp so với thực tế		
110		Lạng Sơn	Khoản 4 Điều 22: dự thảo quy định doanh nghiệp có trách nhiệm bố trí về nhân sự và phương tiện kỹ thuật tại chi nhánh của doanh nghiệp ở địa phương để phục vụ công tác thanh kiểm tra. Tuy nhiên, trên thực tế có doanh nghiệp viển thông trong quá trình cung cấp dữ liệu phục vụ công tác thanh kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước đã cố tình gây khó khăn, với lý do Tập đoàn chưa cung cấp dữ liệu, phải chờ đợi... do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, điều chỉnh bổ sung, quy định rõ như sau: “Cung cấp đầy đủ thông tin; chứng minh thông tin thuê bao trong cơ sở dữ liệu tập trung của doanh nghiệp viển thông đã được đối chiếu, nhập, lưu giữ, quản lý theo đúng các quy định; bố trí nhân sự, phương tiện kỹ thuật để tra cứu trực tiếp vào cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp tại chi nhánh của doanh nghiệp ở địa phương để phục vụ việc thanh tra, kiểm tra thông tin thuê bao của các cá nhân, tổ chức đã giao kết hợp đồng tại địa phương”.		Bộ TT&TT xin giải trình như sau: Việc doanh nghiệp không hợp tác, chấp hành công tác thanh , kiểm tra của Cơ quan nhà nước đã có các quy định xử phạt tương ứng đối với hành vi không hợp tác, chấp hành.
111	Điều 23	Gtel	Đề nghị bổ sung: “ <i>Thông tin thuê bao và thông tin về việc sử dụng dịch vụ viễn thông di động mặt đất chỉ được sử dụng cho các mục đích sau đây</i> ”. Lý do doanh nghiệp viển thông đang phải cung cấp thông tin thuê bao về việc sử dụng dịch vụ viễn thông cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu	x	Bảo lưu. Việc sử dụng , cung cấp thông tin thuê bao trong khuôn khổ pháp luật về viễn thông chỉ quy định vậy. Các pháp luật khác nếu có quy định liên quan thì DN có nghĩa vụ thực hiện. Ko quy định lại ở đây.

112	VNPT	<p>Có nhiều thông tin người dùng khác được sử dụng cùng với TTTB di động (VD: vị trí, lịch sử cuộc gọi...), vì vậy đề nghị sửa đổi tên của Điều 23 thành:</p> <p>“Sử dụng thông tin người dùng dịch vụ di động mặt đất”</p> <p>Đề nghị xem xét điều chỉnh, bổ sung vào khoản 3 Điều 23 như sau:</p> <p>3. Phục vụ hoạt động quản lý nghiệp vụ, khai thác mạng, cung cấp dịch vụ viễn thông của các doanh nghiệp viễn thông và phục vụ các mục đích khác phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p><u>Lý do:</u></p> <p>Nếu chỉ sử dụng cho mục đích như dự thảo quy định là chưa đầy đủ. Trên thực tế, ngoài việc cung cấp dịch vụ viễn thông, thông tin thuê bao di động mặt đất còn được sử dụng để cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông, dịch vụ trung tâm dữ liệu...Đồng thời quy định như dự thảo cũng không phù hợp với nguyên tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân quy định tại khoản 3, 4 Điều 3 Nghị định 13/2023/NĐ-CP.</p>	x	<p>Bảo lưu. Thông tin thuê bao chỉ dùng cho các mục đích được liệt kê trong dự thảo, điều này phù hợp với Luật VT 2023 Điều 6 về hành vi cấm. Các nội dung, mục đích sử dụng khác về thông tin của người dùng do DN áp dụng Nghị định 13 và theo thỏa thuận với người dùng thông qua hợp đồng mẫu.</p>
113	Mobifone	<p>- Đề nghị hướng dẫn cụ thể các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu doanh nghiệp viễn thông cung cấp thông tin thuê bao.</p> <p>- Đề xuất bổ sung sửa đổi như sau: <i>“Thông tin thuê bao di động mặt đất chỉ được sử dụng, xử lý cho các mục đích sau đây: ...”</i></p> <p>- Đề xuất bổ sung, sửa đổi lại Khoản 3 như sau: <i>“Phục vụ hoạt động quản lý nghiệp vụ, khai thác mạng, hoạt động quản lý nội bộ, chăm sóc khách hàng, cung cấp dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác của doanh nghiệp viễn thông.”</i></p>	x	<p>Bảo lưu. Thông tin thuê bao chỉ dùng cho các mục đích được liệt kê trong dự thảo, điều này phù hợp với Luật VT 2023 Điều 6 về hành vi cấm. Các nội dung, mục đích sử dụng khác về thông tin của người dùng do DN áp dụng Nghị định 13 và theo thỏa thuận với người dùng thông qua hợp đồng mẫu.</p>

114	Viettel	<p>Điều 23. Sử dụng thông tin thuê bao di động mặt đất</p> <p>Thông tin thuê bao di động mặt đất <u>và thông tin phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ viễn thông</u> chỉ được sử dụng cho các mục đích sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phục vụ công tác bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. 2. Phục vụ công tác quản lý nhà nước về viễn thông. 3. Phục vụ hoạt động quản lý nghiệp vụ, khai thác mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông của các doanh nghiệp viễn thông. <p>Lý do:</p> <p>- Theo Khoản 1 Điều 11 Nghị định 13/2023/NĐ-CP quy định: “<i>Sự đồng ý của chủ thể dữ liệu được áp dụng đối với tất cả các hoạt động trong quy trình xử lý dữ liệu cá nhân, trừ trường hợp luật có quy định khác.</i> Đối với các thuê bao hòa mạng mới, DNVT có thể lấy sự đồng ý bằng cách bổ sung điều khoản trong hợp đồng tuy nhiên đối với các thuê bao đang sử dụng dịch vụ, việc lấy sự đồng ý của khách hàng khác khó khăn và không đảm bảo toàn bộ thuê bao trên mạng đều đồng ý.</p> <p>Trong khi đó, hiện nay để phục vụ hoạt động quản lý nghiệp vụ, khai thác mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông, DNVT cần thu thập, lưu trữ, phân tích, sao chép chia sẻ (các khâu của quá trình xử lý dữ liệu) để cung cấp báo cáo cho Bộ TTTT, Cục Viễn thông nhiều thông tin khác ngoài thông tin thuê bao như thông tin về trạng thái hoạt động (chặn 1 chiều, 2 chiều, thu hồi,..) tiêu dùng, loại thiết bị đầu cuối khách hàng sử dụng (máy 2G only, smartphone),... của thuê bao.</p>	x	<p>Bảo lưu. Thông tin thuê bao chỉ dùng cho các mục đích được liệt kê trong dự thảo, điều này phù hợp với Luật VT 2023 Điều 6 về hành vi cấm. Các nội dung, mục đích sử dụng khác về thông tin của người dùng do DN áp dụng Nghị định 13 và theo thỏa thuận với người dùng thông qua hợp đồng mẫu.</p>
115	Bộ Quốc phòng	Điều 23. Sử dụng thông tin thuê bao di động mặt đất		Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo

			<p>1. Phục vụ công tác bảo đảm <i>quốc phòng</i>, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.</p> <p>Lý do:</p> <p>Tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 01/2022/NĐ- CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Quốc phòng: “Thực hiện các biện pháp nắm chắc tình hình quốc phòng, an ninh, chỉ đạo tổ chức huấn luyện và duy trì khả năng sẵn sàng chiến đấu của Quân đội nhân dân, dân quân tự vệ; làm nòng cốt trong thực hiện bảo đảm độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ”.</p>			
116	Điều 24	Long An	Đề nghị bỏ nội dung khoản 5 Điều 24		x	Bảo lưu. Không rõ lý do đề xuất. Khoản này là cần thiết để nâng cao trách nhiệm của người dùng
117		TP. Hồ Chí Minh	<p>Tại Mục 3 dự thảo Nghị định quy định “Xác thực, lưu giữ, sử dụng thông tin thuê bao viễn thông và xử lý sim có thông tin thuê bao viễn thông không đầy đủ, không chính xác”: Sở Thông tin và Truyền thông kiến nghị đổi thành “Xác thực, lưu giữ, sử dụng thông tin thuê bao viễn thông và xử lý thông tin thuê bao viễn thông không đầy đủ, không chính xác”.</p> <p>Theo đó, các điều khoản quy định tại mục này cũng cần được điều chỉnh theo hướng quy định chung cho mọi thuê bao viễn thông, không phân biệt là thông tin thuê bao viễn thông di động hay cố định, thông tin thuê bao viễn thông di động trả trước hay trả sau, thông tin thuê bao viễn thông sử dụng cho đối tượng là người hay thiết bị. Điều này sẽ giúp cho việc quản lý thông tin thuê bao của doanh nghiệp và cơ quan quản lý Nhà nước được đồng bộ, thống nhất, chặt chẽ hơn cho tất cả các loại dịch vụ viễn thông cơ bản.</p>			<p>Bảo lưu.</p> <p>Việc quản lý với các dịch vụ viễn thông khác tuân thủ theo quy định chung của Luật VT. Nghị định chỉ quy định đối với TTTB di động, do đây là loại hình cần quản lý chặt , ứng dụng trong nhiều ngành nghề xã hội như ngân hàng, dịch vụ trực tuyến... và thời gian qua xảy ra nhiều tình trạng phát tán rác (gọi rác, nhắn tin rác).</p>

118		VNPT	Quy định này được hiểu là hậu quả của việc thông tin thuê bao không đầy đủ, không chính xác thì bị tạm dừng, bị dừng cung cấp dịch vụ chứ không phải là trách nhiệm. Đề nghị xem xét, chuyển sang quy định tại một điều, khoản khác cho phù hợp		x	Bảo lưu. Khoản này là cần thiết để nâng cao trách nhiệm của người dùng. Tạm thời thấy đề ở Điều này là phù hợp nhất
119		Mobifone	<p>- Khoản 4. <i>Yêu cầu doanh nghiệp viễn thông chấm dứt hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đối với cá nhân, tổ chức sử dụng trái phép giấy tờ tùy thân hoặc giấy chứng nhận pháp nhân của mình:</i> Đề nghị sửa lại thành “<i>yêu cầu doanh nghiệp viễn thông chấm dứt hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đối với các thuê bao do cá nhân, tổ chức sử dụng trái phép giấy tờ tùy thân hoặc giấy chứng nhận pháp nhân của mình.</i>”</p> <p>- Đề xuất có quy định cụ thể: Khi có thay đổi giấy tờ tùy thân, chủ thuê bao viễn thông phải cập nhật lại thông tin thuê bao theo giấy tờ mới nhất trong vòng 60 ngày kể từ ngày được cấp giấy tờ.</p> <p>- Khoản 5: Đề xuất điều chỉnh lại như sau:</p> <p>“5. <i>Bị tạm dừng, dừng cung cấp dịch vụ với số thuê bao trong trường hợp có thông tin không đầy đủ, không chính xác và/hoặc có những vi phạm khác theo quy định của doanh nghiệp viễn thông.</i>”</p>			<p>-Tiếp thu. Điều chỉnh khoản 5 Điều 25 “5. <i>Yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất chấm dứt hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đối với các số thuê bao sử dụng thông tin trên giấy tờ tùy thân hoặc giấy chứng nhận pháp nhân của mình.</i>”</p> <p>-Bảo lưu với ý kiến Đề xuất điều chỉnh lại như sau: “5. <i>Bị tạm dừng, dừng cung cấp dịch vụ với số thuê bao trong trường hợp có thông tin không đầy đủ, không chính xác và/hoặc có những vi phạm khác theo quy định của doanh nghiệp viễn thông.</i>”. Lý do: việc dừng theo quy định của DN thì DN đưa vào hợp đồng mẫu để giao kết</p>
120		Bộ Công Thương	Để bảo đảm tên Điều phù hợp với nội dung, đề nghị cần nhắc phân tách rõ nội dung về trách nhiệm với nội dung về nghĩa vụ của thuê bao viễn thông tại Điều 24			Bảo lưu. Tại dự thảo Điều này, không có sự phân biệt giữa trách nhiệm với nghĩa vụ
121	Điều 25	Long An	bổ sung khoản 8 Điều 25 nội dung: “ <i>Tạm dừng, dừng cung cấp dịch vụ với số thuê bao trong trường hợp có thông tin không đầy đủ, không chính xác</i> ”.			Bảo lưu. Việc xử lý thuê bao không đúng quy định đã có quy định tại Khoản 2 Điều 26 “2. <i>Thường xuyên rà soát, khi phát hiện hoặc khi nhận được văn bản thông báo của cơ quan quản lý nhà nước về thuê bao có thông tin thuê bao không đúng quy định, phải thông báo tới toàn bộ các thuê bao trong cùng hợp đồng</i>

						<i>theo mẫu, điều kiện giao dịch chung với thuê bao đó, yêu cầu thực hiện lại việc giao kết hợp đồng theo quy định.”</i>
122		VNPT	Đề nghị làm rõ “theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông” là những quy định nào? Nếu chưa có quy định thì sửa thành “theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông theo từng thời kỳ”.	x		Tiếp thu. Rà soát, điều chỉnh các nội dung theo hướng dẫn Bộ TTTT thành “trong từng thời kỳ, khi cần thiết, Bộ TTTT ban hành quy định/hướng dẫn về...”
123		Mobifone	<p>- Khoản 3: Đối với hợp đồng sử dụng dịch vụ giữa khách hàng và doanh nghiệp viễn thông là văn bản pháp lý theo quy định pháp luật về hợp đồng. Cá nhân đứng tên trong hợp đồng chỉ nên quy định: Khi có thay đổi giấy tờ tùy thân phải đến điểm cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp viễn thông để cập nhật thông tin thuê bao. Đối với các trường hợp khách hàng không đứng chính chủ thuê bao trong hợp đồng, doanh nghiệp viễn thông khi phát hiện ra có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Các trường hợp sử dụng số thuê bao sau khi chấm dứt hợp đồng phải thực hiện như thuê bao mới.</p> <p>- Khoản 5: Cần quy định rõ việc kiểm tra thông tin đối với cá nhân trong tổ chức: Cá nhân trong tổ chức chỉ được kiểm tra thông tin cá nhân đã đăng ký cho chính số thuê bao mà cá nhân thuộc tổ chức đã đăng ký bằng giấy tờ tùy thân của mình và được tổ chức giao sử dụng.</p>		x	<p>Bảo lưu ý kiến về Khoản 3 Điều 25. Các trường hợp khác, ngoài quy định trong dự thảo Nghị định, DN bổ sung vào hợp đồng mẫu để giao kết</p> <p>Bảo lưu. Ý kiến của DN là hợp lý, tuy nhiên quy định dự thảo nêu nguyên tắc rõ là cá nhân nào thì tra cứu thông tin thuê bao của chính cá nhân đó rồi</p>
124		Lâm Đồng	<p>Tại Điều 25 về trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông đề nghị bổ sung thêm khoản, như sau:</p> <p>Đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông theo từng tỉnh, thành phố bao gồm tối thiểu các thông tin sau: tên, địa chỉ của điểm cung cấp dịch viễn thông; loại hình (cố định của doanh nghiệp viễn thông, lưu động của doanh nghiệp viễn thông hay di động ủy quyền); tên doanh nghiệp được ủy quyền; thời hạn được ủy quyền; số điện thoại liên hệ;</p>			Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo

			thời gian hoạt động (đối với điểm cung cấp dịch vụ viễn thông lưu động).			
125		Hà nội	Tại khoản 5 Điều 25 dự thảo nghị định: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định về thông tin hiển thị khi cá nhân, tổ chức tự kiểm tra thông tin thuê bao (Ví dụ: họ tên, ngày sinh, số giấy tờ tùy thân, danh sách số thuê bao đã đăng ký bằng số giấy tờ đó) để thuận tiện cho việc quản lý, theo dõi			Tiếp thu , chỉnh lý dự thảo
126	Điều 27, 29	Tilleke & Gibbins	Một số nghĩa vụ của nhà cung cấp dịch vụ ví dụ bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của luật bảo vệ bí mật nhà nước (Điều 27.2(b), 29.2(b) của dự thảo Nghị định và Điều 6.1 của Luật Viễn thông 2023) sẽ gây ra rủi ro không tuân thủ cho các nhà cung cấp dịch vụ vì họ đóng vai trò trung gian mà không có quyền truy cập trực tiếp vào thông tin người dùng, thông tin này thường được mã hóa. Chúng tôi trân trọng cảm ơn quý Cục đã xem xét ý kiến này và đề xuất chỉnh sửa Nghị định để làm rõ rằng nghĩa vụ này chỉ được áp dụng khi nhà cung cấp dịch vụ được cơ quan chức năng thông báo về hành vi vi phạm pháp luật, hoặc phát hiện ra hành vi vi phạm, nhưng không thực hiện yêu cầu của cơ quan chức năng về việc ngăn chặn hoặc chấm dứt hành vi vi phạm đó		x	Bảo lưu. Nội dung này đã được quy định tại Luật Viễn thông, việc bảo vệ bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước
127		Công ty Luật BMVN	<p>- Chúng tôi kiến nghị Bộ TT&TT quy định rõ nội dung báo cáo và cung cấp mẫu báo cáo tại Dự Thảo Nghị định.</p> <p>Chúng tôi kiến nghị Bộ TT&TT giới hạn phạm vi địa lý của thông tin cần báo cáo ở thông tin liên quan đến hoạt động của tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ chỉ tại Việt Nam.</p> <p>- Về nghĩa vụ ngăn chặn tin nhắn rác: Chúng tôi kiến nghị Bộ TT&TT làm rõ nghĩa vụ của các tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ VTCBTI theo Dự Thảo Nghị Định trên cơ sở xem xét các thông lệ ngành cụ thể và các tính năng của dịch vụ VTCBTI. Cụ thể, Điều 9 Nghị định 91 chỉ</p>			<p>Bộ TT&TT xin giải trình như sau:</p> <p>- Trách nhiệm báo cáo của nhà cung cấp dịch vụ đã được quy định tại Luật. Tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet cũng cần thực hiện nghĩa vụ này để bảo đảm quản lý bình đẳng. Nội dung báo cáo cụ thể thuộc thẩm quyền quy định của Bộ TT&TT.</p> <p>- Trách nhiệm ngăn chặn tin nhắn rác, vi phạm pháp luật của nhà cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet đã được quy định tại Luật.</p>

			<p>nên áp dụng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ viễn thông truyền thống chứ không áp dụng cho tổ chức cung cấp dịch vụ VTCBTI.</p> <p>- Về nghĩa vụ công bố chất lượng dịch vụ:</p> <p>Chúng tôi kiến nghị Bộ TT&TT làm rõ nội dung công bố, cụ thể là quy định các thông tin cụ thể phải đưa vào công bố, nếu có.</p> <p>- Về thu thập tên và số điện thoại của người dùng để đăng ký dịch vụ: kiến nghị Bộ TT&TT xem xét việc đăng nhập qua bên thứ ba và sửa đổi Điều 26 bằng cách không buộc người dùng phải cung cấp số điện thoại di động của họ trong mọi trường hợp.</p>			<p>Tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet cũng cần thực hiện nghĩa vụ này để bảo đảm quản lý bình đẳng, bảo đảm quyền lợi của người sử dụng và an ninh trật tự xã hội.</p> <p>- Dự thảo đã quy định rõ nhà cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet thực hiện công bố chất lượng theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 28 Luật Viễn thông và thể hiện trong thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông.</p> <p>- Tiếp thu một phần, chỉnh lý làm rõ hơn đối với yêu cầu cung cấp tên và số điện thoại di động.</p>
128	Điều 28	Long An	<p>Khoản 1 đề nghị sửa thành: “<i>Khi giao kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây, người sử dụng dịch vụ phải cung cấp <u>tối thiểu</u> các thông tin sau</i>”.</p> <p>Khoản 2 đề nghị sửa thành: “<i>Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây có trách nhiệm lưu trữ và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định của pháp luật về an ninh mạng</i>”.</p>	x		Tiếp thu một phần , chỉnh lý dự thảo.
129	Điều 29	Tilleke & Gibbins	<p>Sửa lại câu chữ một số điều khoản để tránh nguy cơ có sự khác biệt hoặc mâu thuẫn giữa các điều khoản trong Nghị định</p> <p>- Điều 29.2(a): doanh nghiệp IDC nước ngoài cung cấp dịch vụ qua biên giới thực hiện thông báo với VNTA; và điều 44.1: dịch vụ viễn thông thực hiện đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông gồm dịch vụ trung tâm dữ liệu. Hai điều khoản này có nguy cơ mâu thuẫn nhau, do vậy, để tránh sự khác biệt hoặc mâu thuẫn không cần thiết, chúng tôi đề nghị điều 44.1 ghi rõ: dịch vụ thực hiện đăng ký</p>	x		Tiếp thu , chỉnh lý dự thảo

			<p>cung cấp dịch vụ viễn thông gồm dịch vụ trung tâm dữ liệu của doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam.</p> <p>- Điều 29.2(a) doanh nghiệp IDC nước ngoài cung cấp dịch vụ qua biên giới thực hiện thông báo với VNTA và Điều 44.3: Dịch vụ viễn thông thực hiện thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông bao gồm: Dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị. Hai điều khoản này có nguy cơ mâu thuẫn nhau, do vậy, để tránh sự khác biệt hoặc mâu thuẫn không cần thiết, chúng tôi đề nghị điều 44.3 ghi rõ dịch vụ viễn thông thực hiện thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông bao gồm: Dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ trung tâm dữ liệu của các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ qua biên giới như quy định tại điều 29.2; dịch vụ thư điện tử, thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị.</p>		
130		Công ty Luật BMVN	<p>- Hạn chế khi truy nhập và sử dụng dữ liệu của người sử dụng dịch vụ: kiến nghị Bộ TT&TT mở rộng cơ sở pháp lý cho các tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ được truy nhập, khai thác và sử dụng dữ liệu của người sử dụng dịch vụ. Ví dụ, cơ sở pháp lý tối thiểu phải bao gồm các yêu cầu hợp lệ từ các cơ quan có thẩm quyền ở các quốc gia khác và sự cần thiết để thực hiện hợp đồng với người dùng.</p> <p>- Tuân thủ yêu cầu của cơ quan nhà nước: kiến nghị Bộ TT&TT quy định rõ cơ quan có thẩm quyền,... và loại trừ trách nhiệm cho tổ chức cung cấp dịch vụ đối với người sử dụng khi thực hiện yêu cầu của cơ quan nhà nước.</p> <p>- Hạn chế khi theo dõi hoặc giám sát thông tin của người sử dụng dịch vụ: kiến nghị Bộ TT&TT mở rộng cơ sở pháp lý để tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ có thể</p>	x	<p>- Bảo lưu. Nội dung này đã được quy định tại Luật và không giao Chính phủ quy định chi tiết.</p> <p>- Bảo lưu. Các nội dung này (cơ quan nào có thẩm quyền, cơ sở pháp lý,...) sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan.</p> <p>- Bảo lưu. Nội dung này đã được quy định tại Luật và không giao Chính phủ quy định chi tiết.</p> <p>- Bảo lưu. Nội dung công bố này do doanh nghiệp tự thực hiện dựa trên các tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan.</p>

			<p>theo dõi/giám sát thông tin của người sử dụng dịch vụ. Ví dụ, các cơ sở pháp lý tối thiểu phải bao gồm các yêu cầu hợp lệ từ các cơ quan chức năng ở các quốc gia khác và sự cần thiết theo hợp đồng.</p> <p>- Công bố chất lượng dịch vụ: kiến nghị Bộ TT&TT làm rõ nội dung công bố, cụ thể là quy định các thông tin cụ thể phải đưa vào công bố (đối với tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ TTDL và dịch vụ ĐTĐM).</p>			
131	Điều 30	FPT	<p>FPT Telecom mong muốn Quý Cơ quan làm rõ đối tượng đưa ra các yêu cầu nêu tại Khoản 3 này là cơ quan nhà nước sử dụng dịch vụ điện toán đám mây, hay yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông hay một cơ quan có thẩm quyền nào khác để DNVT có thể phối hợp trong quá trình cung cấp dịch vụ.</p>	x		Tiếp thu, chỉnh lý làm rõ trong dự thảo
132		Vụ KHCN	<p>Xem xét bổ sung yêu cầu Trung tâm dữ liệu phải có thực hiện công bố về sự phù hợp của trung tâm dữ liệu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi đưa trung tâm dữ liệu vào sử dụng để cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu</p>		x	Bảo lưu. Nội dung này đã được quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Viễn thông
133		Tilleke & Gibbins	<p>- Dự thảo nghị định nên làm rõ thế nào là dữ liệu của cơ quan nhà nước? dữ liệu này có bao gồm các thông tin về việc đăng ký dịch vụ của cơ quan nhà nước hay không?</p> <p>- Điều 30.2 quy định “Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây cho cơ quan nhà nước phải đáp ứng các yêu cầu về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông trước khi đưa vào vận hành khai thác.” Chúng tôi có nhận xét rằng Luật An toàn thông tin mạng quy định về việc phân loại các hệ thống thông tin theo cấp độ, như vậy, nếu một doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ IDC hay cloud cho cơ quan nhà nước qua biên giới thì phải phân loại hệ thống thông tin của họ theo</p>		x	Bảo lưu. Việc phân loại hệ thống thông tin là trách nhiệm của các cơ quan chủ quản hệ thống thông tin.

			cấp độ như quy định trong Luật an toàn thông tin mạng? trong khi luật an toàn thông tin mạng không bắt buộc áp dụng với các doanh nghiệp và tổ chức ở nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam.			
134		Công ty Luật TNHH Quốc tế BMVN	<p>- Làm rõ trong Dự Thảo rằng các yêu cầu theo Điều 30 chỉ áp dụng trong trường hợp tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ được cơ quan nhà nước địa phương thuê như một nhà thầu chính thức để cung cấp dịch vụ TTDL và/hoặc dịch vụ ĐTĐM cho cơ quan đó. Nói cách khác, các hạn chế không áp dụng trong trường hợp (i) cơ quan/cán bộ nhà nước sử dụng dịch vụ TTDL và/hoặc dịch vụ ĐTĐM như một khách hàng thông thường và/hoặc (ii) trung tâm dữ liệu và/hoặc điện toán đám mây được sử dụng để hỗ trợ việc cung cấp một dịch vụ khác cho các cơ quan nhà nước.</p> <p>- Chúng tôi kiến nghị Bộ TT&TT sửa đổi nội dung của Điều 30.1 để yêu cầu cơ quan nhà nước Việt Nam (thay vì bên cung cấp dịch vụ) là bên có nghĩa vụ phải đảm bảo rằng dữ liệu của cơ quan nhà nước được lưu trữ tại Việt Nam.</p> <p>- Chúng tôi kiến nghị Bộ TT&TT làm rõ phạm vi của thuật ngữ "dữ liệu của cơ quan nhà nước Việt Nam".</p>		x	<p>Bộ TT&TT xin giải trình như sau:</p> <p>Quy định dữ liệu của cơ quan nhà nước phải lưu trữ tại Việt Nam sẽ do các cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm tuân thủ khi lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây.</p>
135		Bộ Công Thương	Đề nghị làm rõ “hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông” tại khoản 2 Điều 30 khi cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây cho cơ quan nhà nước (làm rõ Bộ Thông và Truyền thông chỉ hướng dẫn các quy định pháp luật đã có hay giao Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành văn bản mới quy định nội dung này).			Bộ TT&TT xin giải trình như sau: Nội dung này sẽ thực hiện theo hình thức là các văn bản hành chính của Bộ để hướng dẫn quy định pháp luật đã có
136	Điều 31	Cục Tần số VTD	Đề nghị xem xét sửa đổi Điều 31 quy định về số lượng tỉnh, thành mà mạng khu vực được phép phủ sóng (dự		x	Bảo lưu. Giữ như quy định tại dự thảo (không tăng số lượng tỉnh thành phố của phạm vi khu vực) với lý do như sau:

			<p>thảo hiện đang quy định từ 02 tỉnh, thành đến 30 tỉnh thành).</p> <p>Lý do: Cho đến nay, đối với thị trường truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình mới chỉ có 02 doanh nghiệp khu vực, được phép phục vụ tối đa cho 60 tỉnh, thành và 01 doanh nghiệp toàn quốc phục vụ cho 63 tỉnh, thành. Như vậy, tại 60 1 Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15 tỉnh thành có thể lựa chọn doanh nghiệp khu vực hoặc toàn quốc để sử dụng dịch vụ, trong khi 03 tỉnh, thành còn lại chỉ có thể lựa chọn doanh nghiệp toàn quốc để phát sóng. Vì vậy, để tăng tính cạnh tranh của thị trường truyền dẫn phát sóng đồng thời cho phép người sử dụng dịch vụ có nhiều cơ hội lựa chọn doanh nghiệp truyền dẫn phát sóng, đề nghị Quý Cục xem xét, tăng số lượng tỉnh, thành mà một doanh nghiệp khu vực được phép phủ sóng</p>			<p>- Mức hạn chế tối đa 30 tỉnh là quy định chung cho các mạng viễn thông cố định (mạng Internet, điện thoại,...) → chỉ vì một trường hợp mạng truyền dẫn phát sóng mà điều chỉnh ảnh hưởng đến các mạng cố định khác thì cần cân nhắc.</p> <p>- Luật Viễn thông 2023 đã bổ sung quy định để cấp phép thiết lập mạng cho VTV, VoV tại điểm d khoản 3 Điều 33 Luật Viễn thông, như vậy cùng với AVG (được cấp phép phát sóng trên toàn quốc), VTV, VoV khi được cấp giấy phép có thể thực hiện phát sóng cho 3 tỉnh còn lại trên nguyên tắc thực hiện nhiệm vụ chính trị thông tin tuyên truyền được Nhà nước giao.</p>
137	Điều 32	Mobifone	<p>Khoản 1: Đề nghị nâng mức vốn điều lệ và vốn đầu tư mạng lưới lên mức tối thiểu tương ứng 300 tỷ đồng Việt Nam và 1000 tỷ đồng Việt Nam như quy định tại khoản 2. Lý do: với mức vốn điều lệ 20 tỷ đồng và vốn đầu tư 60 tỷ đồng trong 3 năm đầu tiên thì khó khả thi để doanh nghiệp có thể triển khai thiết lập mạng viễn thông có hạ tầng mạng viễn thông có sử dụng tần số vô tuyến điện.</p>		x	Bảo lưu. Doanh nghiệp không cung cấp cơ sở thuyết minh cho việc đề xuất
138		Cục Tần số VTD	<p>Đề nghị bổ sung điều kiện cấp phép, quy trình, thủ tục cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng có sử dụng băng tần số vô tuyến điện (để thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất) đối với trường hợp mạng sử dụng băng tần được cấp phép trực tiếp theo quy định tại điểm c và d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện (cấp băng tần trong tình trạng khẩn cấp hoặc</p>			Tiếp thu một phần, bổ sung chính lý dự thảo

			cấp cho doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh).			
139		Cục Tần số VTD	Đề nghị làm rõ các quy định về cấp giấy phép viễn thông có gắn với sử dụng băng tần được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần để bảo đảm tính thống nhất khi triển khai thực hiện các quy định tại Nghị định này và Nghị định 63/2023/NĐ-CP	x		Tiếp thu: bổ sung khoản 3 Điều 32 như sau: “3. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng sử dụng băng tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ đã góp đủ tối thiểu 500 tỷ đồng Việt Nam.” Lý do: khoản 1 Điều 36 đã quy định các điều kiện cấp giấy phép với trường hợp này (Giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng sử dụng băng tần số vô tuyến điện, băng tần số được cấp qua đấu giá hoặc cấp lại) và chỉ giao Chính phủ quy định điều kiện về vốn điều lệ. Vì vậy chỉ cần bổ sung khoản 3 Điều 32 như nêu trên.
140	Điều 33	VNPT	VNPT đề nghị: Xem xét điều chỉnh nội dung khoản 2 Điều 33 theo hướng doanh nghiệp cam kết tiến độ đầu tư theo phương án kỹ thuật và phương án kinh doanh trong hồ sơ đề nghị cấp phép. Lý do: Do việc cam kết theo một mức tiền là không phù hợp vì bản chất khi doanh nghiệp xây dựng phương án thiết lập mạng để kinh doanh dịch vụ vệ tinh nhiều khi không cần thiết phải đầu tư đến mức 100 tỷ đồng, và theo thời gian khi công nghệ phát triển hơn thì chi phí đầu tư còn có xu hướng giảm xuống.		x	Bảo lưu. Doanh nghiệp không cung cấp cơ sở thuyết minh cho việc đề xuất
141		Đài TH Việt Nam	Điểm d, khoản 3, Điều 33 của Luật Viễn thông 2023 có quy định giấy phép thiết lập mạng viễn thông được cấp cho đối tượng là đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia thuộc Chính phủ. Khoản 15, 16, 17 Điều 3 Luật Viễn thông quy định có 3 loại hình mạng viễn thông: Mạng viễn thông công cộng, Mạng viễn thông dùng			Bộ TT&TT xin giải trình như sau: Điểm d khoản 3 Điều 33 Luật Viễn thông đã có quy định riêng, đặc thù cho loại mạng viễn thông của các đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia thuộc Chính phủ. Với

		<p>riêng, Mạng nội bộ. Tuy nhiên, cả trong Luật Viễn thông và trong Dự thảo đều chưa có quy định rõ mạng phát thanh, truyền hình của đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia thuộc Chính phủ sẽ được cấp Giấy phép thiết lập mạng viễn thông thuộc loại hình mạng viễn thông nào trong các loại hình mạng viễn thông đã quy định.</p> <p>Đài THVN đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét, bổ sung loại hình mạng tương ứng với mạng phát thanh, truyền hình thuộc diện cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông theo điểm d, khoản 3, Điều 33 của Luật Viễn thông phù hợp với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt bởi Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ</p>		<p>quy định này của Luật đã đủ cơ sở pháp lý để các đài thiết lập và quản lý các mạng viễn thông của mình.</p>
142	ASIM	<p>Công ty ASIM đề nghị xem xét và đánh giá lại tổng vốn đầu tư đối với nhà mạng Full MVNO theo hướng thị trường hiện tại. Mô hình kinh doanh MVNO hướng tới khai thác kinh doanh các thị trường ngách, tận dụng các năng lực sẵn có, dư thừa của các MNO. Vì vậy việc quy định MVNO phải đầu tư thêm 1000 tỷ vào phát triển mạng lưới để phát triển mạng viễn thông là chưa phù hợp với xu hướng kinh doanh của mô hình MVNO nói chung trên thế giới hiện nay, cũng như sẽ gây lãng phí nguồn lực chung của xã hội. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp MVNO thường là các doanh nghiệp nhỏ, chỉ tận dụng khai thác thị phần rất nhỏ nên với mức đầu tư 1000 tỷ sẽ rất khó có thể kinh doanh hòa vốn và có lãi.</p> <p>Đề xuất làm rõ theo phương án: Đối với doanh nghiệp Full MVNO cam kết triển khai đủ các thành phần mạng theo giấy phép và đáp ứng mức đầu tư tối thiểu 250 tỷ. (Đề xuất chi tiết được đính kèm văn bản này)</p>	x	<p>Bảo lưu. Quy định về mức đầu tư triển khai mạng viễn thông trong dự thảo Nghị định kế thừa quy định hiện hành trong Nghị định 25/2011/NĐ-CP. Quy định này là để bảo đảm các doanh nghiệp tham gia thị trường theo hình thức mạng Full MVNO (cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng) thực sự có đủ năng lực, cam kết đầu tư lâu dài. Trong trường hợp không đáp ứng điều kiện này, doanh nghiệp hoàn toàn có thể tham gia thị trường dưới hình thức giấy phép là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, thực hiện kinh doanh trên cơ sở thuê mạng viễn thông, mua lưu lượng, mua dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp khác.</p>

143	Điều 35	HTC	Điều 33 LVT quy định 2 loại: Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng và Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng; Đề nghị sử dụng tên gọi thống nhất.	x		Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo
144		VNPT	<p>Đề nghị xem xét loại bỏ/điều chỉnh điểm g khoản 1</p> <p>Lý do:</p> <p>Trường hợp là doanh nghiệp mới thành lập thì sẽ không đáp ứng được điều kiện này</p> <p>- VNPT đề nghị xem xét loại bỏ một số hạng mục trong Mẫu số 4 vì mang tính hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch tuyển dụng nhân sự - Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rút vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng. <p>Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.</p> <p>Lý do:</p> <p>Các thông tin trong 5 năm tiếp theo Doanh nghiệp sẽ chưa có tại thời điểm làm thủ tục cấp phép. Đồng thời các nội dung này thay đổi theo tình hình thị trường nên việc mô tả trong hồ sơ là mang tính hình thức.</p>	x		<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu, chỉnh lý bỏ điểm g khoản 1 - Tiếp thu, chỉnh lý các biểu mẫu
145	Điều 36	FPT	<p>- FPT Telecom đề xuất trong trường hợp thông báo này, DNVN sẽ thông báo khi có sự thay đổi tỉ lệ vốn góp của các cổ đông lớn. Do có một số DNVN (như FPT Telecom) là doanh nghiệp đại chúng, cổ phiếu đã được niêm yết/đăng ký giao dịch, tỉ lệ nhà đầu tư có thể thay đổi thường xuyên nên không thể thực hiện báo cáo theo đúng nội dung quy định của Dự thảo hiện tại</p>			<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo về nội dung thông báo khi thay đổi tỷ lệ sở hữu. - Bảo lưu nội dung về đăng ký trung tâm dữ liệu vì đã được quy định tại Luật Viễn thông

			<p>- Đối với nội dung này, FPT Telecom đề xuất đối với các trung tâm dữ liệu mà DNVT được phép thiết lập hạ tầng mạng theo đúng quy định đã xây dựng, vận hành ổn định trước thời điểm Luật Viễn thông 2023 có hiệu lực sẽ vẫn được hoạt động mà không cần phải thực hiện thủ tục đăng ký. Hoạt động đăng ký sẽ áp dụng cho các trung tâm dữ liệu được xây dựng sau khi Luật Viễn thông 2023 có hiệu lực.</p> <p>Sở dĩ FPT Telecom đưa ra đề xuất này là vì trung tâm dữ liệu là một công trình viễn thông, cũng là một phần của hạ tầng viễn thông. Do đó, theo quan điểm của FPT Telecom, DNVT được cấp Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng theo Luật Viễn thông 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã đủ điều kiện xây dựng, vận hành trung tâm dữ liệu và cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu. Việc yêu cầu DNVT đã có hoạt động cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu sẽ dẫn đến nhiều thủ tục hành chính, đặc biệt là khi đã có khá nhiều trung tâm dữ liệu của các DNVT đang hoạt động ổn định đến thời điểm hiện tại.</p>			
146	Điều 39	VNPT	<p>Hồ sơ cấp lại bao gồm:</p> <p>Mẫu số 4 (Hồ sơ cấp mới)</p> <p>Mẫu số 6 (Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông tính đến thời điểm báo cáo).</p> <p>Trong 2 mẫu này có rất nhiều hạng mục trùng nhau (kết nối, tài nguyên, công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ, bảo đảm an toàn an ninh mạng, báo cáo tài chính), vì vậy đề nghị lược bỏ những hạng mục trùng nhau.</p>	x		- Tiếp thu , chỉnh lý các biểu mẫu
147	Điều 40	APTelecom	<p>- Sửa Điều 40.1.d với phần nội dung bổ sung được gạch chân như dưới đây:</p> <p><i>“Đề án lập đặt cấp viễn thông trên biển bao gồm các nội dung chính sau... kế hoạch bảo dưỡng tuyến cáp trong <u>5</u></i></p>			<p>Tiếp thu một phần</p> <p>- Đã điều chỉnh từ kế hoạch bảo dưỡng 03 năm thành 05 năm đầu.</p>

		<p><u>năm đầu bao gồm quy trình bảo trì và sửa chữa (M&R) chi tiết...”</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa và bổ sung Điều 40.3.a với phần nội dung như sau đây: <i>“Căn cứ vào giấy phép đã cấp, Cục Viễn thông phối hợp với ... chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. <u>Sau khi hoàn thành công việc liên quan tới tuyến cáp, một bản báo cáo chi tiết công việc, các tình huống đặc biệt và vị trí của tàu trong suốt thời gian diễn ra công việc sẽ được yêu cầu gửi tới cơ quan chức năng trong vòng X ngày. Thông tin về vị trí tàu trong toàn bộ thời gian hoạt động được lấy từ hệ thống AIS”</u></i> - Sửa và bổ sung Điều 40.4.d với phần nội dung được gạch chân như dưới đây: <u>“Tên, quốc gia đăng ký, định danh tàu, hoạt động trước đó ở vùng biển Việt Nam và các thông tin khác về tàu</u> dự kiến vào khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi tuyến cáp và Danh sách thủy thủ đoàn.” 		<ul style="list-style-type: none"> - Đã bổ sung quy định về việc thực hiện báo cáo trong vòng 45 ngày kể từ khi hoàn thành công việc khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi tuyến cáp và các tình huống bất thường xảy ra trong vùng biển Việt Nam. (khoản 10 Điều 42) - Không quy định gửi vị trí tàu do không phải tàu nào cũng được lắp đặt hệ thống AIS, việc giám sát tàu đã được thực hiện bởi các cơ quan có chức năng của Bộ Quốc phòng ngoài ra việc lấy số liệu về vị trí tàu dưới dạng. - Bảo lưu, chỉ quy định thông tin dự kiến của tàu, thuyền vào khảo sát.
148	VNPT	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp thu hồi tuyến cáp biển do hết niên hạn sử dụng, đề nghị bỏ <i>“Thông báo chính thức về sự cố tuyến cáp do Trung tâm vận hành và quản lý tuyến cáp ban hành”</i> đối với hồ sơ đề nghị cho phép tàu vào thu hồi tuyến cáp. - Trường hợp các tuyến cáp biển được thiết lập trước ngày Pháp lệnh số 43/2002/PL-UBTVQH10 ngày 25/05/2002 có hiệu lực thì đề nghị thay <i>“giấy phép”</i> bằng Quyết định phê duyệt đầu tư, Quyết định đầu tư, hoặc các tài liệu tương ứng hiện hữu của tuyến cáp. - Đề nghị bổ sung quy định cụ thể về thời hạn Cục Viễn thông có văn bản trả lời Tổ chức đề nghị cho phép/không cho phép tàu, thuyền vào vùng biển Việt Nam để khảo 		<p>Tiếp thu và điều chỉnh quy định thành phần hồ sơ phù hợp với mục đích của từng trường hợp đề nghị cho phép tàu, thuyền vào vùng biển Việt Nam.</p> <p>Bảo lưu. Việc quản lý cho phép tàu vào để khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa các tuyến cáp viễn thông trên biển đã được thực hiện căn cứ giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển từ khi Luật 2009, thực hiện ổn định không phát sinh tình huống vướng mắc.</p> <p>Bảo lưu. Thời hạn xử lý liên quan đến các vấn đề chủ quyền biển đảo, nhạy cảm, cần sự phối hợp liên Bộ Quốc phòng, Ngoại giao, Tài</p>

			sát, lắp đặt, sửa chữa, thu hồi tuyền cáp biển viễn thông trên biển.			nguyên Môi trường, Công thươngvì vậy không thể quy định cứng về thời gian xử lý.
149	Điều 41	Cục Tần số VTD	<p>Đề đồng bộ với quy định tại khoản 2 Điều 41 dự thảo Nghị định, đề nghị bổ sung vào khoản 1 Điều 41 một khoản quy định về thành phần hồ sơ đề nghị cấp phép như sau:</p> <p>“e) Văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an hoặc Bộ Ngoại giao (áp dụng đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng của các cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự nước ngoài và cơ quan đại diện của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, lãnh sự.”.</p> <p>- Đề nghị quy định rõ thời hạn xử lý của Bộ Ngoại giao và Bộ Công an tại khoản 2 Điều 41 để bảo đảm khép kín quy trình cấp phép.</p>		x	<p>Bảo lưu:</p> <p>- Khoản 2 Điều 41 thể hiện quá trình thẩm định của Cục Viễn thông, tổ chức đó đề nghị cấp phép thì không cần văn bản của Bộ Công an, Ngoại giao trong hồ sơ. Quá trình thẩm định Cục Viễn thông sẽ lấy ý kiến các cơ quan nêu trên, nếu đồng ý thì cấp phép.</p> <p>- Không quy định thời hạn đối với việc lấy ý kiến Bộ Công an, Ngoại giao khi đề án có các nội dung nhạy cảm liên quan đến an ninh, ngoại giao.</p>
150	Điều 42	Vụ KHCN (Bộ TT&TT)	xem xét bổ sung trong yêu cầu của đề án phải có nội dung xác định về tiêu chuẩn, công nghệ, dịch vụ;			
151	Điều 43	Đài TH Việt Nam	<p>Điểm b khoản 1 Điều 43 của Dự thảo về Cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông quy định tại điểm d khoản 3 Điều 33 Luật Viễn thông quy định Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông gồm: b) Bản sao có chứng thực quyết định thành lập, giấy phép hoạt động hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức đề nghị cấp phép.</p> <p>Tuy nhiên, điểm d khoản 3 Điều 33 Luật Viễn thông quy định đối tượng là đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia thuộc Chính phủ. Do đó, quy định bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức này là chưa phù hợp với thực tiễn hiện nay.</p> <p>Đài THVN đề nghị đơn vị soạn thảo sửa đổi nội dung này thành: Bản sao có chứng thực quyết định thành lập, văn bản</p>		x	Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo

			quy định chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của tổ chức đề nghị cấp phép.			
152	Điều 44	HTC	Bổ sung: Trường hợp Cục Viễn thông (i) từ chối đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông hoặc (ii) yêu cầu bổ sung tài liệu hồ sơ để đáp ứng điều kiện đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông phải nêu lý do cụ thể bằng văn bản cho doanh nghiệp.	x		Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo
153		Tilleke & Gibbins	Làm rõ việc doanh nghiệp có cần chờ giấy thông báo, đăng ký của VNTA trước khi cung cấp dịch vụ, hay chỉ cần thông báo, đăng ký với VNTA là có thể cung cấp được dịch vụ luôn mà không cần chờ giấy	x		Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo
154		Công ty Luật BMVN	<p>Chúng tôi kiến nghị Bộ TT&TT cung cấp mẫu cho thủ tục thông báo theo Dự Thảo Nghị Định để các tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ thuận tiện sử dụng. Mẫu thông báo nên được quy định dưới dạng song ngữ Anh Việt.</p> <p>Để tránh nhầm lẫn, chúng tôi kiến nghị Bộ TT&TT (i) làm rõ danh mục "thông tin liên quan đến chất lượng dịch vụ đang được cung cấp" tại Dự Thảo Nghị Định hoặc (ii) cung cấp các ví dụ trong mẫu thực hiện thủ tục thông báo.</p> <p>Chúng tôi kiến nghị Bộ TT&TT điều chỉnh từ ngữ được quy định tại Khoản 2 Điều 29 và Điều 44 cho thống nhất. Cụ thể:</p> <p>Đối với Khoản 2 Điều 29: dẫn chiếu đến tổ chức cung cấp dịch vụ TTDL và dịch vụ ĐTĐM thay vì tổ chức cung cấp dịch vụ VTCBTI.</p> <p>Đối với Điều 44: loại bỏ dịch vụ TTDL nước ngoài khỏi thủ tục đăng ký và thêm dịch vụ TTDL nước ngoài vào danh mục các dịch vụ phải tuân theo thủ tục thông báo theo Khoản 3 Điều 44.</p>	x		Tiếp thu. Bổ sung và hoàn thiện các biểu mẫu thông báo theo hướng đơn giản hóa, không phải chờ xác nhận của cơ quan quản lý.

155	Điều 47	Tilleke & Gibbins	<p>Sửa lại câu chữ một số điều khoản để tránh nguy cơ có sự khác biệt hoặc mâu thuẫn giữa các điều khoản trong Nghị định</p> <p>Nộp hồ sơ bổ sung, giải trình hồ sơ: quy định này chỉ áp dụng với hồ sơ cấp phép hay áp dụng với cả hồ sơ đăng ký và thông báo? Nếu quý Cục đã có ý định bỏ giấy xác nhận thông báo và doanh nghiệp có thể cung cấp dịch vụ ngay sau khi thông báo (xem phần 2 dưới đây) thì hồ sơ thông báo có cần bổ sung và giải trình nữa không? Theo chúng tôi, nên quy định rõ hồ sơ bổ sung, giải trình hồ sơ này chỉ áp dụng với các hồ sơ xin cấp phép và đăng ký (vì đối với các dịch vụ cần xin cấp phép và đăng ký thì sau khi nhận được giấy phép hay giấy đăng ký thì doanh nghiệp mới được cung cấp dịch vụ (tiền kiểm), khác với việc hậu kiểm cho các dịch vụ chỉ cần thông báo)</p>	x		Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo
156	Điều 50	HTC	<p>- Nội dung Điều 50 cần thống nhất với các tiêu chí quy định tại điều 43 Luật VT về cơ sở xác định Phí quyền: phạm vi, quy mô mạng viễn thông, doanh thu dịch vụ viễn thông; số lượng và giá trị tài nguyên viễn thông được phân bổ; mức sử dụng không gian, mặt đất, lòng đất, đáy sông, đáy biển để thiết lập mạng viễn thông, xây dựng công trình viễn thông</p> <p>- Cần làm rõ khái niệm, nội dung về: Loại mạng Viễn thông (điều 5 có Phân loại dịch vụ VT; Điều 4 và 31,32.... Có nêu về các mạng có/không có băng tần); Tài nguyên được phân bổ khác với Cần phân bổ?, Quy mô...</p> <p>- Giấy phép đã chia thành 2 loại: Cung cấp dịch vụ viễn thông (1) có hạ tầng mạng và (2) không có hạ tầng mạng. Trong hạ tầng mạng thì có sử dụng băng tần và không sử dụng băng tần. Tuy nhiên trong Dự thảo Nghị định chưa đề cập đến mức hay cách tính, xác định phí quyền áp</p>			Tiếp thu một phần. Việc xác định cách tính, mức thu sẽ được quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính.

			dụng cho mỗi loại giấy phép cung cấp dịch vụ là như thế nào, đề xuất làm rõ, bổ sung thêm nội dung hướng dẫn			
157	HTC	<p>Cả Luật Viễn thông 2023 và Dự thảo Nghị định đều chưa quy định cơ quan quản lý Nhà nước nào có thẩm quyền quy định chi tiết mức thu, chế độ thu, nộp phí quyền hoạt động viễn thông. Xét thấy Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông nên có sự am hiểu rõ nhất về từng loại hoạt động viễn thông để đưa ra mức thu phí quyền hợp lý cho từng loại hoạt động viễn thông. Do đó, Công ty HTC đề xuất Ban Soạn thảo bổ sung cho Điều 50 của Dự thảo như sau: “Điều 50. Phí quyền hoạt động viễn thông</p> <p>1.1. Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông.”Phân loại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng</p> <p>Để có thể quy định được mức phí quyền cho từng loại hoạt động viễn thông, cần có quy định phân loại chi tiết hơn các loại giấy phép viễn thông. Cả quy định của pháp luật viễn thông hiện hành và Luật Viễn thông 2023 đều chưa phân loại chi tiết giấy phép viễn thông phù hợp với thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp viễn thông. Trong thực tiễn, từ ngày 01/01//2017 đến nay, Công ty HTC đã đóng mức phí quyền đối với hoạt động thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, có sử dụng số thuê bao viễn thông và trong phạm vi toàn quốc theo Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng số 433/GP-CVT do Cục Viễn thông cấp ngày 11/11/2013. Tuy nhiên, hoạt động thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, có sử dụng số thuê bao viễn thông lại chưa được quy định phân loại rõ ràng trong từng loại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn</p>		x	Bảo lưu. Thẩm quyền quy định chi tiết mức thu, chế độ thu, nộp phí quyền hoạt động viễn thông là Bộ Tài chính theo quy định tại Luật Phí và lệ phí	

			thông có hạ tầng mạng gây ra việc thiếu quy định rõ ràng để có căn cứ pháp lý xác định mức phí quyền.			
158	Vietnamobile		<p>Phí quyền hoạt động viễn thông hiện được Dự thảo quy định nộp theo nguyên tắc sau : “Nộp hằng năm theo mức cố định, mức nộp tùy thuộc vào loại mạng viễn thông, phạm vi, quy mô mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông, số lượng, giá trị tài nguyên viễn thông cần phân bổ để thiết lập mạng và mức độ sử dụng không gian, mặt đất, lòng đất, đáy sông, đáy biển để xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động”</p> <p>Theo Vietnamobile, khoản này nên được sửa đổi như sau :</p> <p>“Nộp hằng năm theo mức cố định, mức nộp tùy thuộc vào loại mạng viễn thông, phạm vi, quy mô mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông, số lượng, giá trị tài nguyên viễn thông thực tế phân bổ để thiết lập mạng và mức độ sử dụng không gian, mặt đất, lòng đất, đáy sông, đáy biển để xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động”.</p>	x		Tiếp thu , chỉnh lý dự thảo
159	VNPT		<p>Đề nghị xem xét điều chỉnh như sau:</p> <p>“...Nộp hằng năm theo mức cố định... số lượng và giá trị tài nguyên viễn thông <u>được</u> phân bổ để thiết lập mạng; mức sử dụng không gian, mặt đất, lòng đất, đáy sông, đáy biển để thiết lập mạng viễn thông, xây dựng công trình <u>viễn thông</u>.</p> <p><u>Lý do:</u></p> <p>Để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Viễn thông năm 2023</p> <p>- Đề nghị xem xét lại bỏ quy định tại khoản 4 Điều 50: “và cho mỗi lần tàu vào sửa chữa, bảo dưỡng tuyến cáp” vì không đảm bảo tính hợp pháp với nguyên tắc nộp phí</p>			<p>Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo về nội dung khoản 1.</p> <p>Bảo lưu quy định về phí quyền cho tàu vào sửa chữa, bảo dưỡng tuyến cáp. Việc này đã thực hiện ổn định thời gian qua.</p>

			quyền đã quy định tại điểm b khoản 2 Điều 43 Luật Viễn thông năm 2023 Lý do: Điểm b khoản 2 Điều 43 Luật Viễn thông năm 2023 quy định: “b) <i>Nộp một lần theo mức cố định cho toàn bộ thời hạn của giấy phép viễn thông</i> ”.			
160		Mobifone	Khoản 2: Đề xuất điều chỉnh theo hướng: <i>“Tổ chức được cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có trách nhiệm nộp phí quyền hoạt động viễn thông theo nguyên tắc sau: Nộp hằng năm theo mức cố định, mức nộp tùy thuộc vào loại mạng viễn thông, phạm vi, quy mô mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông, số lượng, giá trị tài nguyên viễn thông thực tế đã được Cơ quan quản lý về viễn thông phân bổ để thiết lập và sử dụng, mức độ sử dụng không gian, mặt đất, lòng đất, đáy biển để xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.”</i>	x		Tiếp thu , chỉnh lý dự thảo về nội dung khoản 1.
161		Đài TH Việt Nam	Khoản 3, Điều 50 dự thảo về Phí quyền hoạt động viễn thông nhưng chưa quy định cụ thể, chi tiết mức phí, khoản phí, chủ thể quy định mức phí... đối với phí quyền hoạt động viễn thông đối với tổ chức được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông. Đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung	x		Bộ TT&TT xin giải trình như sau: Thẩm quyền quy định về mức thu phí quyền hoạt động viễn thông do Bộ Tài chính quy định theo Luật Phí và lệ phí. Tuy nhiên để bảo đảm việc thu phí quyền không gián đoạn sau khi Luật Viễn thông 2023 có hiệu lực, trong điều kiện Bộ Tài chính chưa ban hành được Thông tư, Bộ TT&TT đề xuất bổ sung điều khoản chuyển tiếp quy định trường hợp mạng viễn thông của các đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia hoạt động không vì mục đích sinh lợi như quy định tại Luật Viễn thông thì sẽ thực hiện nộp theo mức phí quyền của mạng viễn thông dùng riêng.
162	Điều 51	Mobifone	MobiFone kiến nghị xem xét bổ sung cơ chế tham chiếu, áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng của các tổ chức quốc		x	Bảo lưu. Vấn đề này thuộc thẩm quyền quy định của Bộ TT&TT

			tế như ISO, IEC, TL9000,... khi các TCVN (Tiêu chuẩn quốc gia) và QCVN (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia) liên quan đến “ <i>thiết bị đầu cuối, thiết bị vô tuyến điện, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện, thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị điện, điện tử thuộc danh mục sản phẩm, hạ tầng kỹ thuật viễn thông, thiết bị viễn thông, thiết bị mạng, đài vô tuyến,...</i> ” chưa được ban hành để nhà cung cấp dịch vụ viễn thông dựa vào đó để trang bị và nhanh chóng đưa vào hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh.		
163		Bộ KH&CN	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát hệ thống quy chuẩn về viễn thông theo hướng chỉ tập trung quản lý an toàn và đảm bảo quyền lợi của người sử dụng (ví dụ các thiết bị mạng viễn thông hay việc lắp đặt vận hành thiết bị mạng,... tùy thuộc doanh nghiệp) - Xem xét chỉnh sửa câu chữ tại Điều 51 cho rõ ràng, dễ hiểu; làm rõ nội hàm của “mạng” tại khoản 2b Điều 52. - Sửa khoản 3a Điều 52 thành “Chỉ định, thừa nhận các tổ chức đánh giá sự phù hợp trong lĩnh vực viễn thông và tần số VTĐ”. - Chỉnh sửa lại khoản 1 Điều 81 		<ul style="list-style-type: none"> - Về hệ thống quy chuẩn kỹ thuật, Bộ TT&TT xin giải trình như sau: Bộ đã rà soát danh mục hệ thống quy chuẩn kỹ thuật về viễn thông trong dự thảo Nghị định thấy rằng các quy chuẩn đều tập trung vào vấn đề an toàn, chất lượng dịch vụ viễn thông và quyền lợi người sử dụng. - Tiếp thu rà soát chỉnh lý cho rõ ràng hơn cách biên tập tại Điều 51, Điều 52. - Tiếp thu đã chỉnh sửa khoản 3a Điều 52 - Tiếp thu đã chỉnh sửa khoản 1 Điều 81 (nay là Điều 80)
164	Điều 52	Bộ VH, TT và DL	Khoản 6 Điều 55 Luật Viễn thông đã quy định trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc quản lý tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng viễn thông, do đó không cần thiết quy định lại trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông tại khoản 3 Điều 52 dự thảo Nghị định		Bảo lưu. Bộ TT&TT xin giải trình như sau: quy định tại dự thảo Nghị định đề cập đến một số vấn đề khác cụ thể hóa Luật Viễn thông như “kiểm định thiết bị viễn thông”, “chỉ định, thừa nhận đơn vị đo kiểm” nên xin giữ như dự thảo.
165		Vụ KHCN	Khoản 1: xem xét bỏ cụm từ “từng chủng loại” vì không có phương thức này trong CNHQ, CBHQ; thuyết minh làm rõ về thực tiễn khi quy định “Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động” và “kết nối mạng viễn thông” phải thực hiện công bố hợp quy;	x	Bảo lưu. Quy định này đang được thực hiện ổn định, phù hợp với Luật Viễn thông và pháp luật có liên quan

			- Khoản 2: đang chỉ quy định bắt buộc phải kiểm định trước khi hoạt động, đề nghị xem xét quy định để phù hợp thực tế hoạt động kiểm định theo Thông tư 07/2023/TT-BTTTT (thời gian kiểm định, chu kỳ kiểm định, việc kiểm định lại đối với các trạm thay đổi thiết kế).			
166		Viettel	<p>Đề xuất sửa đổi điểm b và bổ sung mới điểm c vào sau điểm b như sau:</p> <p>Điều 52. Quản lý chất lượng viễn thông</p> <p>1. Việc đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật đối với thiết bị, mạng, dịch vụ và hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được thực hiện như sau:</p> <p>b) Dịch vụ viễn thông thuộc Danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành trước khi đưa vào cung cấp phải thực hiện thủ tục công bố chất lượng theo quy định.</p> <p>c) Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đảm bảo hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phù hợp với Quy chuẩn trong quá trình thiết kế, lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng.</p> <p>Lý do:</p> <p>- Đối với dịch vụ viễn thông:</p> <p>Theo quy định tại Điều 55.3 Luật Viễn thông 2023, các dịch vụ viễn thông thuộc danh mục bắt buộc quản lý chất lượng hiện nay đang phải thực hiện thủ tục “công bố chất lượng”, do đó đề xuất sửa đổi việc thực hiện thủ tục “công bố hợp quy” thành thủ tục “công bố chất lượng”.</p> <p>- Đối với hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động:</p> <p>Hiện nay, bản thân các quy chuẩn về hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động chỉ yêu cầu đảm bảo phù hợp với quy chuẩn trong việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản</p>			Nội dung này đã được chỉnh lý trong dự thảo.

			<p>lý thiết kế xây dựng công trình, mà không yêu cầu công bố hợp quy. (QCVN 07-8:2023/BXD, QCVN 33:2019/BTTTT)</p> <p>- Đối với kết nối mạng viễn thông:</p> <p>Hiện nay việc kết nối mạng viễn thông giữa các doanh nghiệp viễn thông đang được thực hiện ổn định, không xảy ra vướng mắc. Do đó, đề xuất không bổ sung thêm quy chuẩn và thủ tục chứng nhận hợp quy đối với việc kết nối viễn thông, tránh tình trạng tạo thêm nhiều thủ tục phức tạp cho doanh nghiệp.</p>			
167	Điều 53	Yên Bái	<p>Tại khoản 2, điều 53 đề nghị sửa đổi “<i>Cơ quan lập quy hoạch là cơ quan chuyên môn về viễn thông thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ lập quy hoạch</i>” đề nghị sửa thành “<i>Cơ quan lập quy hoạch là cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về viễn thông cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao nhiệm vụ lập quy hoạch</i>”</p>			Tiếp thu một phần. Bộ TT&TT đã chỉnh lý lại quy định về cơ quan lập quy hoạch.
168		Bắc Ninh	<p>“Cơ quan lập quy hoạch là cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông...”<i>sửa thành</i> “Cơ quan lập quy hoạch là cơ quan quản lý chuyên ngành về thông tin và truyền thông...”.</p>			Tiếp thu một phần. Bộ TT&TT đã chỉnh lý lại quy định về cơ quan lập quy hoạch
169		Mobifone	<p>Đề xuất bổ sung thêm quy định sử dụng chung CSHT viễn thông thụ động giữa các nhà mạng. Sở TTTT địa phương là đơn vị điều phối, nhằm hạn chế trường hợp độc quyền CSHT, tạo môi trường bình đẳng giữa các doanh nghiệp viễn thông</p>		x	Bảo lưu. Đây là nội dung quy định đối với Cơ quan tổ chức lập quy hoạch và cơ quan lập quy hoạch.
170	Điều 54	VNPT	<p>Đề nghị quy định cụ thể số lượng chuyên gia của tổ chức tư vấn;</p> <p>Bổ sung yêu cầu về chuyên môn, số lượng quy hoạch đã chủ trì của chuyên gia tư vấn là chủ nhiệm dự án.</p>			Điều này đã được lược bỏ trong dự thảo Nghị định. Lý do: Các quy định về điều kiện tổ chức tư vấn lập quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan

			Bổ sung yêu cầu về lượng quy hoạch của chuyên gia tư vấn tham gia lập quy hoạch. Lý do: Tham khảo Điều 4 Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 quy định chi tiết Luật quy hoạch			
171		Đắc Nông	Đề xuất điều chỉnh: Điều kiện về năng lực chuyên môn đối với tổ chức tư vấn lập quy hoạch: 2. Chuyên gia tư vấn là chủ nhiệm dự án phải có bằng đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất làm chủ nhiệm hoặc chủ trì lập quy hoạch hoặc đồ án quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.			
172		Mobifone	Đề xuất bổ sung thêm quy định sử dụng chung CSHT viễn thông thụ động giữa các nhà mạng. Sở TTTT địa phương là đơn vị điều phối, nhằm hạn chế trường hợp độc quyền CSHT, tạo môi trường bình đẳng giữa các doanh nghiệp viễn thông		x	Bảo lưu. Nội dung đề cập không liên quan đến điều kiện về năng lực chuyên môn đối với tổ chức tư vấn lập quy hoạch
173	Điều 55	Quảng Trị	Tại Điều 55 của dự thảo quy định: Chi phí cho hoạt động quy hoạch: <i>“Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch, đánh giá quy hoạch được sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác”.</i> Tuy nhiên tại Điều 9 Luật số: 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 về Luật Quy hoạch quy định: “Chi phí lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch được sử dụng từ vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công”.			Điều này được lược bỏ. Chi phí cho hoạt động quy hoạch được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

			Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Trị đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu để thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật.			
174	Long An		Đề nghị sửa thành: “ <i>Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch, đánh giá quy hoạch được sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác. Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn định mức, kinh phí cho các hoạt động quy hoạch</i> ”.			Điều này đã được lược bỏ. Chi phí cho hoạt động quy hoạch được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
175	Sở TTTT Ninh Bình		Bổ sung vào Điều 55, nội dung như sau: “ <i>Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Bộ Xây dựng hướng dẫn quy định cụ thể xác định, quản lý chi phí quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động</i> ”.			Điều này đã được lược bỏ. Chi phí cho hoạt động quy hoạch được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
176	Bắc Ninh		Tại: “Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch, đánh giá quy hoạch được sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định...” sửa đổi và bổ sung: “Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch, đánh giá quy hoạch được sử dụng từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác. <i>Giao cho Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn địa phương việc xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo quy định</i> ”.		x	Điều này đã được lược bỏ. Chi phí cho hoạt động quy hoạch được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
177	Tiền Giang		Đề xuất phương án Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng định mức cho các hoạt động quy hoạch			Chi phí cho hoạt động quy hoạch được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
178	Khánh Hòa		Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, điều chỉnh như sau: “Việc xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ			Chi phí cho hoạt động quy hoạch được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

			động được thực hiện theo hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch của Bộ Thông tin và Truyền thông”; đồng thời, sớm ban hành định mức quy định cho các hoạt động quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để các địa phương có cơ sở triển khai, thực hiện			
179	Điều 56	Nam Định	Nội dung quy định tại các Khoản 4b,c,d,đ và Khoản 5, Điều 56 nên chuyển xuống Mục 4 “Tổ chức thực hiện quy hoạch”. Lý do: đây là các nội dung quy định sau khi quy hoạch đã được phê duyệt, không còn trong giai đoạn “lập quy hoạch”.		x	Bảo lưu. Tổ chức việc lập quy hoạch và tổ chức việc thực hiện quy hoạch là 02 hoạt động khác nhau không thể lồng ghép.
180		VNPT	Đề nghị xem xét điều chỉnh vì trách nhiệm này trùng với trách nhiệm của cơ quan lập quy hoạch Lý do: Điểm d khoản 5 Điều 57 dự thảo Nghị định.		x	Bảo lưu. Việc xây dựng, tổ chức triển khai là trách nhiệm của STTTT, việc khác với phê duyệt quy hoạch là trách nhiệm của UBND cấp tỉnh
181		Thanh Hóa	Tại điểm a khoản 4 Điều 56, đề nghị sửa nội dung “Lập, phê duyệt, công bố quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của địa phương 05 (năm) 3 năm một lần...” thành “Phê duyệt, công bố quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của địa phương 05 (năm) năm một lần...” Lý do: Việc lập quy hoạch là trách nhiệm của cơ quan chuyên ngành đã được quy định tại khoản 2 Điều 53 và khoản 5 Điều 56.		x	Tiếp thu. Chính lý dự thảo
182		Viettel, Bộ Quốc phòng	Đề xuất sửa thành: Điều 6.Trách nhiệm của cơ quan tổ chức lập quy hoạch 4. Quyết định phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền c) Hàng năm, chỉ đạo cơ quan chuyên môn về thông tin và truyền thông tổ chức, xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương của các doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân khác sở hữu hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;		x	Tiếp thu. Chính lý dự thảo

		<p>Lý do:</p> <p>Tại các địa phương, không chỉ có các DNVT mới sở hữu hạ tầng mạng mà còn có tổ chức, cá nhân khác sở hữu hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, các đơn vị này cũng phải chịu sự quản lý của CQQLNN.</p> <p>Đề xuất sửa thành:</p> <p>Điều 6.Trách nhiệm của cơ quan tổ chức lập quy hoạch</p> <p>4. Quyết định phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền</p> <p>d) Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương đồng bộ với kế hoạch phát triển hạ tầng giao thông, xây dựng và các hạ tầng kỹ thuật có liên quan khác trên địa bàn;</p> <p>Lý do:</p> <p>Các kế hoạch “hạ ngầm cáp viễn thông, kế hoạch chỉnh trang, sắp xếp lại hệ thống cột ăng ten” đã được quy định trong kế hoạch thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương. Do đó, đề xuất không liệt kê chi tiết vào khoản này.</p> <p>Đề xuất sửa thành:</p> <p>Điều 56.Trách nhiệm của cơ quan tổ chức lập quy hoạch</p> <p>5. Xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ số để cập nhật hiện trạng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn.</p> <p>Chỉ đạo cơ quan quản lý chuyên ngành về Thông tin và Truyền thông lập quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của địa phương thực hiện các nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Chủ trì, phối hợp với các sở ngành tổ chức thực hiện thu thập, cập nhật, đánh giá, quản lý, lưu trữ, công</p>			
--	--	---	--	--	--

			<p>bổ, khai thác và sử dụng thông tin, cơ sở dữ liệu về quy hoạch theo đúng quy định, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;</p> <p>Lý do:</p> <p>Điều 38.1 Luật Quy hoạch 2017 quy định: Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, toàn bộ nội dung của quy hoạch phải được công bố công khai, <i>trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.</i></p> <p>Sơ đồ thiết kế mạng lưới của Viettel là bí mật nhà nước theo Quyết định của Chính phủ về việc ban hành Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng.</p> <p>Do đó, đề xuất bổ sung quy định loại <i>trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.</i></p>			
183	Hải Phòng		<p>Đề nghị gộp và điều chỉnh nội dung điểm c và điểm đ Khoản 4 Điều 56 dự thảo thành 01 điểm với nội dung như sau:</p> <p><i>Giao cơ quan chuyên môn về thông tin và truyền thông tổ chức, xây dựng các kế hoạch thực hiện nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương; chỉ đạo, theo dõi và đôn đốc các doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương đã được phê duyệt”.</i></p>	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
184	Bộ Quốc phòng		<p>Điều 56.Trách nhiệm của Cơ quan tổ chức lập quy hoạch 4. Quyết định phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền a) Lập, phê duyệt, công bố quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của địa phương 05 (năm) năm</p>			Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo

			<p>một lần, tầm nhìn 10 (mười) năm, được điều chỉnh, bổ sung theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội với <i>bảo đảm quốc phòng, an ninh</i> của địa phương. Việc điều chỉnh phải đảm bảo tính kế thừa của các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt;</p> <p>Lý do:</p> <p>Điều chỉnh lại để thống nhất theo tinh thần nghị Quyết đại hội XIII của Đảng: Kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh.</p>			
185	Điều 57	Thái Bình	<p>- Đề nghị bổ sung thêm Điều Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng tại Tiểu mục 1. TỜ CHỨC LẬP QUY HOẠCH; chuyên nội dung điểm c, điểm d thuộc khoản 5 Điều 57 về Điều Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng.</p>	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
186		Viettel, Bộ Quốc phòng	<p>Điều 57. Trách nhiệm của cơ quan lập quy hoạch</p> <p>5. Xây dựng, tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện quy hoạch:</p> <p>c) Căn cứ vào kế hoạch hạ ngầm cáp viễn thông và kế hoạch chỉnh trang, sắp xếp lại hệ thống cột ăng ten của tỉnh, thành phố và kế hoạch hạ ngầm của cơ quan điện lực, lập và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch hạ ngầm cáp viễn thông và chỉnh trang, sắp xếp lại hệ thống cột ăng ten của mình tại địa phương.</p> <p>Lý do:</p> <p>Đề xuất việc hạ ngầm cáp viễn thông cần căn cứ vào kế hoạch hạ ngầm cáp điện lực để có thể thực hiện đồng bộ, đảm bảo mỹ quan đô thị và tiết kiệm kinh phí.</p> <p>Đề xuất điều chỉnh việc đánh số thứ tự tại Điều 57</p> <p>Lý do:</p>	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo

			Để có cơ sở thực hiện.			
187	Điều 59	VNPT	Đề nghị xác định 03 tháng kể từ thời điểm nào? Lý do: Để tạo sự rõ ràng cho dự thảo.	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
188		Viettel, Bộ Quốc phòng	Điều 59. Thời hạn lập quy hoạch 2. Thời hạn lập quy hoạch theo nhiệm vụ lập quy hoạch được duyệt nhưng không quá 12 tháng kể từ thời điểm nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt. Lý do: Đề xuất bổ sung thời hạn tối đa đối với việc lập quy hoạch để có cơ sở thực hiện, tránh tình trạng thời gian lập quy hoạch quá dài, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình phát triển hạ tầng mạng lưới.	x		Tiếp thu một phần. Chính lý dự thảo với nội dung: 2. Thời hạn lập quy hoạch theo nhiệm vụ lập quy hoạch được duyệt và không quá 06 tháng kể từ thời điểm nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt
189		Hải Phòng	Dự thảo quy định: "Thời hạn xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch không quá 03 tháng". Đề nghị xác định rõ thời hạn này là tính từ thời điểm nào.	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
190	Điều 60	VNPT	Đề nghị xem xét điều chỉnh thành: a) Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có liên quan (quy hoạch giao thông, xây dựng, đô thị, phát triển nông thôn); Lý do: Để đảm bảo phù hợp với quy định Khoản 3 Điều 8 Luật Viễn thông năm 2023. Để quy định trong dự thảo rõ ràng, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị bổ sung như sau:	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo

			<p>i) Thời hạn lập quy hoạch, kế hoạch lập quy hoạch và trách nhiệm của các cơ quan <u>liên quan</u> trong việc tổ chức lập quy hoạch</p> <p>Lý do: Tham khảo Điểm d, khoản 1, Điều 15 Luật Quy hoạch</p>			
191		Viettel	<p>Đề xuất bổ sung thêm điểm c1 vào sau điểm c khoản 2 Điều 60:</p> <p>c1. Địa hình, vùng khí hậu (vùng gió, nắng,...).</p> <p>Lý do: Tại Việt Nam, trung bình hàng năm có 4-6 cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền. Việc quy hoạch khu vực treo/ngâm, khu vực phải đảm bảo tải trọng, an toàn cho cột anten cần phải đưa vào quy hoạch trong HTVTTĐ</p>	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
192		Viện Chiến lược	<p>Đề nghị loại bỏ điểm g, khoản 2: Yêu cầu và nhiệm vụ đánh giá môi trường chiến lược. Lý do: Do quy hoạch hạ tầng viễn thông không thuộc quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành nên không thuộc đối tượng phải đánh giá môi trường chiến lược (<i>theo Quy định tại Phụ lục I, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì chỉ có Danh mục chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quy mô quốc gia, cấp vùng; quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành mới phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược</i>).</p>	x		Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo.
193	Điều 61	Bộ Nội vụ	<p>Tại Điều 61 Tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch, đề nghị quy định cụ thể thành phần, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động, báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định, bảo đảm minh bạch, hiệu quả, không phát sinh thêm tổ chức, bộ máy, biên chế; đồng thời làm rõ nội dung tại</p>	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo

			điểm b, khoản 9 (cơ chế ra quyết định của hội đồng thẩm định).			
194	Thái Bình		Đề nghị xem xét gộp khoản 6, khoản 7 Điều 61 vào Điều 68 và Điều 69; bỏ đại diện doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng trong thành phần Hội đồng thẩm định quy hoạch	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
195	Nam Định		Bỏ Khoản 7, Điều 61 quy định thành phần của hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch. Lý do: Tại khoản 6, Điều 61 đã quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch. Do đó, để quyền chủ động lựa chọn thành viên hội đồng thẩm định cho Chủ tịch UBND tỉnh quyết định dựa trên sự tham mưu của các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh.	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
196	Bắc Ninh		Về việc tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch (tại Điều 61) và thẩm định quy hoạch (tại Điều 68 và Điều 69): trong dự thảo Nghị định thành lập 2 hội đồng (thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch và thẩm định Quy hoạch), để thuận tiện trong quá trình thẩm định, đề nghị thành lập một hội đồng thẩm định vừa thực hiện việc thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch và thẩm định Quy hoạch; thẩm quyền và thành phần Hội đồng thẩm định do cơ quan tổ chức lập quy hoạch (UBND tỉnh) quyết định thành lập, thành phần bao gồm Sở TT&TT(cơ quan thường trực), các sở, ngành, địa phương có liên quan (các sở: Xây dựng, Giao thông và Vận tải, Công thương,...) và có thể mời thêm đại diện lãnh đạo doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tham gia.	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
197	VNPT		Để đảm bảo rõ ràng, thống nhất trong cách quy định về các Hội đồng thẩm định trong dự thảo, đề nghị quy định cụ thể về chức danh Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, số lượng ủy viên phản biện tương tự như cách quy định đối với Hội đồng thẩm định quy hoạch.	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo

			Lý do: Điều 69 dự thảo Nghị định			
198	Đắk Nông		Đề xuất điều chỉnh: Tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch Nội dung Khoản 3 và Khoản 11 trùng nhau	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
199	Quảng Ninh		Các nội dung Tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch, Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch, Lấy ý kiến về quy hoạch, thẩm định quy hoạch, phê duyệt, công bố quy hoạch... đề nghị đơn vị dự theo xem xét thực hiện đồng bộ theo Luật Quy hoạch và nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và các quy định liên quan.	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
200	Bộ Quốc phòng		Điều 61. Tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch 7. Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch gồm có các thành phần như sau: - Chủ tịch hội đồng; - Phó chủ tịch hội đồng; Thành viên: đại diện các cơ quan chuyên môn về giao thông, xây dựng, viễn thông, quốc phòng, an ninh', đại diện các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng. - Ủy viên phản biện Lý do: - Tại các địa phương, không chỉ có các doanh nghiệp viễn thông mới sở hữu hạ tầng mạng mà còn có quân đội, công an, tổ chức, cá nhân khác sở hữu hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động. Các đơn vị này cũng cần được tham gia thẩm định lập quy hoạch và chịu sự quản lý của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành viễn thông trong việc lập quy hoạch và triển khai hạ tầng viễn thông thụ			Tiếp thu một phần. Chính lý nội dung dự thảo với nội dung: <i>Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch bao gồm:</i> <i>Chủ tịch Hội đồng:</i> <i>Các thành viên của Hội đồng: đại diện các cơ quan chuyên môn về giao thông, xây dựng, thông tin và truyền thông và đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan;</i> <i>Ủy viên phản biện.</i>

			<p>động.</p> <p>- Bảo đảm phù hợp với quy định tại diêm b, diêm d, khoản 2 Điều 15 Luật Quốc phòng năm 2018:</p> <p>Điều 15. Kết hợp Quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng</p> <p>2. Nhiệm vụ kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng gồm:</p> <p>b) Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành, vùng, địa phương,... phải kết hợp với quốc phòng, phù hợp với chiến lược bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>d) Bộ, ngành, địa phương xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phải được Bộ Quốc phòng cho ý kiến, tham gia thẩm định theo quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>			
201	Điều 62	Viettel	<p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 62:</p> <p>Điều 62. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch</p> <p>2. Quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch gồm những nội dung chủ yếu dưới đây:</p> <p>c) Yêu cầu về nội dung, phương pháp và bản đồ số lập quy hoạch;</p> <p>Lý do:</p> <p>Đề xuất bổ sung bản đồ số quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tại địa phương để dễ dàng thực hiện trong công tác QHTK hạ tầng viễn thông thụ động</p> <p>Đề xuất bổ sung thêm cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các quy hoạch thuộc Bộ khác chủ trì.</p> <p>Lý do:</p>	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo

			Một số công trình giao thông như cao tốc, các tuyến truyền tải điện cao thế do các Bộ GTVT, Bộ Công Thương phê duyệt quy hoạch các UBND tỉnh/TP chưa nắm hết chủ trương quy hoạch trong dài hạn. Khi đó, việc phê duyệt có thể sẽ ảnh hưởng đến HTVTTĐ trên địa bàn tỉnh			
202		Đắk Nông	Đề xuất điều chỉnh: Nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch 2. Nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch: e) Yêu cầu về nội dung, tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch;	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
203		Hà nội	Tại điều 62. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch: Khoản 1 và Khoản 4 bị trùng lặp nội dung, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại để lược bỏ			Tiếp thu. Chính lý dự thảo
204	Điều 63	Thái Bình	- Đề nghị bỏ cụm từ "tọa độ" tại khoản 3, khoản 4 Điều 63; điểm c khoản 1 Điều 80; tiêu đề của Điều 66 và mẫu số 27	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
205		VNPT	Đề xuất không đưa tọa độ/địa chỉ vị trí lắp đặt nhà trạm và tọa độ, độ cao, chủng loại, số lượng ăng ten vào quy hoạch. Áp dụng nguyên tắc linh hoạt về vị trí, độ cao, chủng loại, số lượng ăng ten và nhà trạm. Độ cao của cột ăng ten cần đảm bảo dùng chung cho nhiều nhà mạng Lý do: Nhà mạng xây dựng quy hoạch theo 5 năm, triển khai kế hoạch hàng năm và trong quá trình khai thác thường xuyên phải điều chỉnh để tối ưu chất lượng mạng. Nếu quy định cứng các tham số trên thì gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện.	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo

206	Long An	đề nghị sửa thành: “ <i>Phương án phát triển vị trí lắp đặt ăng ten theo tọa độ hoặc theo khu vực (được lập thành bảng và thể hiện trên bản đồ số); phương án chia sẻ, sử dụng chung cột ăng ten</i> ”.	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
207	Gia Lai	đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét lại quy định về phương án phát triển vị trí lắp đặt ăng ten, nhà trạm theo tọa độ (được lập thành bảng và thể hiện trên bản đồ số). Lý do: việc xây dựng quy hoạch cứng vị trí lắp đặt ăng ten, nhà trạm theo tọa độ sẽ gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong quá trình xây dựng hạ tầng (<i>phụ thuộc vào việc cho thuê mặt bằng của các hộ dân,...</i>) cũng như việc tối ưu vùng phủ sóng của các doanh nghiệp trong quá trình phát triển hạ tầng viễn thông.	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
208	Thanh Hóa	Tại các khoản 3, khoản 4 của Điều 63, đề nghị bỏ vị trí tọa độ trong phương án phát triển vị trí lắp đặt ăng ten và phương án phát triển vị trí các nhà, trạm. Lý do: để đảm bảo tính khả thi, linh hoạt và phù hợp với hoạt động đầu tư phát triển hạ tầng của các doanh nghiệp	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
209	Hà Nội	Tại điều 63. Nội dung quy hoạch, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh khoản 2 thành “Phương án phát triển cột treo cáp” Lý do:cột điện lực và cột chiếu sáng không thuộc nhiệm vụ quy hoạch mà đây là những hạ tầng kỹ thuật có thể sử dụng chung được đưa vào phần đánh giá hiện trạng và dự báo phát triển các ngành liên quan để tính toán cho phương án phát triển cột của viễn thông.	x		Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo.
210	Quảng Ninh	Tại nội dung quy hoạch đề nghị nghiên cứu bổ sung yêu cầu về khoảng cách đối với các cột ăng ten như sau tại nội dung "d) Tại các khu vực có yêu cầu cao về bảo vệ cảnh quan môi trường như mặt các đường, phố chính, quảng trường trung tâm, khu di tích lịch sử - văn hóa, khu danh lam thắng cảnh và các khu vực khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thì ban hành danh			Tiếp thu một phần, chỉnh lý dự thảo.

			mục vị trí về giới hạn chiều cao, khoảng cách cột ăng ten, nguy trang (theo Mẫu số 03 - Phụ lục kèm theo)" để tăng việc sử dụng chung hạ tầng viễn thông.			
211	Viettel	<p>Đề xuất sửa thành:</p> <p>Nội dung chủ yếu của quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là việc tổ chức bố trí các công trình viễn thông dựa trên các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch giao thông và các quy hoạch hạ tầng kỹ thuật khác có liên quan khác đã được phê duyệt trên địa bàn nhằm bảo đảm công trình viễn thông được phát triển đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật tại địa phương. Nội dung của quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phương án phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm (cống, bê, ống cáp); hào, tuy nèn kỹ thuật cho từng khu vực. 2. Phương án phát triển cột treo cáp (bao gồm cột viễn thông, cột điện lực, cột chiếu sáng và các cột sử dụng treo cáp, lắp đặt thiết bị viễn thông) cho từng khu vực; 3. Phương án phát triển, lắp đặt ăng ten (được lập thành bảng và thể hiện trên bản đồ số) cho từng khu vực; <p>Lý do:</p> <p>Đề xuất phương án phát triển theo từng khu vực để đảm bảo tính khả thi cho việc các doanh nghiệp tuân thủ theo quy định tại các khu vực quy hoạch cho hạ tầng viễn thông. Ngoài ra việc quy hoạch 5 năm tầm nhìn 10 năm về tọa độ trạm chi tiết là không khả thi để triển khai.</p> <p>Bỏ nội dung khoản 4 do không khả thi triển khai</p> <p>Điều 63.Nội dung quy hoạch</p>	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo	

		<p>Nội dung của quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động bao gồm:</p> <p>5. Phương án phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trong nhà chung cư, công trình công cộng, khu chức năng, cụm công nghiệp, công trình giao thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật liên quan khác để lắp đặt thiết bị phục vụ viễn thông.</p> <p>Lý do:</p> <p>Đề xuất bổ sung phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trong các nhà chung cư, công trình công cộng, khu chức năng, cụm công nghiệp, công trình giao thông để các doanh nghiệp có cơ sở triển khai, thực hiện.</p> <p>Thực tế các tuyến ngầm cao tốc, ngầm Metro, tuyến đường vành đai trên cao, tuyến cầu,... không có quy hoạch bố trí cho HTVTTĐ, rất khó khăn cho DNVT đầu tư HTVTTĐ để cung cấp dịch vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tuyến Metro, hầm giao thông, các tuyến cao tốc, các cầu vượt sông tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh không bố trí để lắp đặt hạ tầng HTVTTĐ. - Cầu Thăng Long Hà Nội hiện chưa có quy hoạch bố trí lắp đặt trạm viễn thông, các cầu vượt sông gần đây thường có chiều dài lớn nhưng chưa quy hoạch bố trí cho HTVTTĐ. - Các tuyến phố tại Hà Nội tử thuê bao CĐBR đang gắn trên tường nhà dân, cần bố trí đất để lắp đặt tử thuê bao nổi trên vỉa hè. <p>Điều 63.Nội dung quy hoạch</p>		
--	--	---	--	--

		<p>Đề xuất bổ sung quy định hướng dẫn thực hiện trong trường hợp chưa có quy hoạch hoặc quy hoạch đã hết hiệu lực nhưng chưa kịp phê duyệt quy hoạch mới.</p> <p>Lý do:</p> <p>Để các Sở TTTT và doanh nghiệp viễn thông có cơ sở thực hiện</p>			
212	Hải Phòng	<p>Đề nghị xem xét điều chỉnh khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 63 dự thảo như sau:</p> <p>- Nội dung nêu trong dự thảo:</p> <p><i>“1. Phương án phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm (cống, bể, ống cáp); hào, tuy nèn kỹ thuật.</i></p> <p><i>2. Phương án phát triển cột treo cáp (bao gồm cột viễn thông, cột điện lực, cột chiếu sáng và các cột sử dụng treo cáp, lắp đặt thiết bị viễn thông);</i></p> <p><i>3. Phương án phát triển vị trí lắp đặt ăng ten theo tọa độ (được lập thành bảng và thể hiện trên bản đồ số);</i></p> <p><i>4. Phương án phát triển vị trí (địa chỉ, tọa độ) các nhà, trạm lắp đặt thiết bị vào đó để phục vụ viễn thông.”</i></p> <p>- Nội dung đề nghị điều chỉnh:</p> <p><i>“1. Phương án phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm (cống, bể, ống cáp, hào, tuy nèn kỹ thuật);</i></p> <p><i>2. Phương án quy hoạch khu vực, tuyến đường, phố được phép xây dựng cột sử dụng để treo cáp và lắp đặt thiết bị viễn thông của các doanh nghiệp viễn thông;</i></p> <p><i>3. Phương án quy hoạch khu vực, tuyến đường, phố lắp dựng cột ăng ten theo chủng loại;</i></p> <p><i>4. Phương án quy hoạch khu vực đầu tư xây dựng các nhà, trạm viễn thông.”</i></p>	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo

213		Kon Tum	<p>2. Tại khoản 3, Điều 63, Tiêu mục 3, NỘI DUNG QUY HOẠCH VÀ LẤY Ý KIẾN VỀ QUY HOẠCH. Đối với nội dung “Phương án phát triển vị trí lắp đặt ăng ten theo tọa độ”. Đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét nội dung “theo tọa độ”, lý do: -Việc lắp ăng ten trong thời gian tới chủ yếu là bổ sung vị trí; khả năng rơi vào khu vực đất quy hoạch xây dựng hạ tầng không nhiều. Phần lớn hiện nay các doanh nghiệp phát triển hạ tầng trên diện tích đất thuê của người dân. Nếu quy hoạch chấm tọa độ cụ thể, sẽ xảy ra trường hợp không thỏa thuận được vị trí; Doanh nghiệp phải chuyển vị trí khác thì không thể làm thủ tục xây dựng được mà phải chờ điều chỉnh quy hoạch (điều này không khả thi đối với 01 vị trí và mất thời gian để thực hiện điều chỉnh quy hoạch). -Trường hợp vị trí ăng ten rơi vào lâm nghiệp, đất rừng, đất nông nghiệp, đất không thuộc quy hoạch hạ tầng kỹ thuật ... thì không đưa vào quy hoạch được. -Về kinh phí xây dựng quy hoạch: đa số quy hoạch ngành, lĩnh vực ngân sách bố trí không nhiều, do đó chi phí để thực hiện chấm tọa độ sẽ tốn nhiều chi phí, nên địa phương khó triển khai.</p>	x	Tiếp thu. Chính lý dự thảo
214	Điều 64	Viettel	<p>Điều 64. Căn cứ lập quy hoạch</p> <p>Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được lập căn cứ vào các nội dung sau:</p> <p>1. Quy hoạch ngành thông tin và truyền thông, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh có liên quan (quy hoạch giao thông, xây dựng, đô thị, phát triển nông thôn và các quy hoạch khác có liên quan đến hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch);</p> <p>Lý do:</p> <p>- Xuất phát từ thực tế khi triển khai thiếu đồng bộ giữa HTVTTĐ và hạ tầng ngầm hóa lưới điện, hạ tầng cung</p>		Tiếp thu một phần, chính lý dự thảo.

		<p>cấp nước sạch, ảnh hưởng đến hạ tầng thông tin hoặc mất quy hoạch đồng bộ.</p> <p>- Đề xuất bổ sung thêm nội dung nhằm làm rõ thông tin các khu vực cần đưa ra để làm căn cứ cho nội dung quy hoạch khu vực của Điều 63.</p> <p>- Ví dụ, theo kế hoạch của Thành phố Hà Nội, các tuyến phố sẽ hạ ngầm hoàn toàn cáp điện lực, cáp viễn thông; tuy nhiên EVN không đảm bảo kinh phí, chưa triển khai, dẫn đến khó khăn cho việc thực hiện hạ ngầm cáp viễn thông.</p> <p>Khoản 3: Đề xuất xây dựng một hệ thống bản đồ quy hoạch đồng bộ cho tất cả các cơ quan, đơn vị sử dụng.</p> <p>Lý do: Để có cơ sở thực hiện</p> <p>Khoản 5: Đề xuất sửa thành: Điều 64.Căn cứ lập quy hoạch</p> <p>1. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được lập căn cứ vào các nội dung sau:</p> <p>c. Định hướng phát triển hạ tầng viễn thông thụ động 05 năm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trên địa bàn phân kỳ theo từng năm và tầm nhìn phát triển 10 năm.</p> <p>Lý do: Đề xuất điều chỉnh “kế hoạch” thành “định hướng” để tránh nhầm lẫn với kế hoạch thực hiện quy hoạch định kỳ hàng năm.</p>			
215	Quảng Ninh	<p>Ngoài Quy hoạch tỉnh đề nghị bổ sung quy hoạch giao thông, xây dựng, đô thị, phát triển nông thôn và các quy hoạch cấp huyện...</p>			Tiếp thu , chỉnh lý dự thảo.

			<p>Hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh việc chỉnh trang, ngầm hóa cáp viễn thông do các huyện, thị xã, thành phố thực hiện triển khai đồng bộ với các dự án: Chỉnh trang đường, hệ thống thoát nước, ngầm hóa điện, cây xanh...). Nhiệm vụ trên nếu giao cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông tại địa phương thực hiện chủ trì và yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện thì không khả thi. Đề nghị nghiên cứu không giao cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông tại địa phương thực hiện chủ trì nhiệm vụ này</p> <p>- Đề các địa phương tham mưu công tác quản lý hạ tầng viễn thông thụ động tại nghị định đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh quy định việc phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương.</p>			
216		Bộ Quốc phòng	<p>Điều 64. Căn cứ lập quy hoạch</p> <p>1. Quy hoạch ngành thông tin và truyền thông, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh có liên quan (quy hoạch giao thông, xây dựng, đô thị, phát triển nông thôn và các quy hoạch khác có liên quan đến hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch);</p> <p>Lý do:</p> <p>- Xuất phát từ thực tế khi triển khai thiếu đồng bộ giữa HTVTTĐ và hạ tầng ngầm hóa lưới điện, hạ tầng cung cấp nước sạch, ảnh hưởng đến hạ tầng thông tin hoặc mất quy hoạch đồng bộ.</p> <p>- Đề xuất bổ sung thêm nội dung nhằm làm rõ thông tin các khu vực cần đưa ra để làm căn cứ cho nội dung quy hoạch khu vực của Điều 63 dự thảo Nghị định.</p> <p>Ví dụ, theo kế hoạch của Thành phố Hà Nội, các tuyến phố sẽ hạ ngầm hoàn toàn cáp điện lực, cáp viễn thông; tuy nhiên EVN không đảm bảo kinh phí, chưa triển khai, dẫn đến khó khăn cho việc thực hiện hạ ngầm cáp viễn thông.</p>			Tiếp thu một phần , chỉnh lý dự thảo.

217		Bộ phòng	<p>Điều 64. Căn cứ lập quy hoạch</p> <p>4. Hiện trạng hạ tầng viễn thông thụ động của tất cả các <i>tổ chức có hạ tầng mạng</i> và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông</p> <p>5. <i>Định hướng</i> phát triển hạ tầng viễn thông thụ động 05 năm của <i>tổ chức</i>, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trên địa bàn phân kỳ theo từng năm và định hướng phát triển 10 năm. có hạ tầng mạng trên địa bàn.</p> <p>Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo đảm tính đầy đủ trong việc quy hoạch hạ tầng viễn thông cho các đối tượng sở hữu hạ tầng viễn thông thực tế hiện nay. - Điều chỉnh từ “Kê hoạch” thành Định hướng để tránh nhầm lẫn với kê hoạch thực hiện quy hoạch định kỳ hàng năm của các tổ chức, doanh nghiệp. 		Tiếp thu một phần , chỉnh lý dự thảo.
218	Điều 65	FPT	<p>Hiện nội dung dự thảo đặt ra quy định bắt buộc cấp viễn thông phải được lắp đặt trong các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm còn khả năng lắp đặt. Quy định này tạo cơ hội cho các doanh nghiệp viễn thông không có hạ tầng tại một tuyến có cơ hội sử dụng hạ tầng ngầm kỹ thuật để phục vụ cho hoạt động của mình. Tuy nhiên, dựa trên thực tế việc sử dụng hạ tầng ngầm kỹ thuật của doanh nghiệp, FPT Telecom đề xuất quy định rõ hơn nội dung này theo hướng: <i>các hạ tầng kỹ thuật ngầm còn khả năng lắp đặt cấp viễn thông cần đưa vào quy hoạch hạ tầng viễn thông sử dụng chung, dưới dạng hạ tầng xã hội hóa của địa phương. Theo đó, chủ sở hữu hạ tầng cần có phương án chia sẻ hạ tầng dùng chung cho các doanh nghiệp viễn thông có nhu cầu sử dụng để đảm bảo tính quy hoạch tất cả cấp viễn thông phải được lắp đặt tại hạ tầng ngầm kỹ thuật theo mục đích của điều khoản này.</i></p>	x	Tiếp thu. Chỉnh lý dự thảo

219		Viettel	<p>Đề xuất bổ sung tiêu chí để lựa chọn doanh nghiệp sẽ đầu tư, xây dựng trong trường hợp nếu tuyển, hướng của hệ thống cáp của các doanh nghiệp viễn thông giống nhau.</p> <p>Lý do: Để có cơ sở giúp các đơn vị dễ dàng thực hiện</p>	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
220		Hà nội	<p>Quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, cột treo cáp: đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ “cột đèn” tại điểm b, Khoản 2. Lý do việc treo cáp trên cột chiếu sáng và cột đèn làm mất mỹ quan đô thị và không đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật để treo cáp viễn thông.</p> <p>Về nội dung quy hoạch vị trí xây dựng lắp đặt cột ăng ten: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu không nên quy hoạch cứng các vị trí, tọa độ xây dựng cột ăng ten trong nội dung quy hoạch, đề xuất trong quy hoạch chỉ đưa ra số lượng các cột ăng ten, vị trí xây dựng cụ thể sẽ do doanh nghiệp đề xuất tại Kế hoạch phát triển hàng năm.</p>			Tiếp thu một phần, chính lý dự thảo.
221		Hải Phòng	<p>Đề nghị xem xét điều chỉnh điểm c khoản 2 Điều 65 dự thảo như sau:</p> <p>- Nội dung nêu trong dự thảo: “Đối với các khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, tuyến đường, phố mới xây dựng, cải tạo hoặc mở rộng phải lập, phê duyệt quy hoạch và triển khai xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm để đi cáp viễn thông”</p> <p>- Nội dung đề nghị điều chỉnh: “Quy hoạch mới hoặc quy hoạch điều chỉnh các khu chức năng, khu đô thị, khu dân cư, cụm công nghiệp phải có nội dung quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động. Chủ đầu tư khu đô thị mới, khu chức năng và các tuyến đường phố mới xây</p>	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo

			<i>dựng có trách nhiệm lập, trình phê duyệt thiết kế và triển khai xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm để đi cáp viễn thông”.</i>			
222		Quảng Bình	Công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, cột treo cáp tại Mẫu số 21 “Danh mục các khu vực, tuyến đường phố được xây dựng, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật để lắp đặt cáp viễn thông”: khái niệm “quy mô công trình” (cột 4) chưa đồng nhất với mục d, khoản 3, Điều 65; đề nghị xem xét bổ sung sửa đổi lại.	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
223	Điều 66	Thái Bình	Đề nghị bỏ cụm từ "tọa độ" tại khoản 3, khoản 4 Điều 63; điểm c khoản 1 Điều 80; tiêu đề của Điều 66 và mẫu số 27	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
224		Thanh Hóa	Tại điểm b khoản 1 Điều 66, đề nghị sửa nội dung “Xác định độ cao tối đa cột treo ăng ten và lắp đặt thiết bị, số lượng vị trí trạm lắp đặt ăng ten theo địa giới hành chính phù hợp với quy hoạch xây dựng và các quy định về độ cao xây dựng trên địa bàn” thành: “Xác định độ cao tối đa và khoảng cách tối thiểu của các cột treo ăng ten theo địa giới hành chính phù hợp với quy hoạch xây dựng và các quy định về xây dựng trên địa bàn”. Lý do: Việc quản lý quy hoạch cột treo ăng ten theo độ cao và khoảng cách sẽ đảm bảo cảnh quan hơn, đồng thời việc không quy định số lượng cột theo đơn vị hành chính sẽ tạo điều kiện để các doanh nghiệp được bình đẳng trong đầu tư phát triển hạ tầng.	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
225		Hà nội	Phương án phát triển vị trí lắp đặt cột ăng ten theo tọa độ, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét điều chỉnh tên tiêu đề thành “Quy hoạch vị trí phát triển lắp đặt ăng ten” đồng thời điều chỉnh nội dung điểm b, khoản 1 thành “Khuyến khích việc xây dựng các cột ăng ten thân thiện môi trường tại khu vực đô thị và các điểm tập trung đông dân cư ở nông thôn”		x	Bảo lưu Dự thảo Nghị định không quy hoạch vị trí cột ăng ten. Tuy nhiên trong kế hoạch thì có yêu cầu doanh nghiệp báo cáo vị trí (tọa độ dự kiến). Tại Khoản 1 có nêu cần phải đảm bảo cảnh quan môi trường rồi. Nên cột ăng ten thân thiện môi trường không cần quy định nữa

226	Quảng Ninh	Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung quy định cụ thể về đất sử dụng cho công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động		x	Bộ TT&TT xin giải trình như sau: Luật Viễn thông không giao Nghị định quy định chi tiết về đất sử dụng cho công trình viễn thông. Vấn đề này sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.
227	Bắc Ninh	Phương án phát triển vị trí lắp đặt ăng ten theo tọa độ) theo dự thảo: bổ sung nội dung sau “đáp ứng cho việc dùng chung tối thiểu từ 2 doanh nghiệp trở lên” và được sửa thành “Cột ăng ten phải bảo đảm an toàn, mỹ quan, đáp ứng cho việc dùng chung tối thiểu từ 2 doanh nghiệp trở lên và tuân thủ các yêu cầu về thiết kế, xây dựng công trình và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan”.	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
228	VNPT	Đề xuất không đưa tọa độ/địa chỉ vị trí lắp đặt nhà trạm và tọa độ, độ cao, chủng loại, số lượng ăng ten vào quy hoạch. Áp dụng nguyên tắc linh hoạt về vị trí, độ cao, chủng loại, số lượng ăng ten và nhà trạm. Độ cao của cột ăng ten cần đảm bảo dùng chung cho nhiều nhà mạng Lý do: Nhà mạng xây dựng quy hoạch theo 5 năm, triển khai kế hoạch hàng năm và trong quá trình khai thác thường xuyên phải điều chỉnh để tối ưu chất lượng mạng. Nếu quy định cứng các tham số trên thì gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện.	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
229	Mobifone	Đề xuất xem xét lại quy định tại Điểm b Khoản 1: “ <i>Hạn chế việc xây dựng các cột ăng ten tại khu vực đô thị và điểm dân cư nông thôn đến mức thấp nhất.</i> ” Lý do đề xuất: khu vực đô thị và điểm dân cư nông thôn cần quy hoạch phù hợp vị trí lắp đặt cột ăng ten để phát sóng phục vụ mật độ dân cư đông.	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo

230	Long An	<p>đề nghị xem xét bổ sung quy định việc chia sẻ, sử dụng chung nhà trạm viễn thông, cột ăng ten và quy định cụ thể khoảng cách dùng chung cơ sở hạ tầng các cột ăng ten tại các khu vực khác nhau như: Khu, cụm công nghiệp; khu dân cư; khu đô thị; xã, phường, thị trấn... Ví dụ: Đối với khu, cụm công nghiệp khoảng cách dùng chung là 150m (loại cột ăng ten A2a) hoặc 200m (loại cột ăng ten A2b).</p>	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
231	Viettel	<p>Đề xuất sửa thành:</p> <p>Điều 66. Phương án phát triển lắp đặt ăng ten theo khu vực.</p> <p>Lý do:</p> <p>Đề xuất sửa tiêu đề. Theo thực tế, tại 01 vị trí, doanh nghiệp viễn thông không chỉ lắp đặt anten, mà còn xây dựng cột treo anten, nhà trạm, lắp đặt thiết bị cung cấp nhiều dịch vụ khác nhau di động, cố định, truyền dẫn. Do đó, đề xuất đổi từ vị trí lắp đặt anten theo tọa độ sang theo khu vực.</p> <p>Khoản 1 điểm b: Đề xuất sửa thành:</p> <p>Điều 66. Phương án phát triển vị trí lắp đặt ăng ten theo tọa độ</p> <p>1. Mục tiêu:</p> <p>b) Quy định việc xây dựng các cột ăng ten tại khu vực đô thị và điểm dân cư nông thôn.</p> <p>- Xác định độ cao tối đa cột treo ăng ten theo địa giới hành chính phù hợp với quy hoạch xây dựng và các quy định về độ cao xây dựng trên địa bàn;</p> <p>Lý do:</p>	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo

		<p>- Điều chỉnh cụm từ “hạn chế” thành “quy định” do việc “hạn chế xây dựng các cột anten” là khó khả thi do cần đảm bảo vùng phủ và chất lượng dịch vụ theo từng công nghệ và băng tần số.</p> <p>- Bỏ cụm từ “và lắp đặt thiết bị, số lượng trạm lắp đặt ăng ten” do các nhà mạng cần đảm bảo vùng phủ, chất lượng dịch vụ theo từng công nghệ và băng tần. Ngoài ra, các nhà mạng sẽ chủ động tối ưu chi phí với số lượng và độ cao ăng ten phù hợp</p> <p>Đề xuất bỏ điểm c, e khoản 2 Điều 66</p> <p>Lý do:</p> <p>- Đề xuất bỏ nội dung yêu cầu tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện tại điểm c khoản 2 Điều 66 do nội dung này đã được quy định tại Điều 51 và 52 dự thảo này.</p> <p>- Đề xuất bỏ điểm e khoản 2 do việc quy định cụ thể số lượng sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp triển khai trên thực tế.</p> <p>- Đề xuất bổ sung tiêu chí xác định các đường, phố chính, tránh việc áp dụng không đồng nhất giữa các địa phương khác nhau.</p>			
232	Hải Phòng	<p>1. Đề nghị điều chỉnh Điểm b Khoản 1 Điều 66 dự thảo như sau:</p> <p>a) Đối với tiêu đề điểm b: Đề nghị bổ sung cụm từ “công kênh” vào nội dung điểm b Khoản 1 Điều 66, cụ thể: “<i>Hạn chế việc xây dựng các cột ăng ten công kênh tại khu vực đô thị và điểm dân cư nông thôn đến mức thấp nhất</i>”.</p> <p>b) Đối với nội dung ý 1 điểm b:</p>	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo

		<p>- Nội dung nêu trong dự thảo: “Xác định độ cao tối đa cột treo ăng ten và lắp đặt thiết bị, số lượng vị trí trạm lắp đặt ăng ten theo địa giới hành chính phù hợp với quy hoạch xây dựng và các quy định về độ cao xây dựng trên địa bàn”.</p> <p>- Nội dung đề nghị điều chỉnh: “Xác định độ cao tối đa cột lắp đặt ăng ten và thiết bị viễn thông theo khu vực, phù hợp với quy hoạch xây dựng và các quy định về độ cao xây dựng trên địa bàn”.</p> <p>c) Đối với nội dung ý 2 điểm b:</p> <p>- Nội dung nêu trong dự thảo: “Căn cứ vào hiện trạng hạ tầng viễn thông thụ động, kế hoạch phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xác định các vị trí cần xây dựng lắp đặt công trình viễn thông chịu được rủi ro thiên tai cấp độ 4 và đáp ứng việc dùng chung tối thiểu cho 2 doanh nghiệp (theo Mẫu số 02 - Phụ lục kèm theo)”.</p> <p>- Nội dung đề nghị điều chỉnh: “Căn cứ vào hiện trạng hạ tầng viễn thông thụ động, kế hoạch phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xác định khu vực cần xây dựng lắp đặt công trình viễn thông chịu được rủi ro thiên tai cấp độ 4 và đáp ứng việc dùng chung tối thiểu cho 2 doanh nghiệp (theo Mẫu số 02 - Phụ lục kèm theo)”.</p> <p>2. Đề nghị điều chỉnh cụm từ “vị trí” thành “khu vực”, đồng thời bổ sung cụm từ “phương án” vào trước cụm từ “ngụy trang” đối với nội dung</p>			
--	--	--	--	--	--

		<p>điểm d, Khoản 2 Điều 66, cụ thể: “<i>Tại các khu vực có yêu cầu cao về bảo vệ cảnh quan môi trường như mặt các đường, phố chính, quảng trường trung tâm, khu di tích lịch sử - văn hóa, khu danh lam thắng cảnh và các khu vực khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thì ban hành danh mục khu vực về giới hạn chiều cao cột ăng ten và phương án nguy trang (theo Mẫu số 23 - Phụ lục kèm theo)</i>”</p> <p>3. Đề nghị điều chỉnh Điểm g Khoản 2 Điều 66 dự thảo như sau.</p> <p>- Nội dung nêu trong dự thảo: “<i>Căn cứ lịch sử thiên tai, vùng trọng điểm của thiên tai, xác định vị trí để bảo đảm ít nhất một cột ăng ten chịu được rủi ro thiên tai cấp độ 4 và có khả năng dùng chung</i>”</p> <p>- Nội dung đề nghị điều chỉnh: “<i>Căn cứ lịch sử thiên tai, vùng trọng điểm của thiên tai, xác định vị trí để bảo đảm mỗi vùng trọng điểm của thiên tai có ít nhất một cột ăng ten chịu được rủi ro thiên tai cấp độ 4 và có khả năng dùng chung</i>”.</p>		
233	Đắk Nông	<p>Nội dung quy định về chiều cao và tọa độ vị trí cột ăng ten (Điều 66), Sở TT&TT kiến nghị cơ quan soạn thảo quy định theo hướng mềm:</p> <p>- Quy định chiều cao tối thiểu, chiều cao tối đa Sở căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương để đưa vào quy hoạch, nếu quá chiều cao tối đa Sở sẽ xin ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan như Bộ Chỉ huy Quân sự địa phương, Sở Xây dựng,...</p> <p>- Về tọa độ cột ăng ten thì không quy định tọa độ chi tiết mà chỉ nêu tên khu vực, vị trí</p>		Tiếp thu một phần. Chính lý dự thảo

234		Ninh Bình	Sửa đổi điểm d, khoản 2, Điều 66, dự thảo Nghị định như sau “Ban hành danh mục vị trí về giới hạn chiều cao cột ăng ten, nguy trang (theo Mẫu số 03 -Phụ lục kèm theo) tại các khu vực có yêu cầu cao về bảo vệ cảnh quan môi trường như mặt các đường, phố chính, quảng trường trung tâm, khu di tích lịch sử-văn hóa, khu danh lam thắng cảnh và các khu vực khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố”	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
235	Điều 67	HTC	Xem xét kéo dài thời hạn trả lời (60 ngày) do hồ sơ quy hoạch phức tạp, doanh nghiệp cần nhiều thời gian xem xét đưa ra ý kiến	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
236		Đắk Nông	Đề xuất điều chỉnh: Lấy ý kiến về quy hoạch 2. Việc lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân liên quan đối với quy hoạch, được thực hiện như sau:			Tiếp thu. Chính lý dự thảo
237	Điều 68	Thái Bình	Đề nghị xem xét gộp khoản 6, khoản 7 Điều 61 vào Điều 68 và Điều 69; bỏ đại diện doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng trong thành phần Hội đồng thẩm định quy hoạch	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
238		Bắc Ninh	Về việc tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch (tại Điều 61) và thẩm định quy hoạch (tại Điều 68 và Điều 69): trong dự thảo Nghị định thành lập 2 hội đồng (thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch và thẩm định Quy hoạch), để thuận tiện trong quá trình thẩm định, đề nghị thành lập một hội đồng thẩm định vừa thực hiện việc thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch và thẩm định Quy hoạch; thẩm quyền và thành phần Hội đồng thẩm định do cơ quan tổ chức lập quy hoạch (UBND tỉnh) quyết định thành lập, thành phần bao gồm Sở TT&TT(cơ quan thường trực), các sở, ngành, địa phương có liên quan (các sở: Xây dựng, Giao thông và Vận tải, Công thương,...) và có thể	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo

			mời thêm đại diện lãnh đạo doanh nghiệp viên thông trên địa bàn tham gia.			
239	Điều 69	Thái Bình	Đề nghị xem xét gộp khoản 6, khoản 7 Điều 61 vào Điều 68 và Điều 69; bỏ đại diện doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng trong thành phần Hội đồng thẩm định quy hoạch	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
240		Bắc Ninh	Về việc tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch (tại Điều 61) và thẩm định quy hoạch (tại Điều 68 và Điều 69): trong dự thảo Nghị định thành lập 2 hội đồng (thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch và thẩm định Quy hoạch), để thuận tiện trong quá trình thẩm định, đề nghị thành lập một hội đồng thẩm định vừa thực hiện việc thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch và thẩm định Quy hoạch; thẩm quyền và thành phần Hội đồng thẩm định do cơ quan tổ chức lập quy hoạch (UBND tỉnh) quyết định thành lập, thành phần bao gồm Sở TT&TT (cơ quan thường trực), các sở, ngành, địa phương có liên quan (các sở: Xây dựng, Giao thông và Vận tải, Công thương,...) và có thể mời thêm đại diện lãnh đạo doanh nghiệp viên thông trên địa bàn tham gia.	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
241		Khánh Hòa	với nội dung tại khoản 1 Điều 19 - Thành phần Hội đồng thẩm định quy hoạch: Đề nghị xem xét lược bỏ thành viên không phù hợp thực hiện chức năng thẩm định là “đại diện của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng”			Tiếp thu. Chính lý dự thảo
242		Đắk Nông	Đề nghị điều chỉnh: Hội đồng thẩm định quy hoạch 2. Trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng thẩm định: b) Ủy viên phản biện có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng thẩm định; nghiên cứu hồ sơ trình thẩm định quy hoạch; chuẩn bị ý kiến phản biện bằng văn bản gửi cho Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định trước khi họp Hội đồng thẩm			Tiếp thu một phần. Chính lý dự thảo

			định; không được tiếp xúc với tổ chức, cá nhân tư vấn lập Quy hoạch cho đến khi công việc phản biện hoàn tất;			
243		Nam Định	Sửa Khoản 1c, Điều 69 như sau: “thành viên của Hội đồng có từ 07 đến 09 người, bao gồm 02 thành viên phản biện, do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định”. Lý do: Tăng tính chủ động của tỉnh trong công tác lựa chọn thành viên hội đồng. Thành viên hội đồng không cần thiết có đại diện của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
244		Thanh Hóa	Quy định nội dung và quy trình thẩm định sự phù hợp của quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương Để đảm bảo thực hiện đúng Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trong quá trình đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông thụ động của các doanh nghiệp tại địa phương, đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với các bộ, ngành có liên quan (Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài Nguyên và Môi trường...) nghiên cứu bổ sung các quy định về nội dung, quy trình và trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông trong việc thẩm định sự phù hợp với Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, làm cơ sở cho việc cấp phép đầu tư hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động cho các doanh nghiệp tại địa phương.	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
245	Điều 72	Hải Phòng	Khoản 4 quy định: "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc xin ý kiến Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về hồ sơ quy hoạch đã được Hội đồng thẩm định quy hoạch thông qua trước khi ký ban hành" là chưa đảm bảo tinh thần của Nghị quyết 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; theo đó, loại bỏ các quy định phải có ý kiến chấp thuận hoặc xin ý kiến của cơ quan nhà nước cấp trên đối với những vấn đề đã được quy định bằng tiêu chí, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình và đã được phân cấp quản lý. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, chỉnh lý	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo

246	Điều 76	Nam Định	Sửa lại Khoản 2.1, Điều 76 thành: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:a) Chỉ đạo các <i>cơ quan lập quy hoạch</i> sau khi phê duyệt có trách nhiệm lập, cập nhật, bổ sung cơ sở dữ liệu số về bản đồ và các tài liệu quy hoạch theo 2 2 quy định để chia sẻ cho các cơ quan chuyên môn của địa phương và đồng bộ với cơ sở dữ liệu của Bộ Thông tin và Truyền thông”. Lý do: Tại Khoản 2.a, Điều 76. Tổ chức thực hiện quy hoạch, có giao: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: a) Chỉ đạo các <i>cơ quan tổ chức lập quy hoạch</i> sau khi phê duyệt có trách nhiệm lập, cập nhật, bổ sung cơ sở dữ liệu số về bản đồ và các tài liệu quy hoạch theo quy định để chia sẻ cho các cơ quan chuyên môn của địa phương và đồng bộ với cơ sở dữ liệu của Bộ Thông tin và Truyền thông”. Điều này là không hợp lý vì theo Điều 53, <i>cơ quan tổ chức lập quy hoạch</i> là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực thuộc trung ương; <i>cơ quan lập quy hoạch</i> là cơ quan chuyên môn về viễn thông thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ lập quy hoạch	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
247		Đắk Nông	Nội dung sử dụng bản đồ số để quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn (Điều 76): Sở TT&TT kiến nghị xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung giữa các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cũng như của tất cả các tỉnh		x	Bảo lưu Các địa phương xây dựng riêng cơ sở dữ liệu dùng các doanh nghiệp trên địa bàn
248		Gia Lai	Đề nghị đơn vị soạn thảo điều chỉnh lại thành: “a) Chỉ đạo <i>cơ quan lập quy hoạch</i> sau khi quy hoạch được phê duyệt có trách nhiệm lập, cập nhật, bổ sung cơ sở dữ liệu số về bản đồ và các tài liệu quy hoạch trên nền tảng cơ sở dữ liệu quy hoạch dùng chung do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng để quản lý, chia sẻ cho các cơ quan chuyên môn của địa phương;”	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo

			<p><u>Lý do:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng nền tảng dữ liệu dùng chung để thuận tiện cho công tác quản lý hạ tầng của cả nước. - Tại Điều 53 của Dự thảo quy định cơ quan tổ chức lập quy hoạch là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cơ quan lập quy hoạch là cơ quan chuyên môn về viễn thông thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ lập quy hoạch. 			
249	Điều 77	Viettel	<p>Đề xuất sửa thành:</p> <p>Điều 77. Đánh giá, rà soát thực hiện quy hoạch</p> <p>3. Quy hoạch được rà soát theo định kỳ hàng năm hoặc trường hợp đặc biệt khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch để điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng giai đoạn. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức rà soát quy hoạch; kết quả rà soát quy hoạch phải được báo cáo bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.</p> <p>Lý do:</p> <p>Đề xuất rà soát định kỳ hàng năm và điều chỉnh kịp thời nếu cần thiết để phù hợp với thực tế, tăng tính hiệu quả của quy hoạch.</p>	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
250	Điều 78	Viettel	<p>Đề xuất sửa thành:</p> <p>Điều 78. Điều chỉnh quy hoạch</p> <p>2. Điều chỉnh cục bộ các nội dung của quy hoạch nhưng không ảnh hưởng đến mục tiêu, quan điểm, phương hướng phát triển, giải pháp thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt và bảo đảm tính đồng bộ của các quy hoạch trong khu vực khi:</p>	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo

			<p>a) Phát sinh nhu cầu thực tế phát triển mạng của ít nhất một doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng mạng trên địa bàn để cung cấp dịch vụ viễn thông công nghệ mới, mở rộng dung lượng, số lượng cơ sở hạ tầng.</p> <p>Lý do:</p> <p>Đề xuất sửa đổi để làm rõ nguồn gốc phát sinh nhu cầu điều chỉnh quy hoạch</p>			
251	Điều 79	VNPT	<p>- Đề nghị xem xét, bổ sung vào điểm b khoản 2 lấy ý kiến của các doanh nghiệp có hạ tầng mạng.</p> <p>- Xem xét bổ sung các mốc thời hạn của trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch cục bộ.</p> <p>Lý do:</p> <p>Để quy hoạch được điều chỉnh phù hợp với thực tiễn và rõ ràng trong quá trình triển khai.</p>		x	<p>Bảo lưu</p> <p>Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch được thực hiện như đối với việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch quy định tại Nghị định này</p>
252	Điều 80	Thái Bình	<p>Đề nghị bỏ cụm từ "tọa độ" tại khoản 3, khoản 4 Điều 63; điểm c khoản 1 Điều 80; tiêu đề của Điều 66 và mẫu số 27</p>	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo
253		Bắc Ninh	<p>Tại điểm đ, khoản 1, Điều 80 (Kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch) - Về thẩm quyền phê duyệt kế hoạch hàng năm của doanh nghiệp: Đề tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, về thẩm quyền đề nghị giao cho Sở TT&TT phê duyệt kế hoạch hàng năm trên cơ sở Quy hoạch hạ tầng viễn thông đã được phê duyệt. - Kế hoạch phát triển vị trí lắp đặt ăng ten theo tọa độ (được lập thành bảng và thể hiện trên bản đồ số) (theo Mẫu số 26 - Phụ lục kèm theo): Theo thực tế hiện nay, một số vị trí đã được phê duyệt nhưng doanh nghiệp không xây dựng, lắp đặt được trạm BTS (do chủ nhà thay đổi không cho thuê vị trí; phản đối của một số người dân ở khu vực xung quanh...) <i>do vậy để thuận lợi cho doanh nghiệp đề nghị xây dựng Kế hoạch phát triển vị trí lắp đặt ăng ten theo khu vực cấp xã, khi thay đổi vị</i></p>	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo

			<i>trí xây dựng, lắp đặt doanh nghiệp báo cáo Sở xem xét phê duyệt trên cơ sở Quy hoạch đã phê duyệt.</i>			
254	Hà nội	Tại điều 80. Kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, đề xuất việc xây dựng kế hoạch triển khai Quy hoạch hàng năm nên giao Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh/thành phố phê duyệt trên cơ sở Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh/thành phố và kế hoạch đầu tư, xây dựng phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn (hiện nay, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh cũng như các địa phương khác đang đẩy mạnh công tác phân cấp, ủy quyền các nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh/thành phố). Việc xác định chi phí cho hoạt động quy hoạch (định mức lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch,...): Trong dự thảo Nghị định chưa rõ, chưa được quy định cụ thể, do đó đề nghị Cơ quan soạn thảo có ý kiến với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để có hướng dẫn cụ thể về nội dung này làm cơ sở để các địa phương thực hiện sau này.	x		Tiếp thu. Chi phí cho hoạt động quy hoạch được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bộ TTTT sẽ có ý kiến với Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để hướng dẫn nội dung này	
255	Viettel	Đề xuất sửa thành: Điều 80. Kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch 1. Trách nhiệm lập kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng c) Nội dung của kế hoạch hàng năm được quyết định phê duyệt phải bao gồm chủ yếu các nội dung sau: - Kế hoạch phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm (cống, bể, ống cáp); hào, tuyen kỹ thuật cho từng khu vực (theo Mẫu số 25 - Phụ lục kèm theo); - Kế hoạch phát triển cột treo cáp cho từng khu vực (bao gồm cột viễn thông, cột điện lực, cột chiếu sáng và các	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo	

		<p>cột sử dụng treo cáp, lắp đặt thiết bị viễn thông) (theo Mẫu số 14 - Phụ lục kèm theo);</p> <p>- Kế hoạch phát triển lắp đặt ăng ten cho từng khu vực (được lập thành bảng và thể hiện trên bản đồ số) (theo Mẫu số 26 - Phụ lục kèm theo);</p> <p>Lý do:</p> <p>Điều chỉnh các nội dung mục c khoản 1 Điều 80 theo các nội dung đã đề xuất điều chỉnh tại Điều 63</p>			
256	Quảng Bình	<p>Kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch</p> <p>-Tại điểm b khoản 1 Điều 80: “- Gửi kế hoạch thực hiện quy hoạch cho các cơ quan chuyên môn của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện để cho ý kiến và đồng bộ với kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật các ngành và phối hợp triển khai sau này khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt”Đề nghị nghiên cứu sửa đổi nội dung này, vì việc gửi kế hoạch thực hiện quy hoạch cho các cơ quan chuyên môn của địa phương, UBND cấp huyện là rất nhiều đầu mối, phát sinh thủ tục hành chính.Đề nghị xem xét sửa thành:“-Gửi kế hoạch thực hiện quy hoạch cho Sở Thông tin và Truyền thông cho ý kiến phù hợp với quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động; gửi kế hoạch thực hiện quy hoạch cho Sở Xây dựng, UBND cấp huyện cho ý kiến đảm bảo đồng bộ với kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật các ngành và phối hợp trong triển khai thực hiện”. -Tại điểm c khoản 1 Điều 80: “Nội dung của kế hoạch được quyết định phê duyệt phải bao gồm chủ yếu các nội dung sau”</p> <p>2+ Kế hoạch phát triển vị trí lắp đặt ăng ten theo tọa độ (được lập thành bảng và thể hiện trên bản đồ số)theo Mẫu số 26 là khó khả thi trên thực tế, đề nghị nghiên cứu sửa đổi; vì việc xây dựng cột ăng ten trạm BTS phụ thuộc chính vào việc thuê địa điểm xây dựng, chủ yếu là đất</p>	x		Tiếp thu. Chính lý dự thảo

			thuê của tổ chức, cá nhân thường có sự thay đổi mục đích sử dụng đất theo hàng năm. + Đề nghị xem xét tách các kế hoạch thuộc điểm c khoản 1 Điều 80 theo hướng giao cho Sở Thông tin và Truyền thông xem xét cho ý kiến phù hợp quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động hàng năm tại địa phương. 2.3. Đề nghị nghiên cứu đưa bổ sung quy định “công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động” vào Nghị định quy định chi tiết để áp dụng việc miễn cấp giấy phép xây dựng thuộc khoản 2 “Các trường hợp được miễn giấy phép xây dựng” tại Điều 89 Luật Xây dựng số 62/2020/QH14			
257	Điều 83	GTel	<p>Đề nghị bổ sung, chỉnh sửa “<i>Chia sẻ hạ tầng kỹ thuật viễn thông tích cực là việc các doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung một phần mạng, thiết bị viễn thông, băng tần. Việc chia sẻ hạ tầng kỹ thuật viễn thông tích cực phải đảm bảo:</i></p> <p><i>a) Tuân theo quy định tại Khoản 2 Điều 47 Luật Viễn thông;</i></p> <p><i>b) Tuân theo quy định của pháp luật về cạnh tranh và quy định khác của pháp luật có liên quan.</i></p> <p>Lý do hiện nay nhiều nước trên thế giới khi triển khai 5G đã cho phép các doanh nghiệp được triển khai sử dụng chung tần số đã làm giảm chi phí đầu tư nhiều lần nhưng lại tăng phủ sóng toàn quốc trong thời gian ngắn hơn như phát triển 5G tại Trung Quốc</p>		x	Bảo lưu. Dự thảo Nghị định không hạn chế việc chia sẻ hạ tầng tuy nhiên phải phù hợp với luật tần số và Luật cạnh tranh...
258		MobiFone	Đề nghị cho phép triển khai chia sẻ cơ sở hạ tầng theo cả 02 hình thức MORAN và MOCN (chia sẻ tần số)		x	Bảo lưu. Về vấn đề chia sẻ tần số, nội dung này đã được đề xuất, thảo luận trong quá trình xây dựng dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi). Bộ TT&TT đã có giải trình báo cáo Thủ tướng Chính phủ nêu rõ việc chia sẻ tần số thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về tần số vô tuyến điện. Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý với giải trình của Bộ TT&TT tại kết luận số

					466/TB-VPCP ngày 13/11/2023 và không đưa nội dung này vào dự thảo Luật Viễn thông.
259	Hà nội	Tại khoản 2 Điều 83. Chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định “Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì hiệp thương, giải quyết trong trường hợp các bên không thỏa thuận được về giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung (cống bê cáp, hào, tuynel kỹ thuật) trên địa bàn quản lý của mình”. Hiện nay, vấn đề khúc mắc của các doanh nghiệp viễn thông trong việc chia sẻ sử dụng chung hạ tầng là vấn đề giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung		x	Bảo lưu. Vấn đề hiệp thương về giá sẽ thực hiện theo pháp luật về giá. Ngoài ra, Luật Viễn thông cũng giao Bộ TT&TT quy định chi tiết về phương pháp định giá, kiểm soát giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật
260	VNPT	VNPT đề nghị xem xét bổ sung quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp về chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông nêu tại khoản 2 Điều 83 tương tự như trình tự quy định giải quyết tranh chấp tại khoản 2 Điều 14 (vì điều 14 đã ngoại trừ trường hợp tranh chấp quy định tại khoản 2 Điều 83). VNPT đề xuất sửa thành: 3. Chia sẻ hạ tầng kỹ thuật viễn thông tích cực là việc các doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung một phần mạng, thiết bị viễn thông và tài nguyên viễn thông. Lý do: 1. Việc sử dụng tần số vô tuyến điện phải hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm, đúng mục đích. Đây là nguyên tắc cần đảm bảo trong quá trình xây dựng, phê duyệt quy hoạch tần số vô tuyến điện (khoản 4 Điều 10 Luật Tần số vô tuyến điện). Đồng thời, khoản 6 Điều 5 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp quy định: “ <i>Cơ quan đại diện chủ sở hữu, người đại diện chủ sở hữu trực tiếp hoặc người đại diện phần</i>		x	Bảo lưu. Về vấn đề chia sẻ tần số, nội dung này đã được đề xuất, thảo luận trong quá trình xây dựng dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi). Bộ TT&TT đã có giải trình báo cáo Thủ tướng Chính phủ nêu rõ việc chia sẻ tần số thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về tần số vô tuyến điện. Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý với giải trình của Bộ TT&TT tại kết luận số 466/TB-VPCP ngày 13/11/2023 và không đưa nội dung này vào dự thảo Luật Viễn thông.

			<p><i>vốn nhà nước chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, bảo đảm hiệu quả, bảo toàn và gia tăng giá trị vốn nhà nước đầu tư ...”.</i></p> <p>Do vậy, quy định chia sẻ tần số vô tuyến điện giữa các doanh nghiệp viễn thông là phù hợp với các nguyên tắc nêu trên.</p> <p>2. Điểm c khoản 3 Điều 13 Luật viễn thông năm 2023 quy định: <i>Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng có quyền cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê cơ sở hạ tầng viễn thông.</i> Như vậy được hiểu doanh nghiệp viễn thông có quyền thuê cơ sở hạ tầng viễn thông của doanh nghiệp khác là bao gồm cả doanh nghiệp có cơ sở hạ tầng và doanh nghiệp không có cơ sở hạ tầng.</p> <p>Việc sử dụng hạ tầng viễn thông là gắn với băng tần để phát sinh lưu lượng. Đồng thời, hiện nay các doanh nghiệp MVNO khi thuê cơ sở hạ tầng viễn thông thì chi phí thuê được tính theo lưu lượng sử dụng (được hiểu các doanh nghiệp MVNO đang sử dụng băng tần của doanh nghiệp viễn thông cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông).</p> <p>Do đó, việc chia sẻ tần số vô tuyến điện (băng tần) sẽ đảm bảo cân bằng lợi ích giữa các doanh nghiệp (doanh nghiệp có hạ tầng và doanh nghiệp không có hạ tầng).</p>			
261		Vietnamobile	<p>Dự thảo hiện chưa có quy định giải quyết trong trường hợp hai bên không thỏa thuận được về giá chia sẻ hạ tầng. Trong khi đó, việc cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê hạ tầng là nghĩa vụ của doanh nghiệp viễn thông theo quy định của Dự thảo.</p> <p>Vì vậy, để đảm bảo việc thực thi, Vietnamobile đề xuất bổ sung quy định về việc cơ quan chuyên môn về viễn thông chủ trì hiệp thương, giải quyết đối với cả trường hợp các bên không thỏa thuận được về giá.</p>		x	Bảo lưu. Bộ TT&TT xin giải trình như sau: Theo Điều 47 Luật Viễn thông, tranh chấp về giá thực hiện hiệp thương theo pháp luật về giá. Thẩm quyền hiệp thương giá theo quy định của pháp luật về giá.

262	Quỹ VTCI	<p>Điều này cần quy định chi tiết cho việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông tại Điều 47 của Luật Viễn thông. Theo đó, bao gồm cả các quy định về việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông giữa các doanh nghiệp viễn thông phục vụ hoạt động viễn thông công ích. Vấn đề này rất cần thiết và cần được quy định minh bạch, rõ ràng để đảm bảo tính tiết kiệm, hiệu quả, thuận lợi và khả thi trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch viễn thông công ích. Tuy nhiên, Dự thảo Nghị định chưa có nội dung này, đề nghị xem xét bổ sung.</p>		x	<p>Bảo lưu. Luật VT đã có quy định tại Điều 47. Chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông</p> <p>1. Chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông là việc sử dụng chung một phần mạng, công trình, thiết bị viễn thông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông giữa các doanh nghiệp viễn thông nhằm bảo đảm thiết lập mạng viễn thông và cung cấp dịch vụ viễn thông hiệu quả, thuận lợi, nhanh chóng hoặc bảo đảm yêu cầu về cảnh quan, môi trường và các quy hoạch có liên quan; phục vụ hoạt động viễn thông công ích, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống thiên tai, hỏa hoạn, thảm họa khác, phòng, chống dịch bệnh;</p>
263	Bộ Quốc phòng	<p>Đề nghị bổ sung 01 khoản trong điều 83 như sau:</p> <p><i>n) Việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông giữa các Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp viễn thông với các Cơ quan, tổ chức trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh nhằm bảo đảm yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được thực hiện miễn phí.</i></p> <p><i>Lý do:</i></p> <p>Dự thảo nghị định tại Điều 83. Chia sẻ Cơ sở hạ tầng viễn thông chưa đầy đủ nội hàm theo nội dung của Luật, việc này sẽ dẫn đến khó khăn cho các Bộ, ngành, tổ chức, doanh nghiệp viễn thông trong việc phối hợp, triển khai thực hiện. Cụ thể:</p> <p>- Nội dung chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được Luật cụ thể trong Điều 47 ngành (viễn thông, điện lực, giao thông, đô thị) việc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện triển khai hạ tầng cấp quang trên các tuyến công bê, cột của doanh nghiệp viễn thông gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc, trong trường</p>			<p>Bộ TT&TT xin giải trình như sau:</p> <p>Vấn đề cho phép sử dụng miễn phí khi sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông của doanh nghiệp cho mục đích quốc phòng, an ninh đã được đề cập, thảo luận trong quá trình xây dựng dự án Luật Viễn thông sửa đổi. Đối với đề nghị này, trong Báo cáo giải trình tiếp thu và chỉnh lý dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) số 664/BC-UBTVQH15 ngày 23/10/2023 của Ủy ban TVQH trình Quốc hội đã có ý kiến giải trình về việc không đưa nội dung này vào dự thảo Luật vì các lý do sau:</p> <p>- Đối với việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông của doanh nghiệp viễn thông trong trường hợp khẩn cấp, Luật Viễn thông đã quy định nghĩa vụ của doanh nghiệp viễn thông phải thực hiện yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về huy động một phần hoặc toàn bộ cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định của pháp luật về quốc</p>

			<p>hợp đầu tư hạ tầng công bê, cột riêng cần nhiều thời gian, kinh phí và quy hoạch đô thị; trường hợp thuê, trả phí thì phát sinh ngân sách nhà nước nhưng hiện nay Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chưa được bảo đảm. Nội dung này Bộ Công an đã có Văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Thủ tướng chính phủ giao Bộ Tài chính đề xuất. Tại công văn số 10971/BTC-QLG ngày 25/10/2023 Bộ Tài chính đã đề xuất cho phép miễn phí hạ tầng doanh nghiệp để miễn phí sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phục vụ hoạt động quốc phòng, an ninh.</p>		<p>phòng, an ninh quốc gia và tình trạng khẩn cấp. Trong trường hợp này, việc thanh toán, bồi thường thiệt hại (nếu có) khi huy động, sử dụng cơ sở hạ tầng viễn thông của doanh nghiệp sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh quốc gia, tình trạng khẩn cấp và về trung mua, trung dụng tài sản.</p> <p>- Đối với việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông của doanh nghiệp để phục vụ thực hiện nhiệm vụ thường xuyên về quốc phòng, an ninh, Luật Viễn thông quy định việc này được thực hiện trên cơ sở hợp đồng, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan. Quy định này là phù hợp, nhằm bảo đảm tính minh bạch trong bối cảnh thị trường viễn thông hiện nay đã mở cửa với sự tham gia của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, bao gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.</p> <p>Do đó, vấn đề cho phép sử dụng miễn phí cơ sở hạ tầng viễn thông của doanh nghiệp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.</p>
264	Điều 84	VNPT	<p>Đề nghị xem xét, điều chỉnh như sau:</p> <p><i>“Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm tham gia phối hợp thực hiện hạ ngầm, chỉnh trang đường cáp viễn thông của mình.”</i></p> <p>Lý do:</p> <p>Đề nghị lược bỏ có trách nhiệm đóng góp kinh phí của các doanh nghiệp viễn thông. Nhà nước nên đưa ra cơ chế hấp dẫn DN tự bỏ vốn ra để đầu tư, hạ ngầm cho các DN khác thuê.</p>	x	<p>Bảo lưu. Trách nhiệm của DN cần phối hợp với địa phương để hạ ngầm, chỉnh trang</p>

265	Viettel	<p>Đề xuất sửa thành:</p> <p>Điều 84. Hạ ngầm, cải tạo, chỉnh trang tuyến cáp viễn thông</p> <p>Đề xuất bổ sung từ “cải tạo” và điều chỉnh từ “đường” thành “tuyến” tại các khoản 1, 2, 3, 4 của Điều 84.</p> <p>Lý do:</p> <p>Đề xuất bổ sung việc cải tạo cống bể, cột treo cáp để mở rộng không gian triển khai kéo cáp viễn thông.</p> <p>Khoản 3: Đề xuất bổ sung quy định hướng dẫn phương án đóng kinh phí để thực hiện hạ ngầm, chỉnh trang đường cáp viễn thông và tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp thực hiện.</p> <p>Lý do: Để có cơ sở thực hiện</p>		x	<p>-Bảo lưu ý kiến về bổ sung thuật ngữ cải tạo, tuyến</p> <p>Các thuật ngữ mà Viettel góp ý không có trong Luật VT 2023, khoản 4 điều 13 quy định</p> <p>4. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>d) Hạ ngầm, chỉnh trang đường cáp viễn thông.</p> <p>-Bảo lưu ý kiến Đề xuất bổ sung quy định hướng dẫn phương án đóng kinh phí để thực hiện hạ ngầm, chỉnh trang đường cáp viễn thông và tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp thực hiện. Nội dung này thực hiện nhiều năm qua, theo điều chỉnh của địa phương, cân đối dựa trên ngân sách, đóng góp của DN... không cần thiết phải quy định rõ. Trường hợp cần quy định rõ, đề nghị DN cung cấp dự thảo cụ thể, khả thi</p>
266	Hà nội	<p>Tại khoản 2 Điều 84. Hạ ngầm, chỉnh trang đường cáp viễn thông, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, đề xuất Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về việc ưu đãi đầu tư đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hạ ngầm, chỉnh trang đường cáp viễn thông trên địa bàn.</p>			<p>Bộ TT&TT đã rà soát các trường hợp ưu đãi đầu tư theo pháp luật về đầu tư và đề nghị lược bỏ quy định này để phù hợp với quy định về đầu tư</p>
267	Thanh Hóa	<p>2.1.1. Quy trình ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai sắp xếp, chỉnh trang, hạ ngầm cáp viễn thông và phát triển hạ tầng viễn thông tại các địa phương Hiện nay, kinh phí đảm bảo cho việc thực hiện sắp xếp, chỉnh trang, hạ ngầm cáp viễn thông cũng như phát triển hạ tầng viễn thông của các doanh nghiệp viễn thông ở địa phương hoàn toàn phụ thuộc vào các Tập đoàn, Tổng Công ty. Do đó, mặc dù trong những năm qua có sự chỉ đạo quyết liệt của</p>		x	<p>Bảo lưu. Nội dung hạ ngầm chỉnh trang được gắn với việc đảm bảo quy hoạch hạ tầng thụ động, trong đó Sở TTTT có vai trò chủ trì, vì vậy không cần quy định lại</p>

			<p>chính quyền địa phương nhưng hiệu quả thực hiện không cao. Nguyên nhân chủ yếu là: - Các doanh nghiệp viễn thông ở địa phương không chủ động được kinh phí cho việc tổ chức triển khai thực hiện mà hoàn toàn phụ thuộc vào việc phân bổ kinh phí của các Tập đoàn, Tổng Công ty. - Việc hạ ngầm cáp viễn thông cần thực hiện đồng bộ, thống nhất giữa các doanh nghiệp viễn thông với nhau và giữa hạ tầng của các doanh nghiệp viễn thông với hạ tầng kỹ thuật của các ngành khác (như: điện, nước, giao thông, xây dựng...). Tuy nhiên, các quy định pháp luật hiện hành chưa quy định cụ thể vai trò, trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông trong việc phối hợp với các ngành có liên quan để tổ chức triển khai thực hiện. Do đó, đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông: - Nghiên cứu bổ sung vào dự thảo Nghị định quy trình ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động ở các địa phương để đảm bảo kế hoạch ban hành có tính khả thi và có đủ nguồn lực để các doanh nghiệp ở địa phương thực hiện. - Phối hợp với các bộ, ngành có liên quan (Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Công thương...) để nghiên cứu bổ sung vào dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông trong công tác tổ chức sắp xếp, chỉnh trang, hạ ngầm cáp viễn thông tại các địa phương cho phù hợp với tình hình thực tế.</p>			
268	Điều 85	VNSKY	<p>Tuy nhiên trong nội dung dự thảo Nghị định đang không quy định 1 số nội dung tương ứng của Nghị định 25/2011/NĐ-CP là: “Điều 36. Nguyên tắc khuyến mại đối với dịch vụ viễn thông, hàng hóa viễn thông chuyên dùng”, “Điều 37. Quản lý khuyến mại đối với dịch vụ viễn thông, hàng hóa viễn thông chuyên dùng”, “Điều 38. Quản lý giá cước dịch vụ viễn thông”.</p> <p>Đề xuất Cục làm rõ các quy định về khuyến mại sẽ được quy định ở một Nghị định hoặc thông tư khác hay</p>	x	<p>Bảo lưu. Bộ TT&TT xin giải trình như sau:</p> <p>Theo quy định của Luật Viễn thông, thẩm quyền quản lý khuyến mại thuộc Bộ Công Thương và thực hiện thống nhất theo pháp luật về thương mại</p>	

			sẽ tuân thủ theo quy định tại Nghị định 81 của Luật thương mại.			
269	Điều 86	Viettel	<p>Đề xuất bổ sung quy định hủy bỏ hiệu lực của Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT hướng dẫn việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch HTKTVTTĐ tại địa phương.</p> <p>Lý do: Để có cơ sở áp dụng</p>			Việc hủy bỏ hiệu lực của Thông tư tuân theo các quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
CÁC BIỂU MẪU TRONG PHỤ LỤC KÈM THEO						
270	Các phụ lục kèm theo Nghị định	Cục Tần số VTĐ	Đề nghị rà soát lại các phụ lục kèm theo Nghị định để đồng bộ với Luật Viễn thông 2023 và các văn bản hướng dẫn Luật	x		Tiếp thu rà soát